WWW.DNPCORP.VN

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Văn phòng HĐQT
Tầng 23, tòa nhà Handico, đường Phạm Hùng,
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Điện thoại
(+84) 24.7300.1559

NGUYỄN THỊ NGỌC ANH
Digitally signed by NGUYỄN THỊ NGỌC ANH
Date: 2020.04.30 00:47:20 +07'00'

MỤC LỤC

01. THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT — 05

02. THÔNG TIN CHUNG VỀ DNP CORP — 07

03. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2019 — 35

04. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020 — 53

05. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2019 — 65

06. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG: — 75

07. NHÂN SỰ CHỦ CHỐT — 81

08. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC — 89

09. CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG — 93

10. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2019 — 103

01. THÔNG ĐIỆP CHỦ TỊCH HĐQT

Kính thưa Quý Cổ đông,

Năm 2019 đã khép lại với với các dấu mốc phát triển nhanh của DNP Corp cả về quy mô và chất lượng hoạt động. Tổng tài sản của công ty đã đạt mức 7.500 tỷ đồng cuối năm 2019, tăng gần 14% so với cùng kỳ, với sự đóng góp tăng trưởng của 2 nhóm ngành chính là Ngành Nước và Ngành Nhựa. Ngành Nước có thêm 1 nhà máy nước quy mô 80.000 m3/ngày đêm đã hoàn thành và một loạt các nhà máy hiện hữu được nâng công suất, mạng lưới cấp nước mở rộng, tăng khả năng tiếp cận nước sạch của người dân. Ngành Nhựa đưa vào vận hành 1 nhà máy bao bì mới và nhanh chóng hoạt động hết công suất, nâng công suất sản xuất ống và phụ kiện nhựa, hoàn thiện tổ chức sản xuất với đủ dãy sản phẩm gia dụng Inochi và kênh phân phối rộng khắp tiếp cận người tiêu dùng.

Những kết quả trên phần nào phản ánh sự đúng hướng của mô hình kinh doanh và chiến lược phát triển mà Công ty kiên trì thực hiện trong các năm gần đây. Trong ngành nước, nổi bật nhất là Chuyển đổi số, hoạt động then chốt để cải thiện hoạt động các công ty nước một cách toàn diện. Không chỉ đơn thuần là ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động, chuyển đổi số bắt nguồn từ thay đổi tư duy quản trị và văn hóa làm việc, liên tục thúc đẩy việc cải tiến chất lượng và hiệu quả vận hành. Sau một năm triển khai thử nghiệm, dự án Chuyển đổi số đã thành công ấn tượng tại Công ty Nước sạch 3 Hà Nội với việc triển khai hiệu quả hệ thống ghi thu và dịch vụ khách hàng (CRM), tỷ lệ đóng tiền nước qua các kênh thu hộ và trực tuyến đạt gần 100%, chất lượng dịch vụ khách hàng cải thiện rõ rệt, hoàn thiện hệ thống tự động hoá quản lý sản xuất, đảm bảo chất lượng nước đạt tiêu chuẩn trước khi cấp cho khách hàng, bước đầu hoàn thành hệ thống quản lý mạng lưới (Smart-network và GIS), tỷ lệ thất thoát nước nhanh chóng giảm từ mức 20% xuống 15%.

Trong ngành nhựa, công ty tích cực tái cấu trúc hoạt động kinh doanh theo hướng bền vững hơn, tạo thế mạnh khác biệt trong bối cảnh thị trường cạnh tranh quyết liệt. Nhựa Đồng Nai tận dụng chuỗi giá trị ngành nước trở thành nhà cung cấp giải pháp và thiết bị vật tư ngành nước toàn diện và gia nhập thị trường MEP (Cơ khí - Điện - Ống nước) với biên lợi nhuận và vòng quay phải thu tốt hơn; phát triển thành công các sản phẩm bao bì giá trị cao cho các thị trường và phân khúc khách hàng mới. Nhựa Tân Phú đã thâm nhập thị trường bán lẻ với thương hiệu gia dụng cao cấp Inochi, nâng cao vị thế và biên lợi nhuận của công ty, song song với việc cải tiến chất lượng và hiệu quả của mảng nhựa công nghiệp truyền thống. Tất cả những cải tiến trên bắt nguồn từ phương châm "Khách hàng là ưu tiên số 1" – động lực thúc đẩy tập thể DNP không ngừng phát triển, nâng cao giá trị gia tăng cho khách hàng, từ đó chuyển đổi văn hóa các công ty nước lâu đời thành đơn vị cung cấp dịch vụ hiện đại, nâng tầm đơn vị cung cấp ống nhựa/vật tư thành nhà cung cấp giải pháp toàn diện.
Ngoài những giá trị cho cổ đông và khách hàng, DNP tự hào về những giá trị công ty đóng góp cho cộng đồng từ hoạt động của mình. Đó là những mạng cấp nước không ngừng được mở rộng, thực hiện sứ mệnh cấp nước sạch cho 100% dân cư các địa bàn công ty hoạt động, mở rộng đến cả khu vực cận đô thị, nông thôn và các hải đảo xa xôi; là các nhà máy nước mặt không chỉ cấp nước sạch hơn, an toàn hơn cho người dân, mà còn góp phần bảo vệ tài nguyên nước ngầm quý giá, giảm nguy cơ sụt lún đất; là đóng góp thiết thực từ các nhà máy nước trong việc điều hòa thủy lợi, vừa xả nước cứu lúa, hỗ trợ người dân ở các khu vực chịu ảnh hưởng của hạn mặn...

Những thành quả năm 2019 là nền tảng để DNP làm tốt hơn trong năm 2020 - năm được dự báo triển vọng kinh tế khá tích cực nhưng lại bất ngờ xáo trộn mạnh vì dịch bệnh và ảnh hưởng nặng nề của thiên tai hạn mặn. Khó khăn tạo sức ép buộc công ty tăng cường quản trị rủi ro, cân đối tài chính, điều chỉnh tối ưu hóa hoạt động trong ngắn hạn. Nhưng hơn lúc nào hết, tập thể hơn 2.300 cán bộ nhân viên của DNP Corp vẫn đồng lòng vượt qua khó khăn, quyết tâm thực hiện các mục tiêu chiến lược: áp dụng chuyển đổi số và cải tiến vận hành cho toàn bộ các công ty ngành nước; phát triển các dự án cấp nước mới hiệu quả và đột phá; cung cấp các sản phẩm, giải pháp toàn diện, chất lượng hơn trong ngành nhựa; tiếp tục gia tăng giá trị cho cổ đông, khách hàng và đóng góp thiết thực cho cộng đồng. Sự tin tưởng, ủng hộ của các cổ đông, đối tác, khách hàng sẽ là nguồn động viên to lớn giúp công ty vượt qua thử thách, phấn đấu đạt các mục tiêu năm 2020 và các mục tiêu chiến lược dài hạn.

Xin chân thành cảm ơn Quý cổ đông đã luôn ủng hộ, đồng hành cùng DNP Corp!

Trân trọng.

Chủ tịch HĐQT
VŨ ĐÌNH ĐỘ

02.

THÔNG TIN CHUNG VỀ DNP CORP

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT 09
2. NHỮNG CON SỐ NỔI BẬT 10
3. NHỮNG CHỈ SỐ TÀI CHÍNH NỔI BẬT 11
4. TẦM NHÌN VÀ SỨ MỆNH 14
5. QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN 16
6. LĨNH VỰC KINH DOANH 18
7. THIẾT BỊ DÂY CHUYỀN CÔNG NGHỆ 20
8. CẤU TRÚC CÔNG TY 22
9. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN 24
10. CÁC YẾU TỐ RỦI RO 30

www.dnpcorp.vn | The Annual Report 2019

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

- **Tên giao dịch:**
  CTCP Nhựa Đồng Nai
- **Mã chứng khoán:**
  DNP (niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội - HNX)
- **Vốn điều lệ:**
  1.000 tỷ đồng (tại ngày 31/12/2019)
- **Vốn chủ sở hữu:**
  2.069 tỷ đồng (tại ngày 31/12/2019)
- **Trụ sở chính:**
  Đường số 9, Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
- **Văn phòng HĐQT:**
  Tầng 23, Tòa nhà Handico, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
- **Chủ tịch HĐQT:**
  Ông VŨ ĐÌNH ĐỘ

2. NHỮNG CON SỐ NỔI BẬT

Vốn hóa thị trường:
1.770 tỷ đồng

Vốn điều lệ:
1.000 tỷ đồng

Tổng tài sản:
7.590 tỷ đồng

Tại ngày 31/12/2019

Tăng trưởng gộp bình quân trong 5 năm (2014-2019):

- **36% về doanh thu thuần**
- **42% về lợi nhuận gộp**

Số lượng đơn vị thành viên và liên kết: 23

- **14 công ty thành viên**
- **9 công ty liên kết**

Cơ sở : 23

- **2 Văn phòng tại Hà Nội và TPHCM**
- **5 nhà máy nhựa**
- **16 nhà máy nước**

Địa bàn hoạt động:

- **Ngành nhựa:**
  Khắp các tỉnh thành Việt Nam và xuất khẩu (châu Âu, Úc)
- **Ngành nước:**
  Cấp nước tại 12 tỉnh thành

Số lượng cán bộ CNV:

- **~ 2.300 cán bộ và nhân viên**

Tổng công suất

- **Ngành nhựa: 8.800 tấn/tháng**
- **Ngành nước: 1.000.000 m3/ngày đêm**

3. NHỮNG CHỈ SỐ TÀI CHÍNH NỔI BẬT

- **Tăng trưởng doanh thu hằng năm**

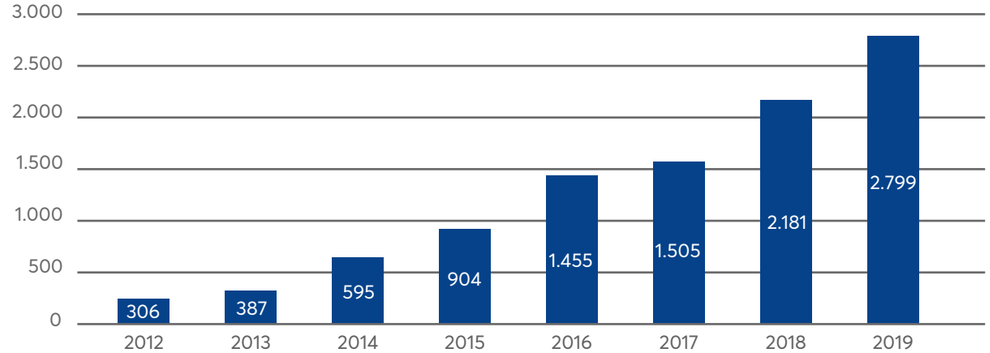

Cơ cấu doanh thu năm 2019

- **Cơ cấu doanh thu năm 2019**

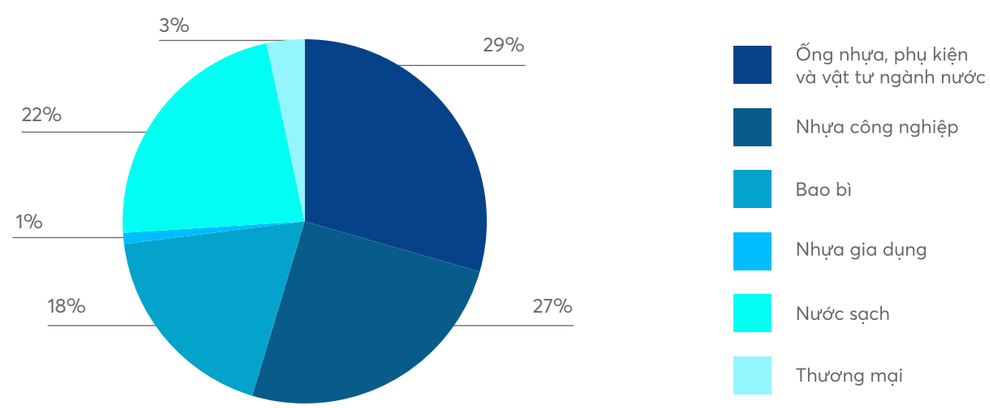

Lợi nhuận thực hiện qua các năm

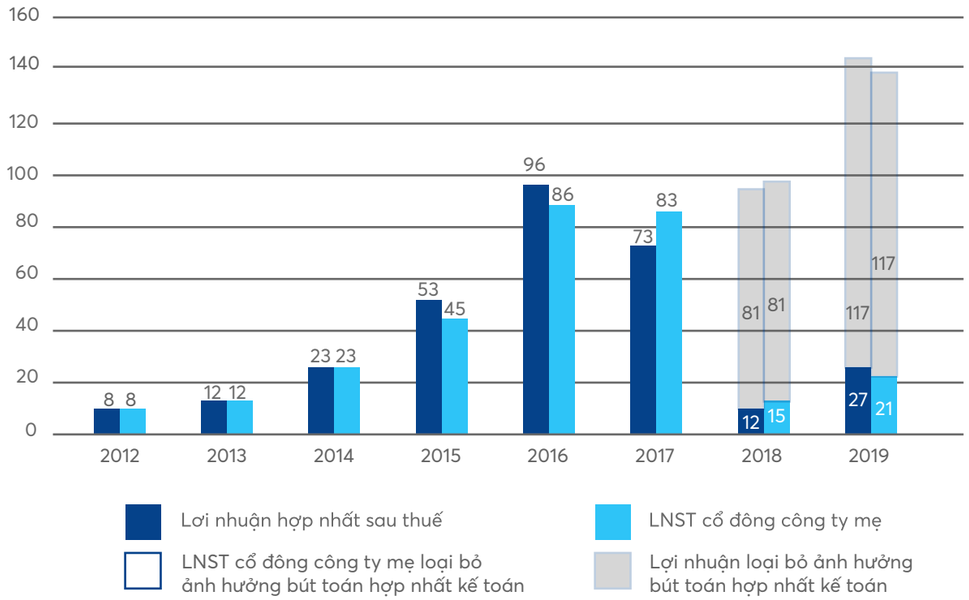

Quy mô vốn

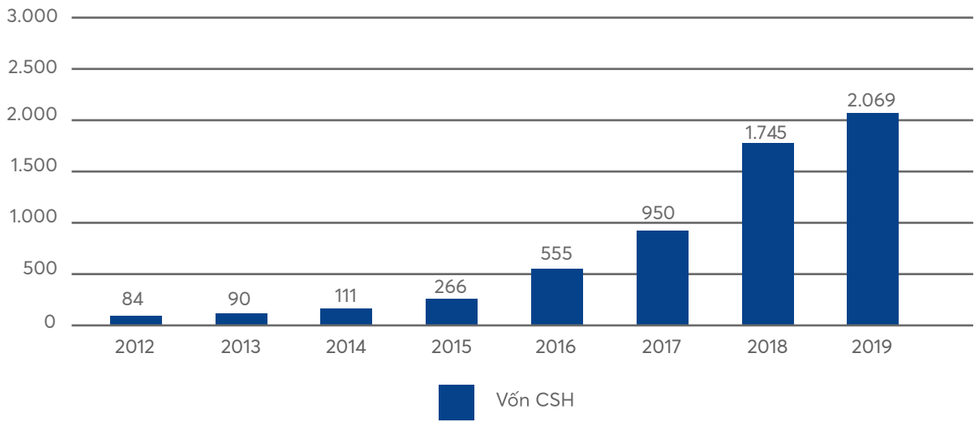

Quy mô tài sản

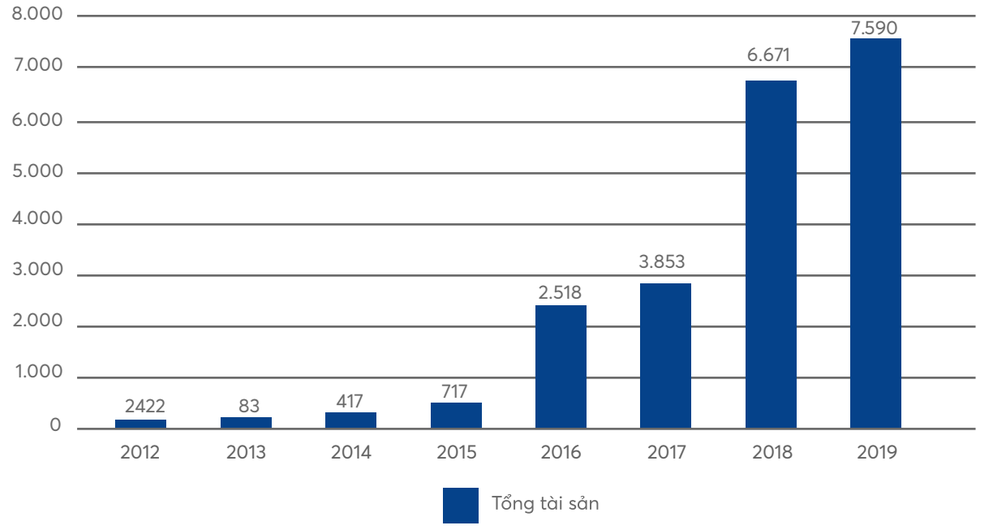

4. TẦM NHÌN VÀ SỨ MỆNH:

Tầm nhìn

Trở thành công ty Việt Nam tầm cỡ quốc tế với sức cạnh tranh vượt trội tại hai lĩnh vực chính nước sạch và sản xuất nhựa.

Sứ mệnh

Đối với ngành nước, cam kết đầu tư lâu dài bằng tất cả nguồn lực với niềm đam mê cao nhất, tiên phong ứng dụng công nghệ cao, tạo dựng giải pháp đột phá trong mô hình cấp nước sạch cho mọi người dân Việt Nam.

Đối với ngành nhựa, phát huy nội lực hiện tại, hợp tác đầu tư nhằm nâng cao năng lực và sức cạnh tranh, tạo ra sản phẩm nguồn gốc Việt, giá cả Việt và chất lượng quốc tế.

Gía trị cốt lõi

- Làm việc với đam mê và trách nhiệm cao nhất
- Tôn trọng cá nhân
- Tinh thần đồng đội vì mục tiêu chung
- Hành động ngay và quyết liệt
- Khách hàng là ưu tiên số 1
- Liên tục đổi mới
- Lãnh đạo phải là điển hình

5. QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN:
Các mốc sự kiện quan trọng

1976
- Thành lập hình thức **công ty Nhà nước**

1996
- Bắt đầu sản xuất **ống nhựa uPVC**

1998
- Bắt đầu sản xuất **ống nhựa HDPE**

2004
- Cổ phần hóa

2005
- Đầu tư nhà máy sản xuất bao bì mềm xuất khẩu

2006
- Chuyển niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) - mã chứng khoán DNP

2007
- Xây dựng nhà máy sản xuất nhựa thứ 2 đặt tại Quảng Nam

2008
- Là nhà sản xuất đầu tiên tại Việt Nam đầu tư sản xuất ống HDPE 1.000 mm

2010
- Nâng công suất nhà máy ống nhựa lên **3.000 tấn/ tháng**

2012

2014
- Tái cấu trúc toàn diện theo mô hình DNP Corp, thay đổi HĐQT và Ban điều hành

2015
- Trở thành nhà sản xuất và cung cấp ống nhựa hạ tầng **số 1 Việt Nam**

2016
- Đầu tư mua chi phối nhà máy nước Bình Hiệp công suất **50.000 m3/ ngày đêm**
- Tăng vốn điều lệ lên **135 tỷ đồng**

2017
- Tăng vốn điều lệ lên **300 tỷ đồng**
- Đầu tư mua **sở hữu Nhựa Tân Phú**
- Đầu tư **sở hữu Nước Đồng Tâm công suất 90.000 m3/ngày đêm**

2018
- Thành lập **DNP Water** với vốn điều lệ 1.100 tỷ đồng
- Trở thành **công ty tư nhân đầu tiên trong ngành nước của Việt Nam được IFC cam kết đầu tư 24,9 triệu USD**
- Tăng vốn điều lệ lên **500 tỷ đồng**

2019
- Nhà máy nước sạch DNP Bắc Giang hoàn thành giai đoạn 1 công suất **30.000 m3/ngày đêm**
- Quy mô ngành nước tăng mạnh, tổng công suất thiết kế đạt **1.000.000 m3/ngày đêm**
- Tăng quy mô vốn điều lệ của **DNP Corp lên 1.000 tỷ đồng, DNP Water lên 1.780 tỷ đồng** Chính thức ra mắt **thương hiệu nhựa gia dụng cao cấp Inochi**
- Huy động thành công nguồn vốn lên tới **20 triệu USD từ trái phiếu chuyển đổi với đối tác Olympus Capital Asia**
- Nhà máy nước sạch Nhị Thành – DNP Long An hoàn thành giai đoạn 1 công suất **30.000 m3/ ngày đêm**
- **Ra mắt DNP Hawaco** – doanh nghiệp liên doanh giữa 2 thương hiệu top đầu trong lĩnh vực vật tư ngành nước tại thị trường Việt Nam

6. LĨNH VỰC KINH DOANH:

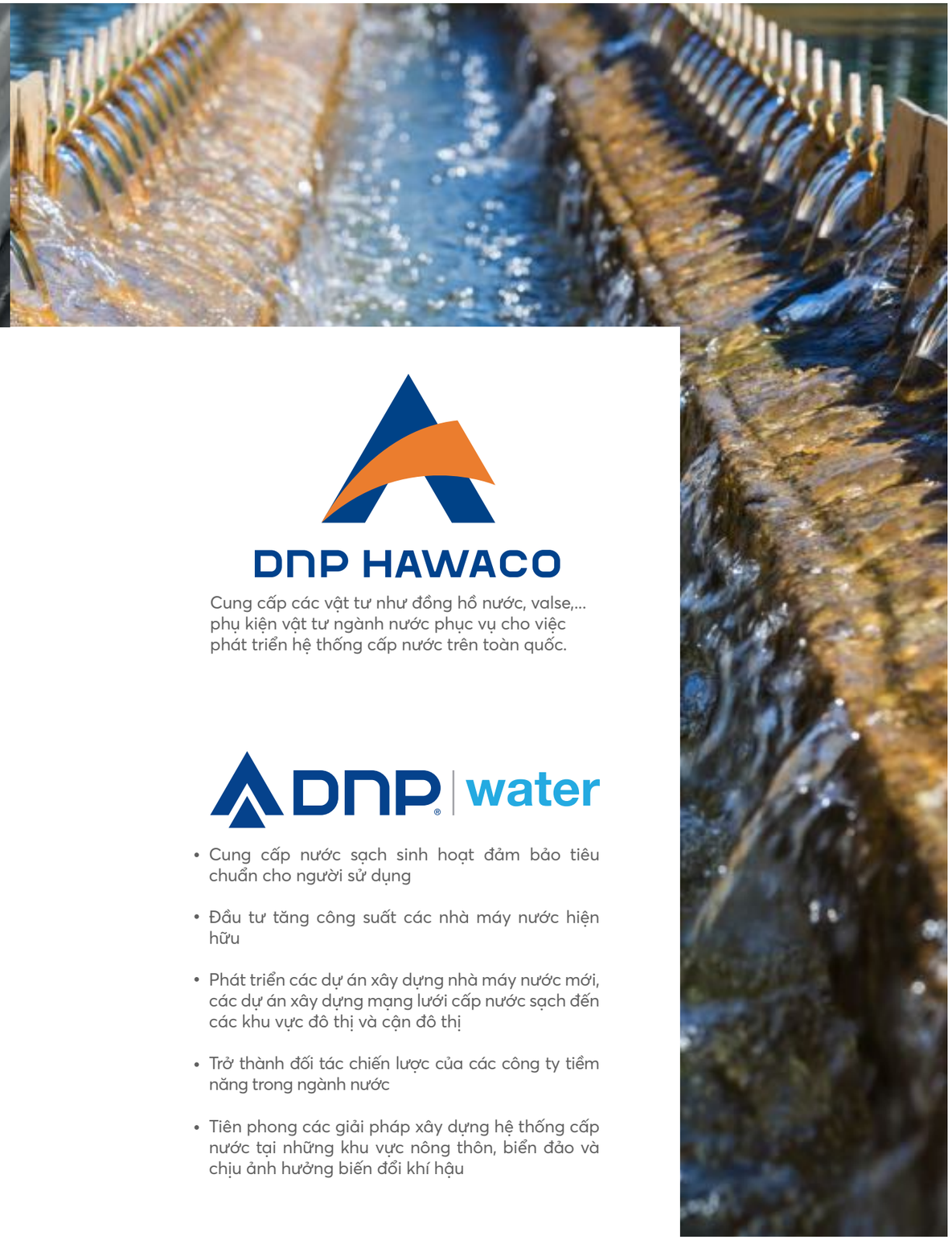

DONGNAI Plastics

ỐNG NHỰA VÀ PHỤ KIỆN

- Sản xuất và cung cấp ống và phụ kiện nhựa HDPE, uPVC, PPR...cho các dự án cấp thoát nước, các dự án xây dựng dân dụng, tưới tiêu công nghiệp...;
- Sản xuất và thương mại các loại vật tư, phụ tùng ngành nước như tấm lắng lamel-la, bơm, van, đồng hồ, hóa chất...;
- Tổng năng lực sản xuất **4.000 tấn ống/tháng, 1.000 tấn phụ kiện nhựa dân dụng/tháng**, khả năng sản xuất hơn 400 loại phụ kiện khác nhau với chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu mọi công trình;
- Hiện nay, Nhựa Đồng Nai vẫn là nhà cung cấp ống nhựa hạ tầng chiếm thị phần số 1 tại Việt Nam.

BAO BÌ MỀM XUẤT KHẨU

- Sản xuất các loại bao bì mềm xuất khẩu: starseal, block, sandwich, T-shirt...đạt tiêu chuẩn châu Âu
- Xuất khẩu đến các thị trường: châu Âu (Đức, Anh, Pháp, Hà Lan, Bỉ...), Úc, Mỹ
- Tổng công suất: **1.500 tấn/tháng.**

TANPHU Plastics

CÁC SẢN PHẨM NHỰA CÔNG NGHIỆP

- Sản xuất các sản phẩm PET, két nhựa, vỏ bình ắc quy, chai, can thùng, vỏ (sơn, bảo vệ thực vật, dược phẩm, thực phẩm...)
- Các khách hàng lớn: Coca Cola, Sabeco, LaVie, Pinaco, Vinamilk, Nestle, Marico, Uniben, Vifon, ECV, ...
- Tổng công suất **2.000 tấn/tháng, chiếm thị phần top 5 mảng nhựa công nghiệp.**

inochi

CÁC SẢN PHẨM GIA DỤNG

Tiên phong phát triển, sản xuất và phân phối các sản phẩm gia dụng mang thương hiệu Inochi tiêu chuẩn Nhật Bản, thân thiện và an toàn với người sử dụng tại Việt Nam

DNP HAWACO

Cung cấp các vật tư như đồng hồ nước, valse,... phụ kiện vật tư ngành nước phục vụ cho việc phát triển hệ thống cấp nước trên toàn quốc.

DNP water

- Cung cấp nước sạch sinh hoạt đảm bảo tiêu chuẩn cho người sử dụng
- Đầu tư tăng công suất các nhà máy nước hiện hữu
- Phát triển các dự án xây dựng nhà máy nước mới, các dự án xây dựng mạng lưới cấp nước sạch đến các khu vực đô thị và cận đô thị
- Trở thành đối tác chiến lược của các công ty tiềm năng trong ngành nước
- Tiên phong các giải pháp xây dựng hệ thống cấp nước tại những khu vực nông thôn, biển đảo và chịu ảnh hưởng biến đổi khí hậu

7. THIẾT BỊ DÂY CHUYỀN CÔNG NGHỆ

05 nhà máy nhựa trang bị đầy đủ dây chuyền sản xuất và máy móc thiết bị công nghệ cao cho các sản phẩm nhựa và phụ kiện

ỐNG NHỰA VÀ PHỤ KIỆN

- Dây chuyền sản xuất ống HDPE công nghệ Ý, Đức
- Dây chuyền sản xuất ống uPVC và ống PPR công nghệ Đức
- Dây chuyền sản xuất phụ kiện PVC, HDPE, PPR...công nghệ Nhật Bản và Hàn Quốc

NHỰA CÔNG NGHIỆP

- Máy ép phun nhựa công nghệ Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan
- Máy đùn thổi nhựa 3 lớp, HD từ Đức – Thái Lan
- Máy thổi nhựa PET Đài Loan, Thái Lan
- Máy gia công cơ khí chính xác công nghệ Nhật Bản

NGÀNH NƯỚC

- 16 nhà máy nước áp dụng các công nghệ xử lý nước tiên tiến trên thế giới và hệ thống quản lý, giám sát và thu thập dữ liệu tự động
- Công nghệ UBCF - bể lọc tiếp xúc sinh học dòng chảy ngược của Nhật Bản
- Công nghệ lắng Lamella
- Công nghệ lọc UF-RO
- Hệ thống SCADA
- Hệ thống quản lý mạng lưới và công tác ghi thu

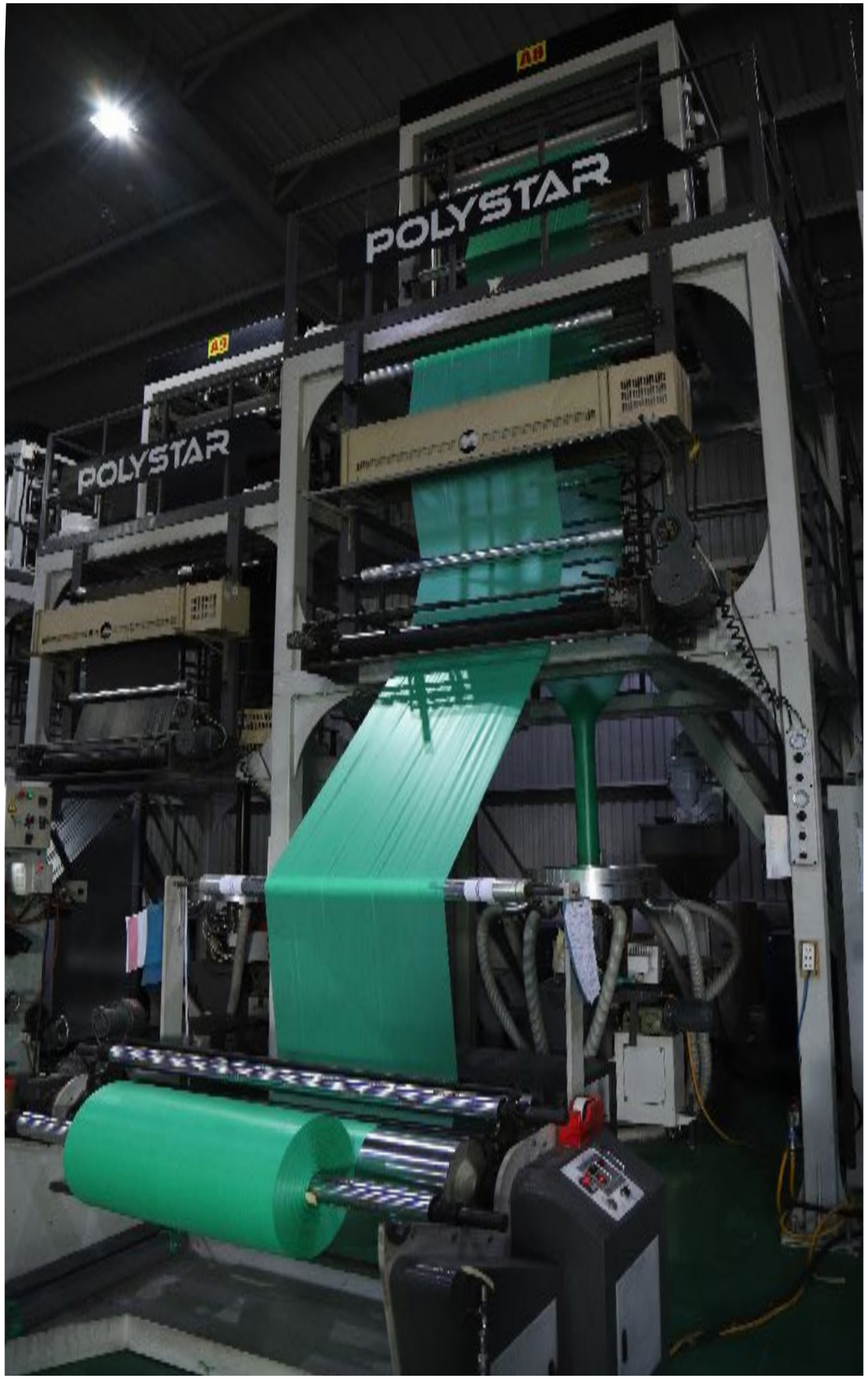

8. CẤU TRÚC CÔNG TY:

BỘ MÁY QUẢN LÝ

DNP Corp hoạt động theo mô hình công ty đầu tư (investment holding), theo đó DNP Corp là công ty holding thực hiện (i) quản lý vốn, (ii) quản lý chiến lược đầu tư phát triển các công ty thành viên, (iii) nghiên cứu phát triển và tổ chức triển khai các dự án chuyển đổi số để gia tăng lợi thế cạnh tranh, nghiên cứu các giải pháp cải tiến về công nghệ. Các đơn vị thành viên tập trung phát triển sản xuất kinh doanh theo từng lĩnh vực cốt lõi phù hợp với chiến lược phát triển chung của DNP Corp.

Với ngành nhựa, DNP Corp thông qua 2 đơn vị thành viên là Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai và Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú sở hữu hạ tầng sản xuất với tổng công suất lên tới 8,800 tấn/tháng. Trong ngành nước, DNP Corp sở hữu Công ty Cổ phần Đầu tư ngành nước DNP, hoạt động tại 12 tỉnh thành với tổng công suất thiết kế của các đơn vị lên tới 1 triệu m3/ngày đêm, phục vụ khu vực thị trường có tới 10 triệu người.

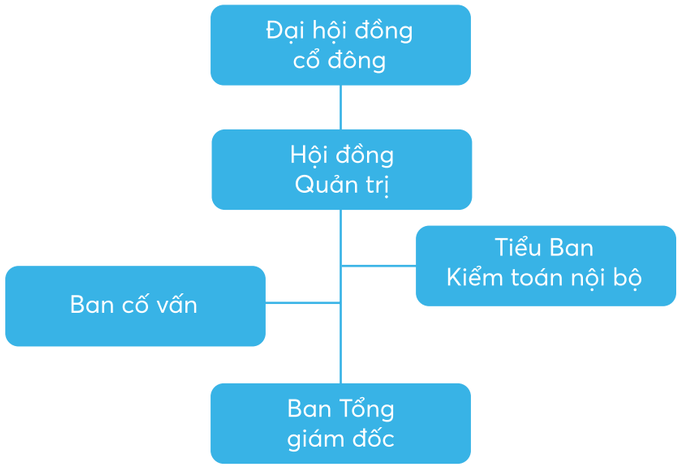

NỀN TẢNG TỔ CHỨC:

KHỐI QUẢN TRỊ HOẠT ĐỘNG ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN:

Xây dựng hệ thống quản trị hoạt động chung của các đơn vị ngành nhựa và ngành nước, đảm bảo tính hiệu quả, an toàn, và tuân thủ các thông lệ tốt về môi trường xã hội (E&S)

KHỐI SẢN XUẤT:

Các nhà máy sản xuất nhựa/nước sạch tại các đơn vị thành viên

KHỐI KINH DOANH:

Các đội kinh doanh theo nhóm ngành hàng, thị trường, kênh phân phối ống và vật tư ngành nước cho hạ tầng, ống và vật tư ngành nước cho dân dụng, sản phẩm nhựa gia dụng, bao bì mềm, hệ thống đại lý, các kênh phân phối truyền thống và hiện đại, các kênh online và hệ thống cộng tác viên

KHỐI PHÁT TRIỂN:

Gồm các nhóm nghiên cứu, thử nghiệm và phát triển lĩnh vực kinh doanh mới, giải pháp mới

KHỐI HOLDING

KHỐI ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH VÀ PHÁP CHẾ:

Theo mô hình ngân hàng đầu tư (Investment banking) tìm kiếm và triển khai các cơ hội đầu tư, cấu trúc nguồn tài chính và tối ưu hóa dòng tiền các đơn vị thành viên, kiểm tra và giám sát hiệu quả của các khoản đầu tư

KHỐI MARKETING VÀ TRUYỀN THÔNG:

Hoạch định và điều phối thực thi chiến lược phát triển thương hiệu, quảng bá sản phẩm, truyền thông, tăng giá trị thương hiệu, hình ảnh và hiệu quả kinh doanh của DNP Corp

KHỐI PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC:

Tuyển dụng, đào tạo và phát triển nguồn nhân sự chất lượng cao tại DNP Corp và các đơn vị thành viên

KHỐI CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ:

Đưa công nghệ thông tin vào vận hành, kinh doanh và quản trị trên toàn hệ thống DNP Corp, gia tăng năng suất lao động và sức cạnh tranh của DNP

CÁC KHỐI NGHIỆP VỤ HỖ TRỢ:

Kế toán, Hành chính, Mua hàng....hỗ trợ các hoạt động sản xuất kinh doanh của DNP Corp và các đơn vị thành viên

9. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN:

TẦM NHÌN 2017-2025:

SỐ 1 — **Ngành nước sạch :** Đạt công suất 2.000.000 m3/ngày đêm vào năm 2025

SỐ 1 — **Cung cấp ống nhựa hạ tầng, phụ kiện ngành nhựa:** Nhà sản xuất và cung cấp ống nhựa hạ tầng giàu giá trị gia tăng nhất.

TOP 3 — **Nhựa công nghiệp**

TOP 5 — **Nhựa gia dụng:** Tiên phong cung cấp sản phẩm cao cấp

CHIẾN LƯỢC THỰC HIỆN

- Đầu tư cho con người và tập trung phát triển nguồn nhân lực
- Xây dựng và tổ chức bộ máy quản trị và điều hành hiện đại, chuyên nghiệp theo mô hình tiên tiến
- Triển khai chuyển đổi số trên toàn hệ thống, nâng cao năng lực cạnh tranh
- Xây dựng văn hóa kinh doanh lành mạnh, minh bạch, đề cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ, hướng tới phát triển bền vững
- Đầu tư máy móc thiết bị hiện đại, áp dụng công nghệ tiên tiến, phát triển hệ thống công nghệ thông tin, hợp tác với các đối tác chuyên ngành trong và ngoài nước, rút ngắn thời gian chuyển giao các bài học công nghệ và quản trị đã thành công, gia tăng sức cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam
- Xây dựng phát triển thị trường mới trong các chuỗi sản phẩm trọng tâm của DNP Corp
- Tập hợp sức mạnh tập thể của tất cả các đơn vị thành viên dưới mái nhà chung DNP Corp để tạo lợi thế cộng hưởng vượt trội

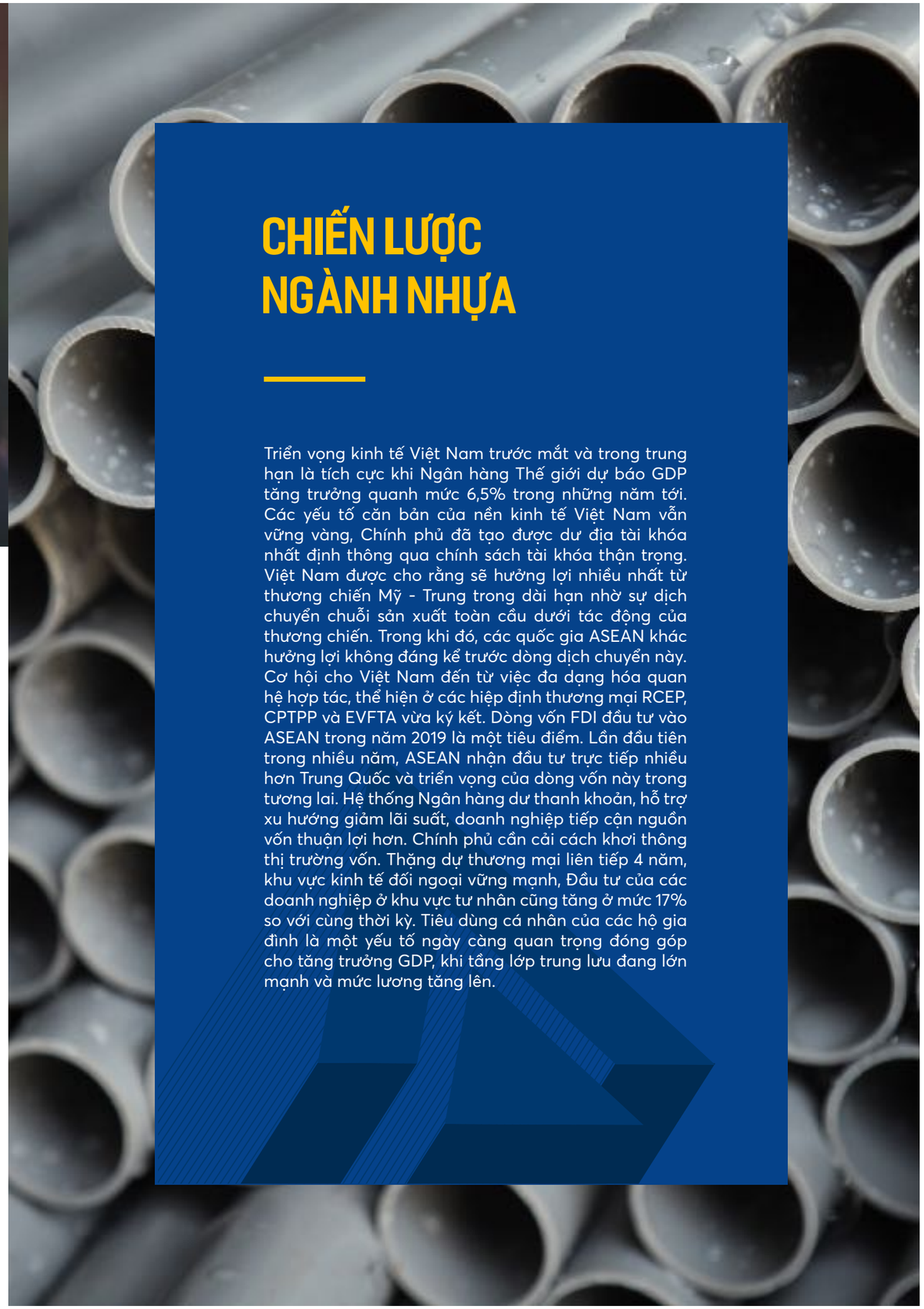

CHIẾN LƯỢC NGÀNH NHỰA

Triển vọng kinh tế Việt Nam trước mắt và trong trung hạn là tích cực khi Ngân hàng Thế giới dự báo GDP tăng trưởng quanh mức 6,5% trong những năm tới. Các yếu tố căn bản của nền kinh tế Việt Nam vẫn vững vàng, Chính phủ đã tạo được dư địa tài khóa nhất định thông qua chính sách tài khóa thận trọng. Việt Nam được cho rằng sẽ hưởng lợi nhiều nhất từ thương chiến Mỹ - Trung trong dài hạn nhờ sự dịch chuyển chuỗi sản xuất toàn cầu dưới tác động của thương chiến. Trong khi đó, các quốc gia ASEAN khác hưởng lợi không đáng kể trước dòng dịch chuyển này. Cơ hội cho Việt Nam đến từ việc đa dạng hóa quan hệ hợp tác, thể hiện ở các hiệp định thương mại RCEP, CPTPP và EVFTA vừa ký kết. Dòng vốn FDI đầu tư vào ASEAN trong năm 2019 là một tiêu điểm. Lần đầu tiên trong nhiều năm, ASEAN nhận đầu tư trực tiếp nhiều hơn Trung Quốc và triển vọng của dòng vốn này trong tương lai. Hệ thống Ngân hàng dư thanh khoản, hỗ trợ xu hướng giảm lãi suất, doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn thuận lợi hơn. Chính phủ cần cải cách khơi thông thị trường vốn. Thặng dự thương mại liên tiếp 4 năm, khu vực kinh tế đối ngoại vững mạnh, Đầu tư của các doanh nghiệp ở khu vực tư nhân cũng tăng ở mức 17% so với cùng thời kỳ. Tiêu dùng cá nhân của các hộ gia đình là một yếu tố ngày càng quan trọng đóng góp cho tăng trưởng GDP, khi tầng lớp trung lưu đang lớn mạnh và mức lương tăng lên.

Ngành nhựa của DNP tiếp tục được tái cơ cấu mạnh mẽ, hướng đến nền tảng kinh doanh bền vững và lành mạnh, theo 4 lĩnh vực chủ chốt:

Ống nhựa và vật tư thiết bị cho hệ sinh thái cấp thoát nước: :

Lấy ống nhựa và phụ kiện uPVC, HDPE, PPR làm cốt lõi, nâng cao giá trị chuỗi cung ứng với bơm, van, đồng hồ, xây dựng DNP thành nhà cung cấp thiết bị và giải pháp toàn diện cho ngành cấp thoát nước. Xây dựng lợi thế cạnh tranh vượt trội bằng bộ giải pháp, gắn liền với hệ sinh thái ngành nước, lấy khách hàng làm giá trị trung tâm. Giải quyết căn cơ nhu cầu cấp thiết của thị trường phát triển hạ tầng cấp thoát nước cũng như xây dựng dân dụng (nhà ở, toà nhà cao tầng, khu dân cư, tưới tiêu nông nghiệp)

Đồ gia dụng cao cấp:

Đây là ngành hàng mới của Nhựa Tân Phú nhắm đến phân khúc khách hàng trung - cao cấp trong bối cảnh tiêu dùng cá nhân của các hộ gia đình là một yếu tố ngày càng quan trọng đóng góp cho tăng trưởng GDP, khi tầng lớp trung lưu đang lớn mạnh và mức lương tăng lên. Hiện nay gần như 100% các sản phẩm đồ gia dụng chất lượng cao ở Việt Nam đang được nhập khẩu với tổng giá trị khoảng 200 triệu USD/năm, hoặc được sản xuất bởi các doanh nghiệp FDI (ví dụ như Lock & Lock). Các doanh nghiệp sản xuất nhựa Việt Nam đang sử dụng công nghệ sản xuất lạc hậu được nhập khẩu từ Thái Lan, Trung Quốc từ những năm 1990.

Bao bì:

Sản phẩm và trình độ sản xuất bao bì đáp ứng yêu cầu của thị trường khó tính nhất trên thế giới. Nhu cầu các sản phẩm tiêu dùng, thực phẩm có tính thiết yếu hàng ngày, và ngày càng tăng tiêu chuẩn cuộc sống, ngành nhựa bao bì của DNP theo đó có dư địa tăng trưởng cao. Bên cạnh đó, việc dịch chuyển sản xuất từ Trung Quốc sang Việt Nam cũng tạo cơ hội lớn cho ngành bao bì nội địa, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp sản xuất bao bì phát triển quy mô sản xuất và tiếp cận thị trường rộng hơn.

Nhựa công nghiệp, kỹ thuật:

Khách hàng của Nhựa Tân Phú là các doanh nghiệp trong ngành thực phẩm, đồ uống, dược phẩm...có nhu cầu rất lớn và nhu cầu tăng trưởng cao theo sự phát triển của kinh tế Việt Nam, xu hướng tiêu dùng hiện đại, thị trường rộng lớn trên 90 triệu dân và dân số trẻ. Từ đó tạo nhu cầu ổn định cho các sản phẩm nhựa công nghiệp, kỹ thuật của Nhựa Tân Phú.

CHIẾN LƯỢC CÔNG TY TRONG NGÀNH NHỰA CHO NHỮNG NĂM TỚI:

Ống nhựa và vật tư thiết bị cho hệ sinh thái cấp thoát nước:

Khẳng định vị thế số 1 trong mảng hạ tầng cấp thoát nước, hoàn thiện bộ sản phẩm và giải pháp ngành nước, củng cố thị phần và gia tăng doanh số. Đồng thời thâm nhập sâu phân khúc thị trường xây dựng dân dụng gồm nhà ở, nhà cao tầng, khu dân cư, khu du lịch, tưới tiêu nông nghiệp.

Bao bì xuất khẩu:

Bên cạnh thị trường truyền thống là Tây Âu, tiếp tục mở rộng thị trường xuất khẩu sang Đông Âu, Châu Mỹ, Châu Úc. Tối ưu hoá công nghệ sản xuất hiện hữu, tăng hiệu quả hoạt động và biên lợi nhuận. Đồng thời đầu tư cơ sở sản xuất mới cho sản phẩm có tiêu chuẩn cao hơn, giá trị gia tăng cao hơn như túi sử dụng nhiều lần, túi thực phẩm.

Nhựa công nghiệp:

Tối ưu hóa dây chuyền sản xuất hiện có, tăng cường khai thác tập khách hàng hiện tại để giảm thiểu đầu tư mới. Bên cạnh đó, đẩy mạnh tiếp cận nhóm khách hàng quốc tế, các doanh nghiệp FDI và các khách hàng có giá trị cao hơn, như các doanh nghiệp ngành thực phẩm, dược phẩm..

Đồ gia dụng:

Với dãy sản phẩm có chất lượng cao, tiện ích, mẫu mã sang trọng, thương hiệu Inochi của Tân Phú bước đầu định vị là thương hiệu đồ gia dụng cao cấp của Việt Nam. Bước đầu Inochi đã chinh phục được niềm tin cuả khách hàng, diện diện rộng khắp ở các siêu thị lớn (Vinmart, Aeon, ...), nền tảng cho quá trình tăng trưởng cao ở các năm tiếp theo.

CHIẾN LƯỢC NGÀNH NƯỚC

Nằm trong mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc đến năm 2030, mục tiêu đảm bảo việc tiếp cận nguồn nước sạch và cải thiện các điều kiện vệ sinh cho tất cả các người dân đang được nhiều quốc gia triển khai mạnh mẽ, trong đó có Việt Nam. Ngành nước Việt Nam đang có nhiều tiềm năng, cơ hội phát triển, đặc biệt từ sau khi Chính phủ áp dụng chủ trương xã hội hóa ngành nước. Việc xã hội hóa đã thu hút được nhiều doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài nước tham gia đầu tư xây dựng và vận hành công trình cấp nước tại hầu hết các tỉnh. Các doanh nghiệp cấp nước đang từng bước xây dựng và triển khai thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn; sắp xếp cải tạo tổ chức quản lý cấp nước. Việc quan tâm đầu tư phát triển cấp nước trong những năm vừa qua đã góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước, bảo vệ sức khỏe người dân và góp phần phát triển kinh tế - xã hội.

Theo tổng hợp từ nguồn báo cáo của Hiệp hội Cấp thoát nước và báo cáo của các công ty, tổng công suất cấp nước của các công ty cấp nước đô thị tại Việt Nam hiện ở mức khoảng 9,6 triệu m3/ngày đêm, tăng gấp khoảng 4 lần so với năm 2000 khi tổng công suất các nhà máy nước khoảng 2,4 triệu m3/ngày đêm. Tỷ lệ dân cư đô thị được cung cấp nước qua hệ thống nước tập trung khoảng 87%, tăng khoảng 2,1 lần từ 40% vào năm 2000 (với tỷ lệ đô thị hóa khoảng 23%) còn tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch giảm 13% xuống còn khoảng 21,5%. Giá nước sạch trung bình dao động khoảng từ 6.000 - 9.000 đồng/m3.

Tuy nhiên, nhu cầu dùng nước sạch trong nhân dân còn rất lớn và các nhà máy trên khắp cả nước đã và đang được quy hoạch, cấp phép, xây dựng nhằm cung cấp nước sạch ổn định, đảm bảo chất lượng, không để xảy ra tình trạng thiếu nước. Nhu cầu đầu tư mở rộng công suất vẫn còn nhiều dựa trên các nguyên nhân sau:

- Tỷ lệ sử dụng nước máy hiện hữu của người dân vẫn chưa đạt mức 90% - 100%. Trong khi tốc độ tăng trưởng đô thị hoá hàng năm nhanh 0,7%/năm, tương đương quy mô dân số đô thị tăng khoảng 1 triệu người/năm, chủ yếu tập trung ở các thành phố lớn.

- Tốc độ tăng trưởng khách du lịch tại Việt Nam vẫn ở mức cao hiện ở mức 15 - 20%/năm kéo theo nhu cầu tiêu thụ nước từ ngành dịch vụ du lịch tăng theo. Ảnh hưởng hiện tại của dịch bệnh Covid-19 sẽ chỉ xảy ra trong ngắn hạn, về trung – dài hạn làn sóng thu hút khách du lịch của Việt Nam sẽ vẫn ở mức tốt.

- Xu hướng chuyển từ việc sử dụng nước ngầm từ khai thác sang hệ thống nước máy tập trung sẽ ngày càng mạnh mẽ do ảnh hưởng từ biến đổi khí hậu và ô nhiễm môi trường.

- Ảnh hưởng từ biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn tại các vùng đồng bằng ven biển, đặc biệt là vùng đồng bằng sông Cửu Long đặt ra yêu cầu xây dựng các nhà máy mới để tiến tới thay thế cho các nhà máy nước hiện hữu trong vùng sẽ không thể hoạt động trong điều kiện hạn mặn.

DNP Corp, thông qua đơn vị thành viên là DNP Water, đã đầu tư vào hàng loạt doanh nghiệp ngành nước và xây dựng những nhà máy nước tại các khu vực có tiềm năng phát triển như Bắc Giang, Long An. Với cam kết đầu tư lâu dài trong ngành nước, tiên phong ứng dụng công nghệ cao, tạo dựng giải pháp đột phá trong mô hình cấp nước sạch cho người dân Việt Nam, DNP Corp đặt ra các mục tiêu chiến lược sau trong ngành nước (i) tổng công suất cấp nước đạt 2 triệu m3/ngày đêm; (ii) tỷ lệ thất thoát nước của các đơn vị trong công ty giảm xuống dưới 15% (iii) chất lượng sản phẩm và dịch vụ của công ty được đánh giá trong nhóm doanh nghiệp hàng đầu.

CHIẾN LƯỢC CÔNG TY TRONG NGÀNH NƯỚC CHO NHỮNG NĂM TỚI:

- Tích cực tăng quy mô thông qua việc phát triển các dự án cấp nước mới tại những địa bàn có nhu cầu sử dụng nước cao phục vụ cho sinh hoạt, hoạt động công nghiệp, dịch vụ - du lịch, nâng công suất các nhà máy hiện hữu, tham gia đối tác chiến lược trong các công ty cấp nước có nhu cầu phát triển hệ thống cấp nước. Hướng tới mục tiêu tăng tỷ lệ người dân được tiếp cận với nước sạch đạt tiêu chuẩn đến mức 100% tại các khu vực DNPW hoạt động.

- Tăng cường hiệu quả hoạt động tại các công ty cấp nước thành viên thông qua chương trình chuyển đổi số triệt để ở tất cả các khâu trong quá trình hoạt động, từ xây dựng hệ thống đến áp dụng các mô hình quản trị dựa vào quá trình số hóa nhằm tăng năng suất lao động, cải thiện hoạt động sản xuất, đảm bảo an toàn sản xuất và đảm bảo chất lượng nước cũng như nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng; cải thiện công tác quản lý mạng lưới cấp nước, mở rộng địa bàn và phát triển tệp khách hàng cũng như gia tăng hiệu quả đấu nối; thực hiện các dự án nhằm giảm thất thoát nước; đảm bảo anh ninh an toàn nguồn nước và chất lượng nước cấp tới người tiêu dùng.

- Phát triển nguồn nhân lực nội tại thông qua việc tổ chức các chương trình đào tạo, phát triển kỹ năng và học tập để hỗ trợ người lao động phát triển sự nghiệp, xây dựng những chính sách nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi cho người lao động. Dưới sự lãnh đạo của đội ngũ quản lý có năng lực cao, có nhiều thành tựu trong các lĩnh vực cốt lõi; đội ngũ nhân viên lành nghề, giàu kiến thức và kinh nghiệm; kết hợp với thế mạnh về công nghệ, kỹ thuật, tài chính, quản trị…của các đối tác chiến lược trong và ngoài nước, DNP Water phát huy các nguồn lực hướng tới mục tiêu trở thành nhà điều hành hàng đầu trong ngành nước tại Việt Nam.

- Nêu cao tinh thần trách nhiệm đối với xã hội, DNP Water luôn dành nhiều sự quan tâm và nguồn lực cho các dự án nhằm nâng cao chất lượng sống, hỗ trợ cộng đồng phát triển bền vững như dự án lắp đặt trụ uống nước sạch tại vòi miễn phí, thực hiện các giải pháp cấp nước tưới tiêu và sinh hoạt, xả nước cứu lúa, xây dựng các trạm phát nước sạch miễn phí tại vùng bị ảnh hưởng hạn mặn và hỗ trợ dân tại các địa phương chịu ảnh hưởng nặng nề bởi thiên tai hạn mặn

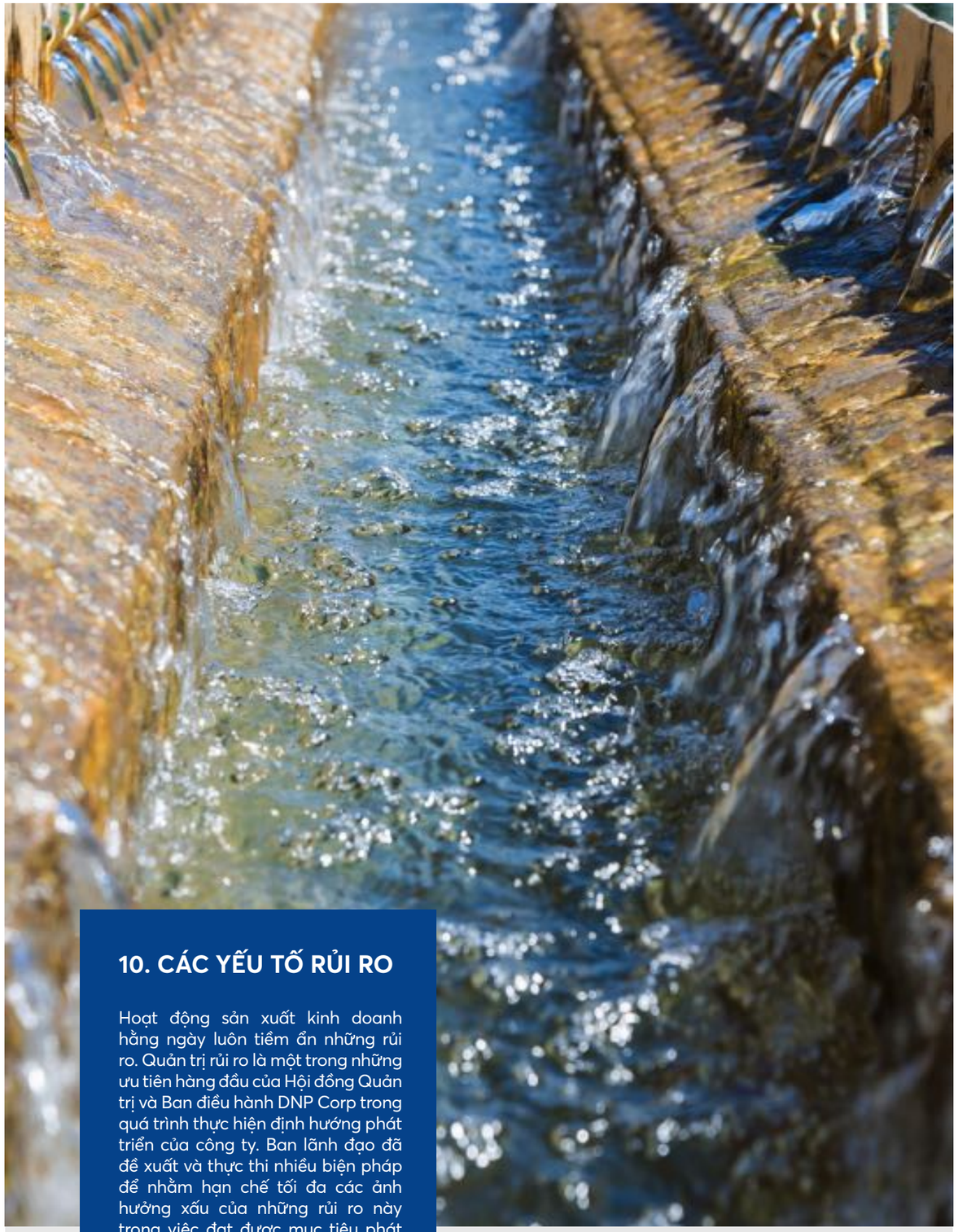

10. CÁC YẾU TỐ RỦI RO

Hoạt động sản xuất kinh doanh hằng ngày luôn tiềm ẩn những rủi ro. Quản trị rủi ro là một trong những ưu tiên hàng đầu của Hội đồng Quản trị và Ban điều hành DNP Corp trong quá trình thực hiện định hướng phát triển của công ty. Ban lãnh đạo đã đề xuất và thực thi nhiều biện pháp để nhằm hạn chế tối đa các ảnh hưởng xấu của những rủi ro này trong việc đạt được mục tiêu phát triển của công ty.

RỦI RO KINH TẾ:

Các điều kiện trong nền kinh tế có thể giúp doanh nghiệp tăng doanh thu hoặc giảm doanh số bán hàng. Nền kinh tế Việt Nam vốn phụ thuộc nhiều vào nền kinh tế thế giới, nên những tác động lên kinh tế toàn cầu cũng gây ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước. Những cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới, hay gần đây nhất, trong những tháng cuối năm 2019, đầu năm 2020, sự bùng phát của đại dịch Covid-19 đã khiến nền kinh tế vĩ mô chịu nhiều tác động tiêu cực. Dịch bệnh tác động nhiều chiều lên tất cả các lĩnh vực của nền kinh tế, với 3 tác động chính vào tăng trưởng, đầu tư và thương mại; gián đoạn vào các chuỗi giá trị sản xuất quan trọng; suy giảm tiêu dùng tác động lớn đến dịch vụ và du lịch; kéo theo doanh thu trong ngành nhựa và ngành nước có thể bị sụt giảm trong ngắn hạn.

Để có thể quản trị các rủi ro do tác động của môi trường kinh tế, Công ty thường xuyên theo dõi sự biến động của các chỉ số kinh tế vĩ mô trong và ngoài nước như tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, lãi suất…; các chủ trương, chỉ thị, quyết định của Đảng và Nhà nước đối với nền kinh tế vĩ mô cũng như những chính sách đặc thù dành cho ngành. Từ đó, công ty có thể dự báo tình hình phát triển kinh tế và thiết kế chương trình hành động phù hợp với bước đi của thị trường trong tương lai.

RỦI RO PHÁP LÝ:

Các hoạt động sản xuất kinh doanh của DNP Corp phải tuân thủ theo Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan tới chứng khoán, thương mại, thuế… và các chính sách đặc thù của ngành. Hệ thống khung pháp lý, các quy định của ngành và hướng dẫn thực hiện dưới luật đang được xây dựng và hoàn thiện phù hợp với sự phát triển của kinh tế - xã hội. Nếu không có sự am hiểu tường tận về mặt pháp luật, mọi sự cập nhật, diễn giải có thể gây ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Vì vậy, để tránh những rủi ro về mặt pháp luật, Bộ phận Pháp chế luôn tham mưu, tư vấn cho Hội đồng Quản trị và Ban điều hành về những vấn đề liên quan đến luật pháp; thường xuyên theo dõi, cập nhật các thay đổi trong các văn bản pháp luật và các ảnh hưởng nếu có đến hoạt động kinh doanh của DNP Corp; rà soát các văn bản liên quan đến chính sách, định hướng phát triển của Công ty để đảm bảo mọi hoạt động đều tuân thủ đúng nội quy, quy định do Pháp luật đề ra.

RỦI RO LÃI SUẤT:

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Trong quá trình đầu tư mở rộng sản xuất và quy mô, công ty cần huy động vốn từ các nguồn bên ngoài. Do đó, công ty chịu ảnh hưởng từ rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi và các khoản vay của Công ty. Lãi suất nếu tăng sẽ ảnh hưởng lớn đến chi phí lãi vay của công ty, làm giảm hiệu quả các khoản đầu tư hoặc hạn chế khả năng huy động vốn của công ty cho việc đầu tư phát triển quy mô và cải thiện hoạt động.

Để kiểm soát rủi ro lãi suất, Công ty thường xuyên theo dõi, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty và nằm trong giới hạn quản lý rủi ro.
-Ngoài những rủi ro chung của công ty, các đơn vị thành viên của DNP Corp còn chịu tác động của những rủi ro đặc thù liên quan đến ngành.

NGÀNH NHỰA

RỦI RO CHI PHÍ SẢN XUẤT:

Việc chủ yếu phải nhập khẩu nguyên liệu nhựa khiến ngành nhựa Việt Nam nói chung và công ty nói riêng khá nhạy cảm với biến động giá nguyên liệu nhựa trên thế giới và khu vực. Giá nguyên vật liệu đầu vào lại chiếm tới 70-80% trong cơ cấu chi phí sản xuất, điều này khiến biên lợi nhuận của công ty bị ảnh hưởng lớn khi chi phí đầu vào tăng lên. Bên cạnh đó, năm 2019, giá điện được điều chỉnh tăng và tiền lương nhân công, giá các nguyên nhiên liệu khác trong quy trình sản xuất đang có xu hướng tăng, gây ảnh hưởng bất lợi đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Để kiểm soát rủi ro liên quan đến chi phí sản xuất, DNP Corp thường xuyên theo dõi, cập nhất giá cả trên thị trường; làm việc với các nhà cung cấp để đảm bảo có được mức giá tốt, có phương án mua và tích trữ nguyên vật liệu đầu vào; cũng như nâng cao tinh thần tiết kiệm nguyên liệu, năng lượng và có các biện pháp cải tiến quy trình sản xuất.

RỦI RO CẠNH TRANH:

Tính trên cả nước, hiện nay có khoảng gần 1,500 doanh nghiệp nhựa đang hoạt động với khoảng 85% là doanh nghiệp nội. Cùng với sự hội nhập nền kinh tế toàn cầu và các Hiệp định thương mại như EVFTA…có hiệu lực, thị trường nhựa trong nước đã xuất hiện những tên tuổi nước ngoài. Để có thể đứng vững và phát triển trong cuộc cạnh tranh mang tính toàn cầu này, các đơn vị thành viên trong ngành nhựa của DNP Corp đang nỗ lực, từng bước đổi mới, tập trung nguồn lực vào việc nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới, đa dạng hóa mẫu mã cũng như nâng cao chất lượng sản phẩm, đầu tư máy móc theo chuẩn công nghệ mới, giảm dần áp lực vào nguồn cung nguyên liệu từ nước ngoài với khát vọng cung cấp đến tay người tiêu dùng những sản phẩm nhựa tiêu chuẩn cao ở mức giá hợp lý.

RỦI RO TỶ GIÁ:

Đặc thù của ngành nhựa Việt Nam là khả năng cung ứng nguyên liệu nhựa nguyên sinh trong nước khá hạn chế, chỉ đáp ứng được trung bình khoảng 20% nhu cầu nguyên liệu của các doanh nghiệp. Do đó, nguyên liệu nhựa phần lớn phải nhập khẩu từ nước ngoài. Việc thanh toán chi phí nguyên liệu nhựa nguyên sinh chủ yếu bằng đồng USD khiến tỷ giá USD/VND biến động gây ảnh hưởng lớn đến giá nguyên vật liệu đầu vào của công ty. Để hạn chế rủi ro tỷ giá, công ty thường xuyên theo dõi diến biến của tỷ giá ngoại tệ và có thể áp dụng biện pháp mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

NGÀNH NƯỚC

RỦI RO BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU:

Hạn hán và mặn xâm nhập diễn ra từ cuối năm 2019 và tình hình trở nên trầm trọng hơn nhiều vào những tháng đầu năm 2020. Độ mặn trong nước tăng gấp 2-3 lần so với đỉnh 2016 trong khi dòng nước biển chảy ngược cùng với tình trạng khô hạn dẫn đến độ xâm nhập sâu vào đất liền tới cả trăm km, cao gấp đôi trung bình nhiều năm. Việc xâm nhập mặn có tác động mạnh đến tất cả các tỉnh ven biển Đồng Bằng Sông Cửu Long từ Long An đến Cà Mau, Kiên Giang với ước tính có từ 82.000 đến 158.900 hộ gia đình tại các tỉnh này thiếu nước sinh hoạt. Đã có 5 tỉnh Kiên Giang, Bến Tre, Tiền Giang, Cà Mau và Long An công bố tình huống khẩn cấp về hạn, mặn. Chất lượng nguồn nước thô không ổn định làm gia tăng chi phí xử lý nước, giảm hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty và tạo khó khăn trong việc cung cấp nước sinh hoạt đủ cho người dân.

03.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2019

1. TỔNG QUAN 36

2. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG THEO TỪNG MẢNG SẢN XUẤT KINH DOANH 38

3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN 42

4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH 48

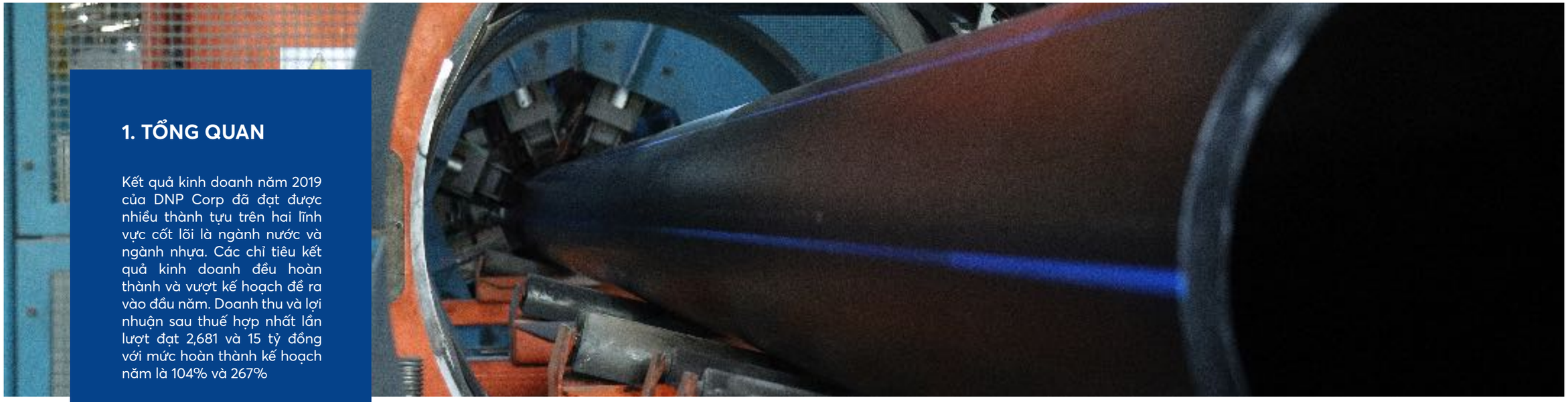

1. TỔNG QUAN

Kết quả kinh doanh năm 2019 của DNP Corp đã đạt được nhiều thành tựu trên hai lĩnh vực cốt lõi là ngành nước và ngành nhựa. Các chỉ tiêu kết quả kinh doanh đều hoàn thành và vượt kế hoạch đề ra vào đầu năm. Doanh thu và lợi nhuận sau thuế hợp nhất lần lượt đạt 2,681 và 15 tỷ đồng với mức hoàn thành kế hoạch năm là 104% và 267%

KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2019 SO VỚI CÙNG KỲ

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019	% hoàn thành kế hoạch năm 2019
1	Doanh thu hợp nhất	2,681	2,799	104%
2	Lợi nhuận hợp nhất sau thuế	15	40	267%
3	Lợi nhuận cổ đông công ty mẹ		21	

Trong ngành nước, DNP Water đã đạt được những bước phát triển về quy mô và vận hành. Quy mô hợp nhất mở rộng với việc gia tăng 06 đơn vị thành viên, nâng công suất thêm 650.000 m3/ngày đêm. Liên quan đến hoạt động phát triển dự án, tháng 04/2019, Nhà máy nước Nhị Thành thuộc DNP-Long An đã đi vào vận hành với công suất thiết kế giai đoạn 1 đạt 40.000 m3/ngày đêm, dự phòng nâng lên 80.000m3/ngày đêm và thử nghiệm thành công mô hình xây dựng hệ thống cấp nước nông thôn và cận đô thị tại huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Về công tác vận hành các đơn vị thành viên, Công ty thực hiện thành công Dự án Chuyển đổi số tại Công ty Cổ phần Nước sạch số 3 Hà Nội và đang nhân rộng ra các đơn vị thành viên khác

Trong ngành nhựa, Công ty tích cực tái cấu trúc hoạt động kinh doanh theo hướng bền vững hơn, tạo thế mạnh trong bối cảnh thị trường cạnh tranh quyết liệt. Nhựa Đồng Nai chuyển mình từ một đơn vị sản xuất các sản phẩm truyền thống như ống hạ tầng, dân dụng, hướng tới trở thành nhà cung cấp giải pháp, vật tư trong ngành cấp thoát nước với sự đa dạng về chủng loại sản phẩm, đi kèm với cung cấp các dịch vụ gia tăng với giá thành hợp lý. Trong khi đó, cùng với việc củng cố vị thế trong Top 5 thị trường trong phân khúc Nhựa bao bì cho các sản phẩm công nghiệp, Nhựa Tân Phú vừa hoàn thiện bộ sản phẩm gia dụng Inochi mang tiêu chuẩn chất lượng Nhật Bản và bước đầu được đón nhận tích cực trên thị trường.

KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2019 SO VỚI CÙNG KỲ

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2019	Thực hiện năm 2018	% thực hiện năm 2019 so với 2018
1	Doanh thu hợp nhất	2,799	2,181	28%
2	Lợi nhuận hợp nhất trước thuế	40	15	167%
3	Lợi nhuận hợp nhất sau thuế	27	12	125%
4	Lợi nhuận cổ đông công ty mẹ	21	15	40%
5	Lợi nhuận cơ bản trên cổ phiếu (VND/cp)	211	214	-1%

Doanh thu hợp nhất năm 2019 của Công ty tăng trưởng 28% so với năm 2018 do việc gia tăng số lượng các đơn vị thành viên ngành nước trong cấu trúc hợp nhất. Chỉ tiêu lợi nhuận trước và sau thuế TNDN năm 2019 lần lượt tăng 67% và 25% so với năm 2018 nhờ sự đóng góp của mảng kinh doanh nước sạch với biên lợi nhuận tốt cùng với việc cải thiện đáng kể biên lợi nhuận ngành nhựa.

2. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG THEO TỪNG MẢNG SẢN XUẤT KINH DOANH:

ỐNG NHỰA, PHỤ KIỆN VÀ VẬT TƯ NGÀNH NƯỚC

Đạt doanh số 804 tỷ. Được đóng góp chủ yếu bởi gia tăng chuỗi sản phẩm vật tư thiết bị ngành nước thông qua liên danh DNP Hawaco và bước đầu thâm nhập vào thị trường xây dựng dân dụng

Quan trọng hơn, DNP tiếp tục khẳng định và định vị nhà cung cấp thiết bị và giải pháp đồng bộ trọn gói số 1 ngành nước Việt Nam. Sản phẩm của Nhựa Đồng Nai bắt đầu được thị trường xây dựng chấp nhận rộng rãi làm tiền đề vững chắc cho mở rộng và tăng trưởng các năm tiếp theo

BAO BÌ

Năm 2019, mảng sản xuất kinh doanh bao bì tiếp tục phát triển ổn định. Sản lượng đạt 13.000 tấn, doanh thu 514 tỷ, tăng trưởng 17% so với năm trước và hoàn thành 101% kế hoạch. Công ty đã hoàn thành dự án và đưa nhà máy bao bì 4 vào hoạt động với công suất 500 tấn/tháng. Công tác phát triển thị trường cũng ghi nhận kết quả tích cực với việc bước đầu thâm nhập thành công vào các thị trường xuất khẩu mới là Đông Âu, Châu Úc và Mỹ. Đây là những tiền đề căn cơ, nhằm tăng năng lực sản xuất và biên lợi nhuận trong mảng kinh doanh bao bì.

NHỰA CÔNG NGHIỆP

Phát huy năng lực và hơn 40 kinh nghiệm sản xuất mảng nhựa công nghiệp, năm 2018 Nhựa Tân Phú tiếp tục duy trì ISO 9001: 2015, ISO 15378 và HACCP, đã hoàn thiện nhà xưởng đạt chứng chỉ BRC ở chi nhánh Long An cho sản phẩm thực phẩm, đồng thời tăng cường khâu kiểm soát chất lượng, tích cực nghiên cứu áp dụng các giải pháp nâng công suất, tăng hiệu quả hoạt động sản xuất. Doanh thu mảng nhựa công nghiệp do Nhựa Tân Phú đóng góp năm 2019 đạt 758 tỷ đồng, tăng 24% so với 2018, nhờ tích cực khai thác tập khách hàng hiện hữu và phát triển kinh doanh, tiếp cận khách hàng dược phẩm, mỹ phẩm, phát huy lợi thế xưởng ISO 15378. Công ty cũng tích cực phát triển khách hàng quốc tế, bước đầu thử nghiệm thành công mẫu cho khách hàng Nhật, đã có đơn hàng và sẽ giao hàng năm 2019.

SẢN PHẨM GIA DỤNG

Doanh thu mảng nhựa gia dụng năm 2019 đạt 26,5 tỷ đồng, gấp 5 lần doanh thu năm 2018 nhờ đẩy mạnh mở rộng các kênh bán hàng hiện đại và truyền thống. Đến cuối năm 2019, nhựa gia dụng thương hiệu Inochi đã có mặt tại 48/63 tỉnh thành trên cả nước và có mặt tại 8/10 hệ thống siêu thị lớn tại Việt Nam.

NƯỚC SẠCH

Nước sạch, một trong hai lĩnh vực mũi nhọn của DNP Corp, đã đạt được nhiều thành tựu trong năm 2019 (i) Giá trị doanh thu của mảng nước sạch đạt 611 tỷ đồng, chiếm 22% trong cơ cấu doanh thu của DNP Corp (ii) Dự án nhà máy nước sạch Nhị Thành (Long An) với công suất giai đoạn 1 là 40.000 m3/ngày đêm đã hoàn thành và đi vào vận hành từ tháng 4/2019 (iii). Mô hình phát triển hệ thống mạng lưới cấp nước cận đô thị và nông thôn cũng được thử nghiệm thành công ở Bắc Giang, và đang nghiên cứu để phát triển các dự án tương tự ở Bình Thuận, Tây Ninh, Long An…

Cùng với việc tăng quy mô và mở rộng thị trường, DNP Water tích cực triển khai các công tác nhằm cải thiện hiệu quả hoạt động tại các đơn vị thành viên thông qua việc chuyển đổi số nhằm tối ưu hoạt động sản xuất kinh doanh và quản trị doanh nghiệp, các chương trình tăng năng suất lao động và cải tiến chất lượng dịch vụ khách hàng, những dự án nghiên cứu và phát triển mạng lưới. Chuyển đổi số đã được thực hiện thử nghiệm thành công tại Nước sạch 3 Hà Nội (NS3) với việc triển khai hiệu quả hệ thống ghi thu và dịch vụ khách hàng (CRM), hệ thống quản lý mạng lưới (Smart-network và GIS) và tự động hoá. Thành công ở NS3 sẽ tiếp tục được nhân rộng tại các đơn vị thành viên. DNP Water đã và đang ghi nhận những kết quả tích cực như năng suất lao động được cải thiện đáng kể, tỷ lệ thanh toán không tiền mặt tăng lên, tỷ lệ thất thoát giảm, số lượng khách hàng và địa bàn được cung cấp nước sạch mở rộng và khách hàng đã có những phản hồi tích cực đối với chất lượng sản phẩm và dịch vụ công ty cung cấp từ cả hộ dân và chính quyền địa phương. Bên cạnh đó, công ty bước đầu triển khai việc các hoạt động liên quan đến xây dựng hệ thống phòng thí nghiệm đạt tiêu chuẩn, nhằm đảm bảo chất lượng nước đầu vào và đầu ra trên cả địa bàn cấp nước của công ty luôn đạt tiêu chuẩn, là tiền đề để xây dựng hệ thống quản lý chất lượng đồng bộ. Ngoài ra, DNP luôn đóng góp hết mình cho những hoạt động vì cộng đồng, thể hiện trách nhiệm của công ty đối với xã hội. Với dự án trụ uống nước sạch tại vòi, mang lại những hiệu quả thiết thực cho nhân dân, DNP Corp một lần nữa khẳng định cam kết cung cấp nước sạch tới tay người tiêu dùng.

3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

ĐẦU TƯ HOÀN THIỆN DÃY SẢN PHẨM ỐNG NHỰA & PHỤ KIỆN

- **Lý do thực hiện**

  Nhựa xây dựng chiếm tỷ trọng 27% ngành nhựa Việt Nam và dư địa phát triển cao vì hạ tầng đô thị và nhu cầu nhà ở tại các đô thị Việt Nam còn rất lớn. Thị trường ống nhựa dân dụng có sự tham gia của nhiều doanh nghiệp lớn và tính cạnh tranh cao. Việc Nhựa Đồng Nai đầu tư hoàn thiện dãy sản phẩm ống nhựa và phụ kiện là cần thiết để xây dựng lợi thế cạnh tranh từ dãy sản phẩm đầy đủ, phụ kiện đa dạng và tiện ích nhất, phù hợp với kinh doanh B2B, cung cấp sản phẩm các dự án dân dụng.

- **Kết quả thực hiện**

  Hoàn thiện đầu tư hệ thống khuôn mẫu, máy móc và đưa vào sản xuất. Sản phẩm ra lò được khách hàng chấp thuận rộng rãi và đánh giá cáo. Là nhân tố quan trọng giúp gia tăng doanh số mảng xây dân dụng

ĐẦU TƯ NHÀ MÁY BAO BÌ

- **Lý do thực hiện**

  Mở rộng được thị trường xuất khẩu mới (Đông Âu, Châu Úc)

- **Kết quả thực hiện**

  Hoàn thành đầu tư vào tháng 8/2019, bắt đầu vận hành chạy thử và sản xuất đại trà từ tháng 10/2019 với công suất thiết kế 500 tấn/tháng.

www.dnpcorp.vn | The Annual Report 2019

3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

ĐẦU TƯ TĂNG NĂNG SUẤT TỰ ĐỘNG HÓA SẢN XUẤT NHỰA CÔNG NGHIỆP

- **Lý do thực hiện**

Mảng nhựa công nghiệp của DNP Corp có nhu cầu ổn định, gắn với tập khách hàng hiện hữu của Nhựa Tân Phú là các doanh nghiệp ngành thực phẩm – đồ uống, hóa mỹ phẩm, hàng tiêu dùng…Tuy nhiên, do biên lợi nhuận gia công nhựa công nghiệp không cao, để tối ưu hóa lợi nhuận trên các khoản đầu tư khuôn mẫu, máy móc ban đầu, Nhựa Tân Phú phải chú trọng công tác quản trị sản xuất, đảm bảo chất lượng, tăng năng suất và hiệu quả hoạt động để giảm thiểu lỗi sản phẩm và hàng trả lại, khai thác tối ưu các máy móc, khuôn mẫu đã đầu tư.

- **Kết quả thực hiện**

Với phương châm đầu tư chọn lọc, ưu tiên các dự án có nhu cầu lớn và khả năng khai thác lâu dài với chi phí và thời gian tối ưu, năm 2019 Nhựa Tân Phú đã đầu tư nhanh và trọng điểm các dự án mới về bao bì thực phẩm, hóa mỹ phẩm đã có cam kết từ phía khách hàng, và đầu tư bổ sung thiết bị ép phun cho một số khách hàng/sản phẩm đang quá tải công suất. Đặc biệt, công ty đầu tư mạnh cho tự động hóa, nhất là khâu hoàn thiện sản phẩm, để tăng năng suất và chất lượng, giảm chi phí nhân công.

ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG HIỆU NHỰA GIA DỤNG INOCHI

- **Lý do thực hiện**

Từ năm 2017, DNP Corp đã nghiên cứu và xác định đầu tư phát triển các sản phẩm nhựa gia dụng chất lượng cao để và xây dựng thương hiệu nhựa gia dụng Việt Nam cao cấp vì các lý do (i) nhu cầu thị trường nội địa đối với phân khúc này cao, chưa được đáp ứng đủ và có xu hướng tăng trưởng dài hạn, (ii) Nhựa Tân Phú có khả năng nâng cao năng lực sản xuất với sự hỗ trợ, tư vấn của các chuyên gia, đối tác Nhật Bản, và (iii) sản phẩm chất lượng cao cùng thương hiệu sẽ tạo nên chiến lược kinh doanh khác biệt và giá trị gia tăng lâu dài, vượt trội cho Nhựa Tân Phú so với thi công nhựa công nghiệp.

- **Kết quả thực hiện**

Sau giai đoạn nghiên cứu phát triển sản phẩm, lên thiết kế, chuẩn bị khuôn mẫu và dây chuyền công nghệ từ tháng 6/2017, đến tháng 5/2018, thương hiệu nhựa gia dụng cao cấp Inochi chính thức ra mắt và nhóm sản phẩm đầu tiên là mắc áo bắt đầu được phân phối trên thị trường. Đến cuối năm 2018 Inochi đã có trong tay hơn 50 mã hàng kết hợp: sản phẩm ép/ sản phẩm bao bì màng và sản phẩm nhập khẩu trực tiếp từ Nhật để thương mại. Từ tháng 6 đến tháng 12/2018, hệ thống phân phối sản phẩm Inochi cũng đã cơ bản được xây dựng với chiến lược phát triển chọn lọc các đại lý phân phối truyền thống và tập trung vào các kênh bán hàng hiện đại. Tính đến hết năm 2019 sản phẩm Inochi đã có mặt tại hầu hết các tỉnh thành trong nước và các hệ thống siêu thị với gần 40 đại lý tại miền Bắc và miền Trung, 30 siêu thị lớn tại Hà Nội và TPHCM, hơn 150 cửa hàng, siêu thị vừa và nhỏ tại TPHCM, hơn 400 cửa hàng thuộc chuỗi Bách hóa xanh, toàn bộ hệ thống siêu thị Vinmart, toàn bộ hệ thống miền bắc của chuỗi điện máy HC

PHÁT TRIỂN CÁC DỰ ÁN NGÀNH NƯỚC

- **Lý do thực hiện**

Nhu cầu nước sạch gia tăng do kinh tế tăng trưởng, quá trình đô thị hóa được đẩy mạnh, công nghiệp phát triển cùng cơ chế mở cửa đối với tư nhân hóa. Việt Nam đang hướng tới mục tiêu đạt tỉ lệ tiếp cận nước sạch được cung cấp tập trung ở các khu đô thị là 100% với tiêu chuẩn tiêu thụ 120 l/người/ngày vào năm 2025 theo quy hoạch về phát triển cấp nước cho các khu đô thị và công nghiệp. Tuy nhiên, hiện nay, tỷ lệ sử dụng nước máy hiện hữu của người dân vẫn chưa đạt mức 90%-100% trong khi tốc độ tăng trưởng đô thị hóa hàng năm nhanh 0,7%/năm, tương đương quy mô dân số đô thị tăng khoảng 1 triệu người/năm, chủ yếu tập trung ở các thành phố lớn. Bên cạnh đó, tốc độ tăng trưởng khách du lịch tại Việt Nam cũng ở mức cao, hiện ở mức 15-20%/năm kéo theo nhu cầu tiêu thụ nước ở ngành dịch vụ du lịch tăng theo. Các khu công nghiệp vẫn đang được mở rộng nhờ lợi thế từ các hợp đồng FTA Việt Nam đã ký và hệ thống cảng, giao thông điện tiếp tục được đầu tư phát triển. Một yếu tố then chốt khác là nhiều địa phương hiện vẫn đang sử dụng nguồn nước ngầm, tuy nhiên nguồn nước ngầm đang bị ô nhiễm trầm trọng, hàm lượng các chất độc hại vượt mức cho phép nhiều lần, và có dấu hiệu bị nhiễm bẩn bởi nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp. Ngoài ra, việc khai thác quá mức nguồn nước ngầm gây ra hiện tượng sụt lún đất, gây mất cân bằng sinh thái. Do đó, người dân và chính quyền địa phương đang có xu hướng chuyển từ việc sử dụng nước ngầm tự khai thác sang hệ thống nước máy tập trung. Ảnh hưởng từ biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn từ các vùng đồng bằng ven biển, đặc biệt là vùng đồng bằng sông Cửu Long đặt ra yêu cầu cầu xây dựng các nhà máy mới để tiến tới thay thế cho các nhà máy nước hiện hữu trong vùng sẽ không thể hoạt động trong điều kiện hạn mặn.

- **Kết quả thực hiện**

Năm 2019, DNP Water đã đầu tư và nâng số lượng công ty thành viên và liên kết lên 16 với tổng công suất cấp nước đạt 1.000.000 m3/ngày đêm. Các đơn vị thành viên mới của công ty như CTCP Đầu tư nước Bình An, Nhà máy nước DNP Nhị Thành là những đơn vị sản xuất và có mạng lưới bán buôn nước sạch tại các đô thị lớn/địa bàn có nhu cầu và tiềm năng tăng trưởng cao về kinh tế, công nghiệp, dịch vụ, du lịch, phù hợp với các tiêu chí đầu tư chiến lược của DNP Corp trong ngành nước.

Sau thành công của dự án DNP Bắc Giang tại Bắc Giang, DNP tiếp tục ghi nhận thực hiện thành cộng dự án nhà máy nước Nhị Thành do công ty con của DNP Water, DNP-Long An, thực hiện. Sau 12 tháng thi công, nhanh nhất so với các công trình cấp nước tương tự, nhà máy đã hoàn thành với suất đầu tư thấp hơn so với các công trình đầu tư công. Nhà máy sử dụng công nghệ hiện đại của Nhật Bản, có quy mô lớn nhất Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay, gồm: Công trình thu 700m2 tại xã Bình Lợi Nhơn, TP Tân An; Nhà máy xử lý nước 3,1ha ở xã Nhị Thành, huyện Thủ Thừa; Đường ống D630-900mm với tổng chiều dài 22km và các hạng mục công trình phụ trợ khác. Nhà máy có công suất thiết kế 60.000 m3/ngày đêm, công suất tối ưu đạt 80.000 m3/ngày đêm, chất lượng nước đạt quy chuẩn chất lượng nước ăn uống của Bộ Y tế QCVN 01:2009/BYT. Giai đoạn 1 công suất 30.000 m3/ngày đêm, công suất vận hành tối ưu đạt 40.000 m3/ngày đêm. Hạ tầng công trình thu và đường ống D710 cho phát 80.000 m3/ngày đêm. Giai đoạn 2 xây dựng cụm công suất 30.000 m3/ngày đêm nâng công suất lên 60.000 m3/ngày đêm, có thể mở rộng nên đến 80.000 m3/ngày đêm. Cung cấp nước sạch cho toàn TP Tân An và các huyện Thủ Thừa, Tân Trụ, Bến Lức, Cần Giuộc, Cần Đước cùng các khu vực lân cận khác.

4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH:

(Số liệu báo cáo tài chính hợp nhất ngày 31/12/2019)

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2019 SO VỚI CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC

STT	Chỉ tiêu	Hợp nhất		Thay đổi
		31/12/2019	31/12/2018	
1	Tổng tài sản	7,590	6,671	14%
2	Vốn chủ sở hữu	2,069	1,745	19%
3	Doanh thu thuần	2,799	2,181	28%
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	42	19	121%
5	Lợi nhuận khác	(2)	(3)	-33%
6	Lợi nhuận trước thuế	40	15	167%
7	Lợi nhuận sau thuế	27	12	125%
8	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	21	15	40%

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH QUAN TRỌNG

STT	Chỉ tiêu	Hợp nhất		
		31/12/2017	31/12/2018	31/12/2019
	CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN			
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	1.09	1.29	1.08
2	Hệ số thanh toán nhanh	0.32	0.61	0.42
3	Hệ số nợ/ Tổng tài sản	0.75	0.74	0.73
4	Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	2.98	2.82	2.67
5	Vòng quay hàng tồn kho	3.93	5.19	5.01
6	Vòng quay các khoản phải thu	2.95	3.11	3.56
7	Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	0.39	0.33	0.37
8	Hệ số lợi nhuận hợp nhất sau thuế/ Doanh thu thuần	5%	1%	1%
9	Hệ số lợi nhuận cổ đông công ty mẹ/ Vốn chủ sở hữu	9%	1%	1%
10	Hệ số lợi nhuận hợp nhất sau thuế/ Tổng tài sản	2%	0.2%	0.4%
11	Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	6%	1%	2%
12	Thu nhập trên cổ phần (EPS)	1,957	214	211

CƠ CẤU TÀI SẢN

STT	Chỉ tiêu	Hợp nhất		Thay đổi
		31/12/2019	31/12/2018	
	TÀI SẢN NGẮN HẠN	**2,389**	**2,361**	**1%**
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	235	853	-72%
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	708	261	171%
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	806	766	5%
4	Hàng tồn kho	526	389	35%
5	Tài sản ngắn hạn khác	114	92	24%
	TÀI SẢN DÀI HẠN	**5,201**	**4,310**	**21%**
6	Các khoản phải thu dài hạn	25	22	14%
7	Tài sản cố định	2,616	2,143	22%
8	Tài sản dở dang dài hạn	1,451	1,020	42%
9	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	726	735	-1%
10	Lợi thế thương mại	312	334	-7%
11	Tài sản dài hạn khác	71	56	27%
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**7,590**	**6,671**	**14%**

CƠ CẤU NGUỒN VỐN

STT	Chỉ tiêu	Hợp nhất		Thay đổi
		31/12/2019	31/12/2018	
1	Nợ phải trả	5,521	4,924	12%
2	Nợ ngắn hạn	2,220	1,825	22%
3	Phải trả người bán ngắn hạn	212	167	27%
4	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	72	5	1340%
5	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	22	7	214%
6	Phải trả người lao động	43	27	59%
7	Chi phí phải trả ngắn hạn	68	42	62%
8	Phải trả ngắn hạn khác	90	22	309%
9	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	1,697	1,549	10%
10	Nợ dài hạn	3,300	3,098	7%
11	Vốn chủ sở hữu	2,070	1,745	19%
12	Lợi ích của cổ đông thiểu số	910	604	51%
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**7,590**	**6,671**	**14%**

PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Năm 2019, DNP Corp có tổng tài sản tăng, chủ yếu do việc gia tăng các đơn vị thành viên trong ngành nước và thực hiện các dự án nhà máy nước sạch DNP Bắc Giang và Nhị Thành – DNP Long An. Việc huy động nguồn lực cho đầu tư dẫn đến việc tổng nợ phải trả tăng. Mặc dù vậy, hệ số nợ/vốn chủ sở hữu của công ty giảm nhẹ nhờ phương án chủ động tăng vốn, đáp ứng nhu cầu đầu tư phát triển.

Chỉ số thanh toán ngắn hạn và thanh toán nhanh, lần lượt ở mức 1,08 và 0,42, giảm so với năm 2018. Vòng quay hàng tồn kho năm 2019 giảm nhẹ xuống 5,01 lần, tăng hiệu quả so với năm trước. Vòng quay các khoản phải thu tăng lên mức 3,56 lần cho thấy hiệu quả công tác thu hồi công nợ có sự sụt giảm so với năm 2018. Các chỉ số về khả năng sinh lời không khả quan do công ty lãi nhẹ trong năm 2019.

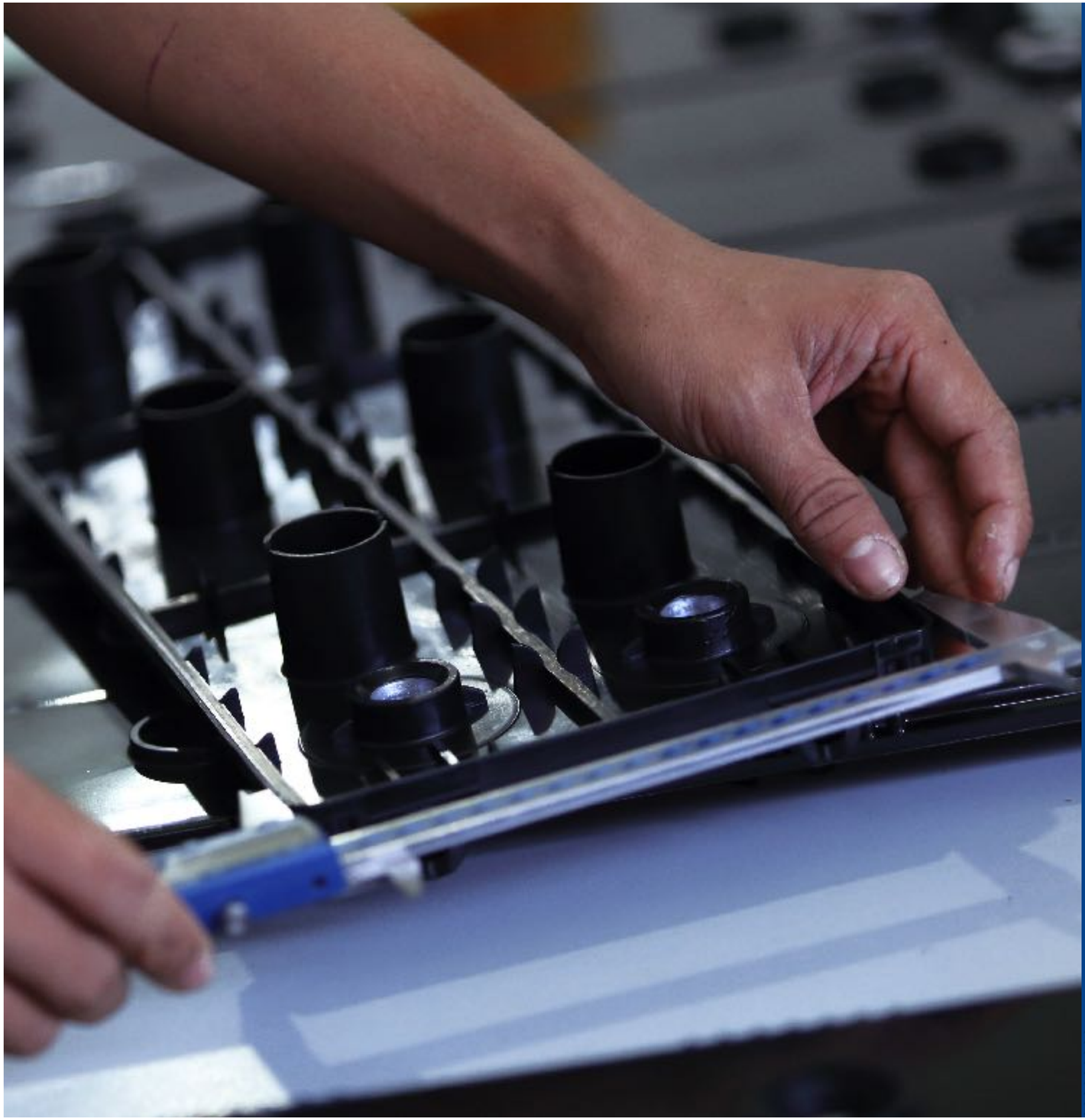

04.

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

1. TỔNG QUAN KINH TẾ VIỆT NAM 2019 VÀ DỰ BÁO NĂM 2020 54

2. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020 60

3. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN 62

www.dnpcorp.vn | The Annual Report 2019

1.TỔNG QUAN KINH TẾ VIỆT NAM 2019 VÀ DỰ BÁO NĂM 2020

Tổng quan kinh tế việt nam 2019

• Tăng trưởng GDP

Tăng trưởng GDP năm 2019 đạt 7,02% cao hơn đáng kể so với tốc độ tăng bình quân giai đoạn từ 2011 đến 2018 và vượt mục tiêu theo Nghị quyết của Quốc hội (6,6-6,8%).

Tăng trưởng GDP của Việt Nam qua các năm

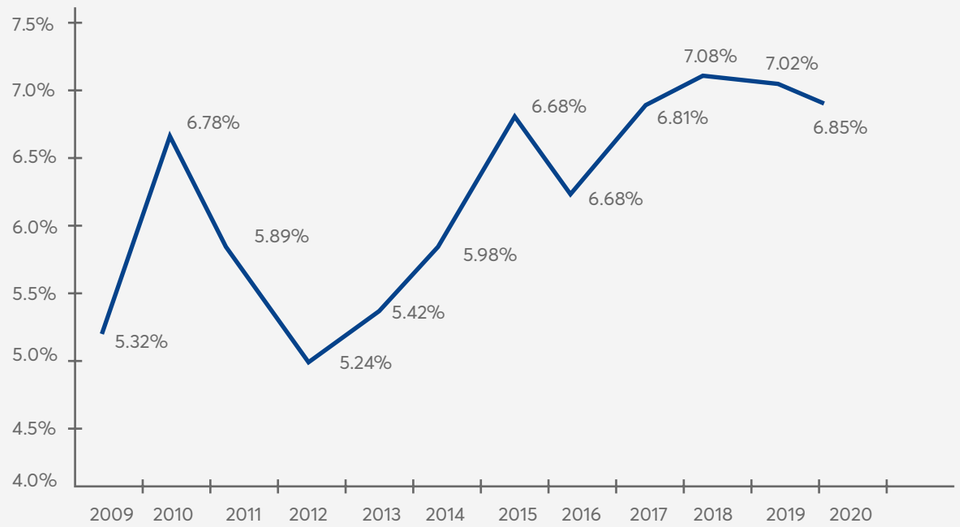

Nguồn: NBS tổng hợp

Đồ thị cơ cấu tổng sản phẩm 2019 (%)

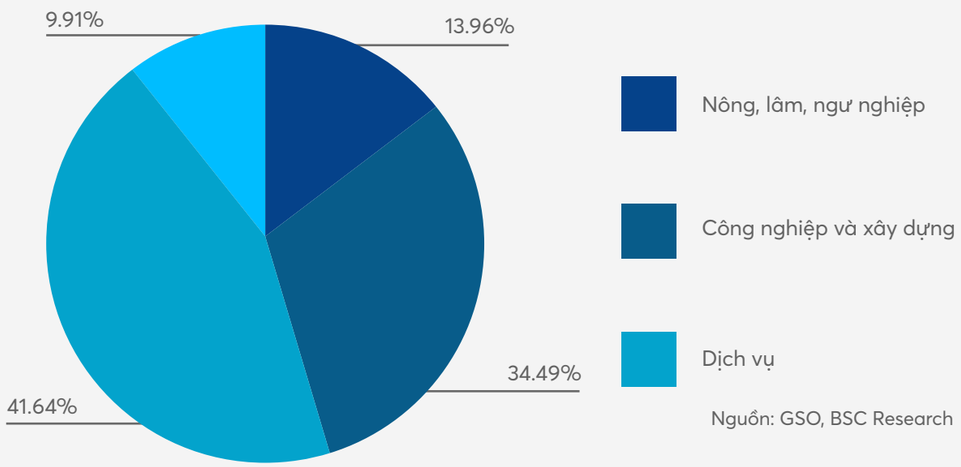

Nguồn: GSO, BSC Research

Về cơ cấu nền kinh tế, năm 2019 tiếp tục đánh dấu sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ khu vực nông nghiệp sang khu vực công nghiệp và dịch vụ khi khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 34,49% cơ cấu tổng sản phẩm còn khu vực dịch vụ chiếm 41,64%

Hoạt động xuất nhập khẩu đã có xu hướng chậm lại ít nhiều tác động tiêu cực đến tăng trưởng trong nước. Cụ thể, trong năm 2019, chỉ duy nhất xuất khẩu vào thị trường Mỹ đạt mức tăng hai con số (28%) còn các thị trường lớn khác như EU, Trung Quốc, ASEAN gần như không tăng trưởng, trong khi xuất khẩu vào thị trường Nhật Bản và Hàn Quốc chỉ tăng quanh ngưỡng 8%. Cả năm 2019, cán cân thương mại Việt Nam ước tính xuất siêu 9,9 tỷ USD, tăng 42% so với năm 2019. Kim ngạch xuất khẩu cả năm 2019 đạt 263,45 tỷ, tăng 8,1% so với cùng kỳ năm trước trong khi kim ngạch nhập khẩu đạt 253,51% tăng 7% so với cùng kỳ năm trước. Tại Việt Nam, FDI đăng ký năm 2019 đạt mức 22,5 tỷ USD (-11,2% YoY) so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, vốn FDI giải ngân năm 2019 tăng 6,7% so với năm ngoái và đạt 20,4 tỷ USD. Vốn FDI tập trung chủ yếu vào ngành công nghiệp chế biến chế, chế tạo, chiếm 72,2%.

Kế hoạch giải ngân của chính phủ khá chậm so với tiến độ đề ra, dẫn đến kết quả bội thu ngân sách. Sự chậm trễ của chi ngân sách chủ yếu đến từ việc chi đầu tư phát triển chỉ bằng 53,3% so với kế hoạch đề ra do tình trạng giải ngân các dự án đầu tư công gặp khó khăn và chậm tiến độ.

Tốc độ tăng trưởng GDP đứng vững tiếp tục trở lực cho thị trường lao động phát triển năng động, thể hiện qua số lượng việc làm và mức lương thực tế đều gia tăng. Tính đến 31/12/2019, tổng dân số Việt Nam ước tính là 96,88 triệu người, thu nhập bình quân đầu người hiện gần 2.800 USD (xấp xỉ 65,8 triệu đồng).

• Lạm phát

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2019 chỉ tăng 2,79% so với bình quân năm 2018 và đáp ứng mục tiêu quốc hội đề ra. Lạm phát cơ bản vẫn nằm trong tầm kiểm soát với lạm phát bình quân đạt 1,99% YoY. Năm 2019, các nhân tố chính tác động tới CPI bao gồm nhóm thực phẩm mà chủ yếu do giá thịt lợn tăng; giá điện điều chỉnh tăng; giá dịch vụ nhà nước bao gồm giá dịch vụ y tế và giá dịch vụ giảm; giá xăng dầu giảm.

Lạm phát theo tháng năm 2019

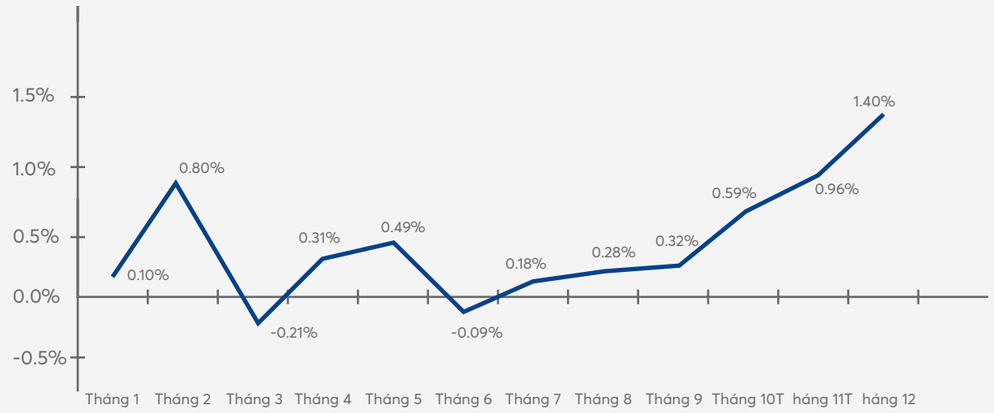

Lạm phát Việt Nam qua các năm

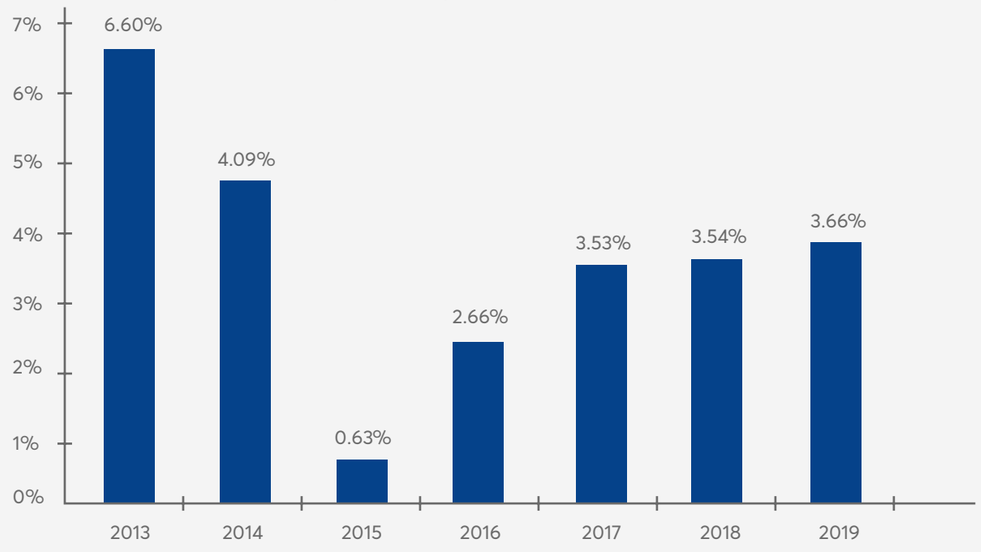

• Thị trường ngoại hối:

Về thị trường ngoại hối, tỷ giá VND/USD diễn biến ổn định giao động quanh một biên hẹp trong suốt năm 2019. Mức biến động cao nhất chỉ xấp xỉ trên 1% vào thời điểm đầu năm và gần như diễn biến đi ngang trong các tháng cuối năm. NHNN áp dụng chính sách điều hành linh hoạt thông qua tỷ giá trung tâm, tuy nhiên chủ yếu để thị trường tự điều tiết và chưa có động thái bán ra lượng lớn USD để can thiệp vào thị trường.

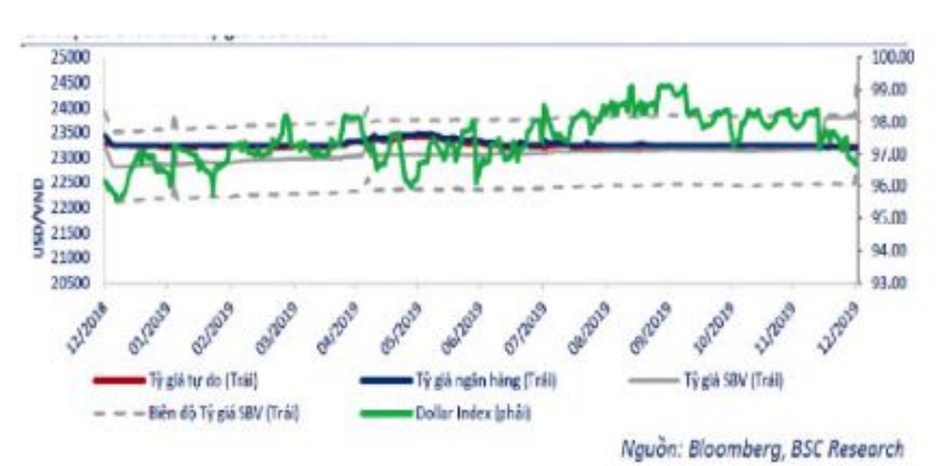

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

• Chính sách tiền tệ:

Với tính liên thông khá yếu, sự dồi dào thanh khoản ở thị trường liên ngân hàng hiện chưa giúp lãi suất huy động và lãi suất cho vay trên thị trường 1 giảm. Lãi suất cho vay đối với các lĩnh vực sản xuất kinh doanh thông thường tăng nhẹ so với 2018, phản ánh việc các ngân hàng giảm tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung-dài hạn theo lộ trình của NHNN.

Dự báo Kinh tế Việt Nam năm 2020:

• Tăng trưởng GDP:

Triển vọng trước mắt và trong trung hạn là tích cực khi Ngân hàng Thế giới dự báo GDP tăng trưởng quanh mức 6,5% trong những năm tới và các yếu tố căn bản của nền kinh tế Việt Nam vẫn vững vàng. Việt Nam được cho rằng sẽ hưởng lợi nhiều nhất từ thương chiến Mỹ - Trung trong dài hạn nhờ sự dịch chuyển chuỗi sản xuất toàn cầu dưới tác động của thương chiến. Cơ hội cho Việt Nam đến từ việc đa dạng hóa quan hệ hợp tác, thể hiện ở các hiệp định thương mại RCEP, CPTPP và EVFTA vừa ký kết. Tuy nhiên, tình hình dịch COVID-19 đang diễn biến phức tạp từ đầu năm 2020 nên kịch bản tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam đã có sự thay đổi. Bộ Kế hoạch – Đầu tư đã đánh giá và đưa ra 2 kịch bản. Kịch bản 1, nCoV được khống chế kịp thời trong quý I/2020, ước tính GDP năm nay tăng 6,27%, thấp hơn 0,53%. Kịch bản 2, nCoV được khống chế trong quý II/2020, ước tính GDP tăng 6,09% so với năm trước (thấp hơn 0,71% so với Nghị quyết 01). Tuy nhiên, ảnh hưởng của dịch COVID-2019 chỉ xảy ra trong ngắn hạn, vì vậy, vẫn có thể kỳ vọng về tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trong tương lai.

• Lạm phát:

Giá dầu ước tính sẽ đi ngang khi OPEC vẫn sẽ tiếp tục cắt giảm sản lượng dầu khí và Mỹ vẫn duy trì nguồn cung ra thị trường. Tuy tình hình căng thẳng địa chính trị vẫn sẽ kéo dài nhưng nỗi lo lắng về nguồn cầu cũng gia tăng khi nỗi lo về suy thoái toàn cầu gia tăng. Giá điện dự kiến sẽ tiếp tục tăng do nền kinh tế Việt Nam sẽ tiếp tục tăng trưởng và tình trạng thiếu điện vẫn đang xảy ra vào các cao điểm trong tháng hè. Về ảnh hưởng của dịch bệnh Corona đến chỉ số CPI, dịch bệnh có thể làm tăng giá thuốc y tế, giá điện sinh hoạt. Tuy nhiên, giá thực phẩm tươi sống; giá dịch vụ ăn uống ngoài gia đình; giá dịch vụ du lịch, khách sạn, dịch vụ vui chơi, giải trí có thể sẽ giảm trong ngắn hạn do nhu cầu giảm. Ngoài ra, nhu cầu ăn uống ngoài gia đình giảm, nhu cầu du lịch, lễ hội giảm. =>Theo kịch bản 1 của Bộ Kế hoạch – Đầu tư, chỉ số CPI năm 2020 tăng 3,96% so năm 2019 và theo kịch bản thứ 2 tăng 4,86%.

• Thị trường ngoại hối:

Trong bối cảnh nguồn cung ngoại tệ khá dồi dào cùng chính sách linh hoạt và nhất quán nhằm hỗ trợ và ổn định tỷ giá của NHNN, tỷ giá được kỳ vọng sẽ dao động trong khoảng 1% - 2%. Tuy nhiên, do đại dịch Covid-19, các chỉ báo kinh tế vĩ mô toàn cầu suy yếu, đồng tiền USD sẽ trở về thành tài sản trú ẩn an toàn như các kỳ khủng hoảng trước. Hiện tượng này sẽ làm tăng giá trị của USD trên thị trường thế giới và Tỷ giá USD/VND cũng sẽ chịu ảnh hưởng mạnh từ xu hướng này. Tuy nhiên, việc tăng giá chỉ mang tính chất ngắn hạn, khi dịch bệnh đi xuống, C các chỉ báo kinh tế vĩ mô toàn cầu hồi phục, tỷ giá USD/VND dự kiến sẽ duy trì xu hướng đi ngang trong vùng giá 23.200 - 23.300 trong năm 2020.

• Chính sách tiền tệ:

Trước những ảnh hưởng của đại dịch Covid, các công cụ chính sách tiền tệ được áp dụng một cách thận trọng và linh hoạt. Việt Nam đã thực hiện một số động thái chính sách để tháo gỡ khó khăn cho hoạt động kinh tế như Chính phủ đã công bố gói tín dụng 255.000 tỷ đồng và gói hỗ trợ thuế 30.000 tỷ đồng và yêu cầu Ngân hàng Nhà nước đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian xét duyệt hồ sơ vay vốn, cải thiện khả năng tiếp cận vốn vay. Ngân hàng Nhà nước cũng đã hạ một loạt lãi suất điều hành.. Các ngân hàng thương mại đã giảm đáng kể mặt bằng lãi suất tiền gửi và lãi suất cho vay. Một số ngân hàng thương mại còn có chính sách cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn giảm lãi vay chậm trả, giữ nguyên nhóm nợ cho những khách hàng bị tác động bởi dịch Covid-19…

2.KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2019	% so với thực hiện 2019
1	**Doanh thu hợp nhất**	**Tỷ đồng**	3,526	2,799	126%
	Ngành nước	**Tỷ đồng**	945	611	155%
	Ngành nhựa	**Tỷ đồng**	2,581	2,188	118%
	Ống nhựa, phụ kiện và vật tư ngành nước	**Tỷ đồng**	763	804	95%
	Bao bì	**Tỷ đồng**	595	514	116%
	Nhựa công nghiệp	**Tỷ đồng**	890	758	117%
	Sản phẩm gia dụng	**Tỷ đồng**	83	26	319%
	Thương mại	**Tỷ đồng**	250	86	291%
2	**Lợi nhuận trước thuế**	**Tỷ đồng**	5	40	13%
	Lợi nhuận trước thuế (trước ảnh hưởng các bút toán phân bổ LTTM và khấu hao sau M&A)	**Tỷ đồng**	114	156	73%
	Vốn điều lệ	**Tỷ đồng**	1,000	1,000	100%

Nước sạch:

Dự kiến doanh thu tăng mạnh do hoạt động hợp nhất các đơn vị thành viên gia nhập, nâng công suất các nhà máy hiện hữu và phát triển các dự án mới, mở rộng địa bàn hoạt động và phát triển mạng lưới khách hàng. Các hoạt động đầu tư mới và cải tạo để tăng cường hiệu quả hoạt động sẽ tác động làm giảm biên lợi nhuận kế toán trong ngắn hạn nhưng sẽ đem lại biên lợi nhuận bền vững và dài hạn trong tương lai.

Ống nhựa, phụ kiện và vật tư ngành nước:

Duy trì hoạt động ổn định mảng kinh doanh hạ tầng, giữ vững vị thế số 1 thị trường hạ tầng cấp thoát nước khu vực phía Nam, đồng thời mở rộng ra thị trường miền Bắc. Tăng cường mức độ hiện diện sản phẩm ở 33 tỉnh và tăng thị phần cho 2 nhóm sản phẩm ống dân dụng và ống tưới tiêu đối với kênh bán lẻ. Hoàn thiện hệ sinh thái vật tư thiết bị ngành nước (đồng hồ, bơm van, tấm lắng, hộp đồng hồ…). Xây dựng nền tảng của 1 công ty thiết bị cơ điện để cung cấp trọn gói bộ điện nước/MEP cho tòa nhà.

Sản phẩm gia dụng:

Thị trường và người tiêu dùng đã đón nhận tích cực các sản phẩm thương hiệu Inochi. Trong năm 2020, sẽ tích cực phát triển sản xuất trên cơ sở hạ tầng, khuôn mẫu đã đầu tư và các kênh phân phối đã được xây dựng. Đặt kế hoạch doanh thu 83 tỷ cho năm 2020

Nhựa công nghiệp:

Duy trì hoạt động sản xuất và kinh doanh trên nền tảng hiện hữu, ưu tiên nguồn lực cho các khu vực sản phẩm có biên lợi nhuận cao, mang tính thiết yếu trong mọi điều kiện nền kinh tế để duy trì Doanh thu ổn định.

Bao bì:

Sản lượng tăng sau đầu tư mở rộng nhà xưởng và cải thiện hiệu suất năm 2019, doanh thu tăng 23%. Đầu tư xây dựng xí nghiệp bao bì 5 để sản xuất các sản phẩm với tiêu chuẩn cao hơn, đáp ứng nhu cầu của các thị trường và khách hàng mới.

Lợi nhuận chung:

Năm 2020, diễn biến phức tạp của dịch Covid-19 làm đứt gãy chuỗi cung ứng sản xuất tiêu dùng, ảnh hưởng toàn bộ nền kinh tế. Nhu cầu tiêu thụ của khách hàng giảm sút do Chính phủ khuyến cáo giãn cách xã hội, thực hiện đóng cửa các trường học, khách sạn, nhà hàng, khu vui chơi du lịch…, hạn chế thông thương, đi lại trên các tuyến giao thông đường bộ, đường hàng không, đường sắt, đường biển. Ngoài ra, để tập trung phòng chống, giảm thiểu tác động của dịch Covid-19, tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, an ninh, an toàn đời sống và sức khỏe của nhân dân, Chính phủ ra Chỉ thị chưa thực hiện điều chỉnh tăng giá trong Qúy I và Qúy II năm 2020 đối với các mặt hàng là đầu vào cho sản xuất của doanh nghiệp do Nhà nước định giá thuộc lĩnh vực quản lý. Bên cạnh đó, hạn mặn ở Đồng bằng sông Cửu Long cũng khiến cho chi phí sản xuất của các đơn vị thành viên tại khu vực tăng lên và giảm sản lượng so với công suất thông thường. Do vậy, Ban điều hành và Hội đồng Quản trị đặt ra một Kế hoạch tăng trưởng thận trọng khi để Lợi nhuận trước thuế ở mức 5 tỷ đồng.

3.CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Ống nhựa, phụ kiện và vật tư ngành nước:

Phát triển thương hiệu và kinh doanh dựa trên thế mạnh dãy sản phẩm và giải pháp tổng thể cho hạ tầng cấp thoát nước (ống nhựa, phụ kiện, tấm lắng lamella nội địa hóa, đồng hồ, máy bơm cùng công nghệ kỹ thuật thi công mạng lưới tiên tiến); xây dựng chương trình khách hàng B2B ưu tiên, khai thác mạng lưới khách hàng công ty cấp nước hiện hữu và bán chéo sản phẩm vào các dự án đấu nối cấp nước của các đơn vị thành viên/đối tác tại khu công nghiệp, khu đô thị, du lịch, dân cư...; liên tục cập nhật đáp ứng nhu cầu khách hàng; tổ chức triển khai mở rộng kênh phân phối; tăng cường giá trị gia tăng của chuỗi sản phẩm cung ứng; tìm kiếm và phát triển đối tác cho hệ sinh thái ngành nước

Bao bì:

Duy trì sản lượng cao và ổn định 4 nhà máy hiện hữu, tăng hiệu quả sản xuất để cải thiện biên lợi nhuận. Đầu tư nhà máy thứ 5 sản xuất các sản phẩm tiêu chuẩn cao hơn, đáp ứng yêu cầu của các thị trường, khách hàng mới.

Nhựa công nghiệp:

Khai thác tối ưu các máy móc, khuôn mẫu đã đầu tư, tăng cường kiểm soát chất lượng sản phẩm ngay từ khâu sản xuất, tự động hóa tăng năng suất… nhằm ổn định chất lượng, cắt giảm chi phí sản xuất.

Sản phẩm gia dụng:

Tiếp tục khai thác thế mạnh khác biệt của sản phẩm như dẫn đầu về số mẫu sản phẩm kệ nhựa, thùng rác đủ chủng loại, dung tích, kiểu dáng. Phát triển mạnh các loại hộp thực phẩm/ hộp gia vị/ thùng chứa... có ion bạc kháng khuẩn, tham gia nhóm sản phẩm mẹ và bé…Về kênh phân phối, tập trung phủ kín các tỉnh thành trên kênh truyền thống qua việc chọn lọc đại lý lớn, tập trung phát triển kênh phân phối hiện đại (siêu thị, cửa hàng tiện ích…) và kênh online.

Tài chính – Quản trị:

Xây dựng mối quan hệ chiến lược với các đối tác công nghệ - kỹ thuật để cải thiện hiệu quả vận hành, mối quan hệ hợp tác lâu dài với các ngân hàng, tổ chức tín dụng, quỹ đầu tư trong và ngoài nước nhằm tìm kiếm các cơ hội tăng nguồn lực đầu tư và phát triển công ty. Thiết kế những nội quy, quy định, quy trình đảm bảo mọi hoạt động trong công ty được diễn ra xuyên suốt, mạch lạc và mang tính hiệu quả cao. Tăng cường công tác giám sát, quản lý tại công ty mẹ và các công ty con, đảm bảo mọi công tác đều được triển khai theo đúng định hướng phát triển của công ty và luôn hỗ trợ các đơn vị trong mọi tình huống. Hoàn thiện hệ thống 5S, xây dựng, chuẩn hóa các chương trình đào tạo và thực hiện theo kế hoạch, chính sách dành cho người lao động, và luôn hỗ trợ, giám sát và tư vấn nhằm khuyến khích người lao động nâng cao năng suất lao động, gắn bó với công ty và phát triển sự nghiệp.

Nước sạch:

Tiếp tục tăng quy mô ngành nước sạch thông qua việc đầu tư vào các công ty nước mới và nâng tỷ lệ sở hữu tại các đơn vị thành viên và công ty liên kết và phát triển dự án tại các khu vực tiềm năng. Hoàn thiện quy trình chuyển đổi số tại các đơn vị thành viên hướng tới mục tiêu nâng cao năng suất lao động, cải thiện hiệu quả hoạt động, tăng cường chất lượng sản phẩm và dịch vụ khách hàng và chuyên nghiệp hóa vấn đề quản trị doanh nghiệp. Mở rộng địa bàn hoạt động và phát triển mạng lưới khách hàng cũng như gia tăng hiệu quả đấu nối hiện hữu thông qua việc nâng công suất nhà máy nước, gia tăng số lượng đồng hồ, tiếp quản các vùng cấp nước theo quy hoạch... Tăng cường quản lý chất lượng nước đầu vào và đầu ra nhằm đảm bảo nguồn nước đạt yêu cầu thông qua việc giám sát chặt chẽ, đảm bảo an ninh an toàn nguồn nước thô, đầu tư công nghệ máy móc, thường xuyên kiểm tra chất lượng nước và xây dựng hệ thống báo cáo thường xuyên về chất lượng nước.

05.

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2019

1. TỔNG QUAN 66

2. CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN NĂM 2019 68

3. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2020 70

4. CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH CƠ BẢN 71

5. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN 72

1. TỔNG QUAN

Năm 2019 ghi nhận sự phát triển tích cực của DNP ở cả hai mảng kinh doanh chính là ngành nước và ngành nhựa.

Trong ngành nước, Công ty tiếp tục đạt được các kết quả ấn tượng về tăng trưởng quy mô và cải thiện hiệu quả hoạt động của các đơn vị thành viên. Cụ thể, công ty đã nâng tỷ lệ chi phối và hợp nhất về DNP Water thêm 6 đơn vị với tổng công suất tăng thêm là 650.000m3/ngày đêm. Tháng 4/2019, dự án Nhị Thành hoàn thành, vận hành ổn định và đến tháng 11/2020 lượng nước sản xuất đã đạt 20.000m3/ngày đêm. Mô hình phát triển hệ thống mạng lưới cấp nước cận đô thị và nông thôn cũng được thử nghiệm thành công ở Bắc Giang, và đang nghiên cứu để phát triển các dự án tương tự ở Bình Thuận, Tây Ninh, Long An… Chuyển đổi số, hoạt động then chốt để cải thiện hoạt động các công ty nước một cách toàn diện, đã được thực hiện thử nghiệm thành công tại Nước sạch 3 Hà Nội (NS3) với việc triển khai hiệu quả hệ thống ghi thu và dịch vụ khách hàng (CRM), hệ thống quản lý mạng lưới (Smart-network và GIS) và tự động hoá. Thành công ở NS3 sẽ tiếp tục được nhân rộng tại các đơn vị thành viên. Bên cạnh đó, các hoạt động cải tiến khác như: giảm tỷ lệ thất thoát nước, cải tiến vận hành, quản lý, phát triển mạng lưới để mở rộng khu vực cấp nước… cũng được đồng loạt thực hiện tại các đơn vị thành viên. Ngoài việc tăng quy mô và hiệu quả hoạt động, công ty còn tích cực thực hiện các hoạt động CSR thực hiện trách nhiệm với cộng đồng, xã hội như dự án trụ uống nước tại vòi đã thực hiện thành công tại quận Hoàn Kiếm, Hà Nội và mở rộng ra các tỉnh thành khác. Đặc biệt, ngay đầu năm 2020, nhà máy nước Nhị Thành của DNP Water đã xả nước cứu lúa, hỗ trợ người dân chịu ảnh hưởng nặng nề bởi thiên tại hạn mặnặn.

Trong ngành nhựa, ở mảng ống nhựa hạ tầng, dân dụng và phụ kiện, công ty đã thành công trong việc tái cấu trúc hoạt động kinh doanh theo hướng bền vững hơn khi trở thành nhà cung cấp giải pháp và thiết bị vật tư ngành nước và gia nhập thị trường MEP (Cơ khí - Điện - Ống nước) với biên lợi nhuận và vòng quay phải thu tốt hơn. Mảng kinh doanh bao bì mềm cũng tăng trưởng ổn định, phát triển thành công thị trường và phân khúc khách hàng mới với sản phẩm có biên lợi nhuận cao hơn. Tháng 10/2019 công ty hoàn thành việc triển khai xây dựng xí nghiệp bao bì 4, và đến tháng 12/2019 đã khai thác 85% công suất, đạt 1.500 tấn/tháng.

Ở mảng nhựa công nghiệp, doanh thu thực hiện bám sát kế hoạch đề ra. Biên lợi nhuận gộp từ giữa năm 2019 được cải thiện do giá nguyên vật liệu giảm. Công ty đã tích cực tăng cường kiểm soát chất lượng khâu sản xuất, giảm khiếu nại khách hàng, tăng năng suất khai thác các sản phẩm biên lợi nhuận cao và tiếp cận các khách hàng giá trị cao như các công ty quốc tế, công ty trong các ngành tăng trưởng tốt. Mảng nhựa gia dụng không hoàn thành chỉ tiêu kinh doanh, chủ yếu do độ trễ trong việc tung sản phẩm mới ra thị trường. Tuy nhiên, thương hiệu nhựa gia dụng cao cấp Inochi đã được bày bán ở những siêu thị lớn và bước đầu được người tiêu dùng đón nhận, đánh giá cao về chất lượng, thiết kế. Đến tháng 12/2019, công ty đã có hơn 200 SKU sản phẩm đa dạng về nhóm ngành, mẫu mã, kích thước gồm các sản phẩm giữ nhiệt, tiện ích, kệ giỏ, bộ lau nhà, thùng rác, túi rác…sản xuất và thương mại, bước đầu hoàn thiện bộ sản phẩm gia dụng cho mọi gia đình. Sau giai đoạn đầu tư, nhóm sản phẩm nhựa gia dụng có thương hiệu sẽ góp phần cải thiện đáng kể vị thể và biên lợi nhuận của công ty trong những năm tới.

2. CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN NĂM 2019

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2019	% so với thực hiện 2019
1	**Doanh thu hợp nhất**	**Tỷ đồng**	2.799	2,681	104%
	Ngành nước	**Tỷ đồng**	611	850	72%
	Ngành nhựa	**Tỷ đồng**	2.188	1.831	119%
	Ống nhựa, phụ kiện và vật tư ngành nước	**Tỷ đồng**	804	633	127%
	Bao bì	**Tỷ đồng**	514	532	97%
	Nhựa công nghiệp	**Tỷ đồng**	758	601	126%
	Nhựa gia dụng	**Tỷ đồng**	26	65	40%
	Thương mại	**Tỷ đồng**	86	-	
2	**Lợi nhuận trước thuế**	**Tỷ đồng**	40	15	267%
3	**Lợi nhuận sau thuế**	**Tỷ đồng**	27	15	180%
4	**Tỷ lệ cổ tức năm 2018 chia trong năm 2019**	**%**			
5	**Tỷ lệ cổ tức năm 2019 dự kiến**	**%**			
6	**Tỷ suất lợi nhuận thuần**	**%**	1%	1%	0%
7	**Vốn điều lệ**	**Tỷ đồng**	1.000	1.000	100%

Kết quả tổng hoà các yếu tố trên đã được phản ánh đầy đủ trên Báo cáo tài chính năm 2019.

Doanh thu hợp nhất năm 2019 của Công ty đạt 104% kế hoạch đề ra. Ngành nhựa của DNP Corp năm 2019 đã có những bứt phá hơn so với năm 2018 và ghi nhận những kết quả nổi bật khi tổng doanh thu vượt kế hoạch 19%, trong đó mảng ống nhựa, phụ kiện và vật tư ngành nước đạt 127%, nhựa công nghiệp đạt 126% kế hoạch. Đây là kết quả việc Công ty được hưởng lợi do giá nguyên vật liệu đầu vào thấp, song song với việc tăng hiệu quả sản xuất, kinh doanh và khai thác thành công hệ sinh thái công ty ngành nước với việc thành lập ông ty thương mại DNP-Hawaco, tận dụng tệp khách hàng sẵn có và thế mạnh của các đối tác, đơn vị. Mảng nhựa gia dụng tuy chỉ hoàn thành 40% kế hoạch nhưng thương hiệu nhựa gia dụng cao cấp Inochi đã nhận được những phản hồi tích cực trên thị trường, dù độ trễ đầu tư dẫn đến việc ghi nhận doanh thu chậm hơn so với thời điểm kết thúc năm tài chính. Trong khi đó, ngành nước chỉ hoàn thành 72% kế hoạch đề ra do yếu tố khách quan. Quá trình thoái vốn tại các công ty ngành nước bị chậm trễ hơn so với kế hoạch nhà nước đề ra. Thêm vào đó, sự cố ô nhiễm nguồn nước của Nhà máy sông Đà và bất cập về giá nước của Nhà máy sông Đuống dẫn đến nhiều dư luận và việc tăng cường việc quản lý các công ty trong ngành, ảnh hưởng đến kế hoạch M&A của công ty trong năm.

Chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2019 đạt 180% kế hoạch, nhờ sự đóng góp của mảng kinh doanh nước sạch với biên lợi nhuận tốt từ số lượng các đơn vị thành viên ngành nước tăng thêm trong cấu trúc hợp nhất, cùng với việc cải thiện đáng kể biên lợi nhuận ngành nhựa.
Trong năm 2019, HĐQT đã tiến hành các cuộc họp, cùng với ban TGĐ thảo luận, phân tích đánh giá và đưa ra những quyết định quan trọng liên quan đến sự phát triển và chiến lược của DNP Corp. Trong bối cảnh kinh tế xã hội ổn định và phát triển, HĐQT đã đề ra những kế hoạch sản xuất kinh doanh tích cực như phát triển chuỗi giá trị ngành nước, đầu tư nhà máy bao bì 4, xây dựng và đi vào vận hành Nhà máy nước Nhị Thành… Định kỳ hàng tháng, các thành viên thường trực HĐQT cùng làm việc để đánh giá tiến độ và kết quả thực hiện kế hoạch, đồng thời đưa ra các giải pháp để tăng hiệu quả đầu tư và giám sát công tác thực hiện của ban điều hành, quản trị rủi ro do nhằm đảm bảo tiến độ, kết quả mục tiêu của các hoạt động và dự án.
Trong năm 2019, HĐQT và Ban lãnh đạo cũng đã tham gia sâu sát vào quá trình tái cấu trúc các đơn vị thành viên, xây dựng văn hóa doanh nghiệp, đào tạo đội ngũ nhân sự nhằm tăng năng suất lao động, tổ chức lại mô hình sản xuất kinh doanh hiệu quả, chuyên nghiệp theo định hướng chuyển đổi số, phát triển kinh doanh… Kết quả là các đơn vị thành viên tăng trưởng tích cực so với năm trước trên nhiều khía cạnh, đóng góp vào sự tăng trưởng chung của toàn Công ty.

3. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2020

HĐQT nhận định năm 2020 là một năm đặc biệt thách thức với diễn biến khó lường từ dịch Covid-19 ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các ngành nước và ngành nhựa. Bên cạnh dịch bệnh, yếu tố cạnh tranh, rủi ro chi phí tăng, biến động nguồn cung cho sản xuất và nhu cầu trên thị trường…là sức ép luôn tồn tại với doanh nghiệp. Do đó, HĐQT đưa ra định hướng tập trung nguồn lực đảm bảo hoạt động liên tục của công ty và tiếp tục cải thiện hiệu quả hoạt động tại tất cả các đơn vị thành viên, khai thác tối ưu các tài sản/dự án đã đầu tư; tích cực và sát sao cùng Ban Điều hành thực hiện các mục tiêu:

- Đảm bảo hoạt động liên tục của công ty ngay cả trong tình huống xấu nhất do ảnh hưởng của dịch bệnh;
- Tối ưu hóa các tài sản đã đầu tư của công ty trong cả ngành nước và ngành nhựa qua các chương trình tăng hiệu suất lao động, quản trị chi phí, cải tiến sản xuất vận hành, phát triển kinh doanh;
- Tiếp tục tái cấu trúc dư nợ và nguồn vốn của toàn DNP Corp và các đơn vị thành viên phù hợp với nhu cầu hoạt động và phát triển;
- Khi tình hình ổn định, tiếp tục thực hiện các hoạt động phát triển, đem lại giá trị lâu dài và lợi thế cạnh tranh vượt trội cho công ty như tăng quy mô qua các hoạt động M&A, phát triển dự án với chi phí và hiệu quả tối ưu, đáp ứng các yêu cầu của thị trường.

4. CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH CƠ BẢN

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2020	% so với thực hiện 2019
1	Doanh thu hợp nhất	Tỷ đồng	2.799	3.526	126%
	Ngành nước	Tỷ đồng	611	945	155%
	Ngành nhựa	Tỷ đồng	2.188	2.581	118%
	Ống và phụ kiện nhựa và vật tư ngành nước	Tỷ đồng	804	763	95%
	Bao bì	Tỷ đồng	514	595	116%
	Nhựa công nghiệp	Tỷ đồng	758	890	117%
	Nhựa gia dụng	Tỷ đồng	26	83	319%
	Thương mại	Tỷ đồng	86	250	291%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	40	5	13%
	Lợi nhuận sau loại trừ ảnh hưởng bút toán hợp nhất phân bổ Lợi thế thương mại và giá trị tài sản tăng lên sau M&A	Tỷ đồng	156	114	74%
3	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	1.000	1.000	100%

5. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

- Áp dụng các biện pháp giảm thiểu rủi ro, đặc biệt là những rủi ro ở mức độ cao bao gồm việc xem lại toàn bộ kế hoạch kinh doanh, tổ chức sản xuất kinh doanh ngay cả trong kịch bản xấu nhất trong dịch Covid-19; tích cực làm việc các cơ quan Nhà nước, ngân hàng, đối tác… để được áp dụng sớm nhất các chính sách ưu đãi cụ thể về lãi vay, hỗ trợ, đảm bảo dòng tiền và hoạt động liên tục của công ty.

- Tăng cường rà soát các dự án đã đầu tư và quản lý hoạt động tại các đơn vị, quản lý tối ưu chi phí, hoàn thiện quy trình chuẩn và áp dụng các chương trình cải tiến sản xuất, phát triển kinh doanh;

- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp và môi trường làm việc tích cực, hiện đại, quyết liệt, tăng cường đào tạo phát triển nhân sự để xây dựng nguồn nhân lực chuyên nghiệp, vững mạnh, đáp ứng nhu cầu phát triển lâu dài của công ty.

- Đối với ngành nước, tập trung vào các hoạt động phát triển, nâng cao giá trị và tạo sự khác biệt cho công ty trong dài hạn gồm (i) cải thiện hiệu quả hoạt động của các đơn vị bằng công nghệ thông tin, quy chuẩn vận hành, văn hóa doanh nghiệp…; (ii) tối ưu hóa các tài sản đã đầu tư qua các hoạt động M&A; (iii) nghiên cứu phát triển các dự án mới trên cơ sở chi phí hợp lý, hiệu quả và góp phần giải quyết các vấn đề cấp bách về nguồn nước tại Việt Nam dưới ảnh hưởng của hạn hán, xâm nhập mặn.

- Đối với ngành nhựa, (i) mảng ống nhựa hạ tầng, dân dụng và phụ kiện tập trung phát triển hệ sinh thái ngành nước với nguồn lực và mạng lưới sẵn có; khai thác tối ưu các tài sản đã đầu tư như các nhà máy sản xuất bao bì, phụ kiện; (ii) nhựa công nghiệp tăng cường khai thác các tài sản giá trị cao, hướng đến tập khách hàng có giá trị cao; (iii) nhựa gia dụng tiếp thục phát triển thương hiệu cao cấp Inochi, hoàn chỉnh kênh phân phối đa kênh gồm kênh truyền thống, hiện đại, trực tuyến, xuất khẩu...

06.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG:

Cổ phiếu của CTCP Nhựa Đồng Nai (DNP Corp) được niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán DNP.

Đến ngày 31/12/2019, vốn điều lệ của DNP là 1.000.085.350.000 đồng được chia thành 100.008.535 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng. Công ty không phát hành các loại cổ phần khác ngoài cổ phần phổ thông.

	31/12/2019	31/12/2018
Tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành	99.999.725	99.999.725
Tổng số lượng cổ phiếu quỹ	8.810	8.810
Tổng số lượng cổ phiếu	100.008.535	100.008.535

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG TẠI NGÀY 21/03/2019

	Số lượng CP nắm giữ	% sở hữu
CỔ ĐÔNG NHÀ NƯỚC	0	0
1. TRONG NƯỚC	**98.434.133**	**98,43%**
a. Cá nhân	57.751.336	57,75%
b. Tổ chức	40.682.797	40,68%
2. NƯỚC NGOÀI	**1.565.592**	**1,57%**
a. Cá nhân	1.446.009	1,45%
b. Tổ chức	119.583	0,12%
3. CỔ PHIẾU QUỸ	**8.810**	0,01%
TỔNG SỐ LƯỢNG CP NIÊM YẾT	**100.008.535**	100%

SỞ HỮU CỦA BAN LÃNH ĐẠO	Số lượng CP nắm giữ	% sở hữu	Chức vụ
Ông Vũ Đình Độ	10.562.620	10,56%	Chủ tịch HĐQT
Ông Ngô Đức Vũ	521.036	0,52%	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Văn Hiếu	485,376	0.49%	TGĐ/Thành viên HĐQT
Bà Phan Thị Thu Thảo	188.394	0,19%	PTGĐ/Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Thế Minh	382.290	0,38%	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Hữu Chuyền	682.004	0,68%	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Thái Sơn	24.918	0,02%	Kế toán trưởng
TỔNG	**12.847.638**	**12.85%**	

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Họ và tên	Chức vụ	Ngày được bổ nhiệm
Ông Vũ Đình Độ	Chủ tịch	08/04/2017
Ông Ngô Đức Vũ	Phó Chủ tịch	08/04/2017
Ông Nguyễn Văn Hiếu	Thành viên	08/04/2017
Bà Phan Thị Thu Thảo	Thành viên	08/04/2017
Ông Brandon Marc Courban	Thành viên	05/05/2019
Ông Lê Văn Minh	Thành viên	05/05/2019
Ông Hồ Anh Dũng	Thành viên	05/05/2019

DANH SÁCH TIỂU BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Họ và tên	Chức vụ	Ngày được bổ nhiệm
Ông Lê Văn Minh	Trưởng Tiểu ban	05/05/2019
Ông Hồ Anh Dũng	Thành viên	05/05/2019
Ông Brandon Marc Courban	Thành viên	05/05/2019
Bà Nguyễn Thị Phương Thành	Thành viên	15/10/2019

THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT NĂM 2019

Tổng thù lao thực chi trong năm 2019:	**120.000.000 VNĐ**

DNP® | water
Long An
BỂ CHỨA

07.

NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

www.dnpcorp.vn | The Annual Report 2019

ÔNG VŨ ĐÌNH ĐỘ

Chủ tịch HĐQT DNP Corp

Ông Độ có kiến thức và kinh nghiệm sâu rộng trong các lĩnh vực đầu tư, vận hành và quản trị doanh nghiệp, tài chính doanh nghiệp, kế toán - kiểm toán. Trước đây, ông có gần 3 năm làm kiểm toán viên tại KPMG Việt Nam và 1 năm làm việc tại KPMG Singapore. Từ năm 2007 đến năm 2011, ông trải qua các vị trí cấp cao về phân tích, đầu tư, thị trường vốn, M&A và công cụ phái sinh tại CTCP Chứng khoán Sài Gòn, CTCP Chứng khoán VNDirect và CTCP Chứng khoán Maritime Bank.

Ông gia nhập DNP từ năm 2012 với vai trò Giám đốc điều hành (COO) và trở thành Tổng Giám đốc và Chủ tịch HĐQT từ 2014.

ÔNG NGÔ ĐỨC VŨ

Phó Chủ tịch HĐQT DNP Corp

Ông Vũ có bằng Thạc sỹ Quản trị Tài chính Trường Quản lý Châu u ESCPEAP (Pháp) và Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh Viện Công nghệ Châu Á, Thái Lan. Trước đây, ông từng là Giám đốc đầu tư CPCP Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam, Tổng Giám đốc CTCP Chứng khoán Sao Việt, Chủ tịch CTCP Nhựa Đồng Nai Miền Trung, TGĐ CTCP Nhựa Đồng Nai. Năm 2017, ông được bầu làm Phó Chủ tịch HĐQT DNP Corp.

ÔNG HỒ VIỆT HÀ

Phó Chủ tịch HĐQT DNP Water

Ông Hồ Việt Hà đã có hơn 14 năm đảm nhiệm chức vụ Giám đốc điều hành cấp cao của Công ty Kiểm toán KPMG (một trong 4 công ty kiểm toán hàng đầu thế giới). Tại KPMG, ông Hà chịu trách nhiệm quản lý và phát triển toàn bộ mảng kiểm toán, tư vấn tài chính, tư vấn cấu trúc và vận hành, quản trị rủi ro cho các tập đoàn tài chính và ngân hàng lớn của thế giới và Việt Nam. Ngoài ra, ông Hà còn có hơn 10 năm là giám đốc điều hành cấp Tập đoàn và thành viên HĐQT của Thiên Minh Group. Bằng khả năng lãnh đạo xuất sắc, ông Hà đã xây dựng Thiên Minh thành một Tập đoàn dịch vụ du lịch/ khách sạn lớn và uy tín của Việt Nam, hiện diện tại 20 quốc gia với giá trị vốn hoá tăng gấp 15 lần và huy động vốn thành công từ IFC - công ty tài chính thuộc Nhóm Ngân hàng thế giới. Với bề dầy kinh nghiệm và thành công trong vai trò quản lý, lãnh đạo tại các đơn vị lớn, năm 2020, ông Hà được bầu làm Phó Chủ tịch HĐQT DNP Water.

ÔNG NGUYỄN VĂN HIẾU

Thành viên HĐQT DNP Corp, Tổng Giám đốc CTCP Nhựa Đồng Nai

Ông Hiếu tốt nghiệp Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội năm 2004, có 3 năm kinh nghiệm làm kiểm toán viên tại Công ty kiểm toán viên tại Công ty kiểm toán quốc tế và 5 năm làm Giám đốc tài chính cấp tập đoàn tại T&C Holding (quy mô doanh thu 2.500 tỷ, vốn điều lệ 500 tỷ, thành viên sáng lập hãng hàng không VietjetAir).

Ông gia nhập DNP từ năm 2012, đảm nhận các vị trí quan trọng trong quá trình tái cấu trúc của DNP Corp như Giám đốc kinh doanh (2013), Phó Tổng Giám đốc điều hành (2015). Năm 2017, ông được bầu vào HĐQT DNP Corp và giữ vai trò Tổng Giám đốc CTCP Nhựa Đồng Nai.

BÀ PHAN THỊ THU THẢO

Thành viên HĐQT,
Phó Tổng Giám đốc DNP Corp

Với hơn 12 năm kinh nghiệm làm việc đầu tư và kiểm toán tại Công ty VietFund Management và KPMG Viet Nam, bà có hiểu biết sâu rộng trong các lĩnh vực xây dựng chiến lược đầu tư, quản lý đầu tư, phân tích dự báo về thị trường, tài chính, và các ngành cơ bản của nền kinh tế Việt Nam để đưa ra kế hoạch và triển khai đầu tư hiệu quả.

Năm 2016, bà gia nhập DNP Corp với chức vụ Giám đốc Đầu tư, phụ trách quản trị đầu tư và giám sát hiệu quả chung của DNP Corp và các đơn vị thành viên, thiết lập và xây dựng tổ chức văn phòng HĐQT trong quá trình cấu trúc DNP Corp theo mô hình công ty đầu tư (investment holding). Năm 2017, bà được bầu vào HĐQT DNP Corp và giữ vai trò Phó Tổng giám đốc DNP Corp.

ÔNG HỒ ANH DŨNG

Thành viên HĐQT

Ông Dũng có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính chứng khoán với hơn 10 năm làm việc tại các đơn vị như Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn, Công ty Cổ phần Tập đoàn FPT, Công ty Cổ phần Chứng khoán MBS. Về chuyên môn, ông tốt nghiệp cử nhân ngành Tài chính Doanh nghiệp tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân và hoàn thành chương trình thạc sỹ Quản trị Kinh doanh tại trường Đại học Quốc gia Hà Nội. Hiện nay ngoài vị trí thành viên HĐQT CTCP Nhựa Đồng Nai (tham gia từ tháng 5/2019), ông còn là Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành, đồng thời là thành viên HĐQT CTCP SAM HOLDINGS

ÔNG BRANDON MARC COURBAN

Thành viên HĐQT

Ông Brandon có bằng Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh trường Đại học Kinh doanh Hertfordshire. Với hơn 20 năm trong ngành tài chính, trải qua nhiều vị trí cấp cao, trước đây, ông đã từng giữ chức vụ giám đốc các quỹ đầu tư có quy mô khu vực và toàn cầu như Sindicatum, Amrstrong Asset Management Pte, Atrium Asia Investment, Macquire Group. Hiện tại, ông Brandon đang là Tổng Giám đốc Quỹ đầu tư Olympus Capital Asia đặt trụ sở tại Singapore. Tháng 5/2019, ông được bầu làm Thành viên Hội đồng Quản trị DNP Corp.

ÔNG LÊ VĂN MINH

Thành viên HĐQT

Ông Minh tốt nghiệp Đại học Luật (ngành kinh tế luật) và Đại học Kinh tế (ngành kế toán và quản trị kinh doanh - ngoại thương). Với hơn 20 năm hoạt động trong lĩnh vực tài chính, kế toán – kiểm toán, quản trị doanh nghiệp, ông đã từng đảm nhiệm chức vụ Giám đốc Tài chính tại Công ty CP Tập đoàn Khải Toàn, Thời Trang Việt, TNHH Yujin Vina, TNHH Masterbatch Việt Nam, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần ECI Sài Gòn và Giám đốc Tài chính Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành. Hiện nay ngoài vị trí thành viên HĐQT CTCP Nhựa Đồng Nai (tham gia từ tháng 5/2019), ông còn là Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành

ÔNG LÊ TUẤN
Tổng Giám đốc DNP Water

Ông Tuấn tốt nghiệp trường Đại học Bucknell, Pennsylvania, USA. Trước khi gia nhập DNP Water, ông có hơn 10 năm kinh nghiệm đầu tư và quản lý đầu tư trong lĩnh vực hàng tiêu dùng, hạ tầng và bất động sản ở các quỹ đầu tư và định chế tài chính trong và ngoài nước như Mekong Capital, Macquarie Group (Mỹ) và Tập đoàn T&T.

Ông gia nhập DNP Water năm 2017 với vai trò Giám đốc đầu tư, phụ trách các hoạt động đầu tư của công ty. Năm 2018, ông được bổ nhiệm Tổng Giám đốc DNP Water phụ trách điều hành công ty.

ÔNG NGÔ THÀNH CHUNG
Phó Tổng Giám đốc DNP Water

Tốt nghiệp thạc sỹ Đại học Queensland – Úc, ông Chung có kiến thức và kinh nghiệm sâu rộng trong các ngành Quản trị, Tài chính, Luật. Ông đã tham gia quản trị các dự án đầu tư lớn như dự án bất động sản Sài Đồng – Hà Nội, Khu đô thị Mê linh 204 ha, Khu đô thị Nghi Sơn - Thanh Hoá 31 ha, nâng cấp tổng kho Đình Vũ...

Trước khi gia nhập DNP Corp, ông đã đảm nhiệm các vị trí Phó tổng giám đốc phụ trách đầu tư và tài chính CTCP Địa ốc Đất Xanh Miền Bắc, Tổng giám đốc CTCP Vận tải biển và Bất động sản Việt Hải, Chủ tịch HĐTV Công ty TNHH Dầu Khí Việt Hải, Tổng Giám đốc CTCP đầu tư Sóng Xanh, PGĐ đầu tư CTCP quản lý quỹ đầu tư Sài Gòn – Hà Nội...
Năm 2017, ông chung là Giám đốc phát triển dự án của DNP Water. Năm 2018, ông được bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc công ty, phụ trách vận hành và thực hiện dự án.

ÔNG NGUYỄN DANH HIẾU
Giám đốc Công nghệ thông tin DNP Corp

Ông Hiếu có nhiều năm kinh nghiệm trong việc triển khai xây dựng kiến trúc, nền tảng phần mềm, hiện đại hóa hạ tầng Công nghệ thông tin tại các đơn vị FPT Trading, CTCP Thông tin Hapro, FPT Software...

Gia nhập DNP Corp, vai trò của ông là tổ chức xây dựng hệ thống công nghệ thông tin trong quản trị, trong đó có hệ thống SCADA để theo dõi hiệu quả vận hành các nhà máy nước, áp dụng và phát triển các ứng dụng trên máy tính/điện thoại trong việc phát triển thị trường mới và quản trị tập trung, tăng tính tự động hóa trong xử lý dữ liệu và vận hành.

ÔNG LÊ THẾ MINH
Phó Tổng Giám đốc DNP Corp

Ông Minh là một chuyên gia dày dạn kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính chứng khoán. Ông từng đảm nhiệm các vị trí Tổng Giám đốc CTCP Chứng khoán Việt Tín, CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội, CTCP Chứng khoán Hải Phòng, CTCP Chứng khoán Maritime Bank, và Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Chứng khoán SHB.

Tháng 8/2018, ông Minh gia nhập DNP Corp với tư cách là Trưởng Ban cố vấn cấp cao, và sau đó được bổ nhiệm Phó TGĐ DNP Corp vào tháng 2/2019.

ÔNG HOÀNG ANH TUẤN
Tổng Giám đốc CTCP Nhựa Tân Phú

Ông Hoàng Anh Tuấn có bằng thạc sỹ Quản lý kinh tế - Đại học Kinh tế Quốc dân, và đã gia nhập DNP Corp từ năm 2012, đảm nhiệm nhiều vị trí trong công tác kinh doanh, vận hành tại CTCP Nhựa Đồng Nai trước khi được bổ nhiệm Kế toán trưởng năm 2015 và kiêm thêm chức vụ Giám đốc vận hành năm 2017. Tháng 11/2018, ông được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc điều hành CTCP Nhựa Tân Phú. Đến tháng 2/2019, ông được Đại hội đồng cổ đông CTCP Nhựa Tân Phú bầu làm Thành viên HĐQT, đồng thời HĐQT bổ nhiệm ông Tuấn chức vụ Tổng Giám đốc điều hành công ty.

Ông TRẦN HỮU CHUYỀN
Phó Tổng Giám đốc CTCP Nhựa Đồng Nai

Ông Chuyền đã làm việc cho DNP hơn 30 năm, có kinh nghiệm chuyên sâu về ngành nhựa. Ông từng giữ chức vụ Phó Giám đốc xí nghiệp, Tổng Giám đốc Nhựa Đồng Nai. Hiện tại, ông giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc phụ trách khối kỹ thuật và sản xuất của CTCP Nhựa Đồng Nai.

Ông VŨ QUỐC TOÀN
Phó Tổng Giám đốc Nhựa Tân Phú

Ông Vũ Quốc Toàn tốt nghiệp Kỹ sư chuyên ngành Máy tính - Đại học Bách Khoa TPHCM. Ông bắt đầu công tác tại CTCP Nhựa Đồng Nai từ năm 2008 với vị trí Trưởng phòng Công nghệ thông tin, sau đó là các vị trí Trưởng phòng Hành chính Nhân sự, Giám đốc Vật tư. Với kinh nghiệm và hiểu biết sâu rộng về ngành và công ty, cùng với kỹ năng quản lý, áp dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của doanh nghiệp, tháng 2/2019, ông Toàn được HĐQT bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc điều hành CTCP Nhựa Tân Phú.

Ông NGÔ ĐỨC TRUNG
Phó Tổng Giám đốc CTCP Nhựa Tân Phú

Ông Ngô Đức Trung tốt nghiệp chuyên ngành kỹ sư cơ khí Đại học Bách khoa Hà Nội. Ông công tác tại Nhựa Tân Phú từ năm 1993 và trải qua các vị trí công tác: Kỹ sư cơ khí, Trưởng ngành cơ điện, Quản đốc xưởng cơ điện, Phó Giám đốc năm 2003, Quyền Giám đốc năm 2004, giữ chức vụ Thành viên HĐQT – Giám đốc Nhựa Tân Phú năm 2005 khi công ty thực hiện cổ phần hóa và chức vụ Tổng Giám đốc – thành viên HĐQT từ tháng 8/2008.

Từ năm 2015, ông Trung giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Nhựa Tân Phú, chịu trách nhiệm chính về mảng kỹ thuật, sản xuất, chất lượng và khuôn mẫu của công ty.

08.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

DNP
www.dnpcorp.vn | The Annual Report 2019

DNP Corp xác định nhân sự là động lực của tăng trưởng và phát triển, tạo nên sự khác biệt và sức cạnh tranh, nền tảng xây dựng doanh nghiệp trường tồn. Chiến lược phát triển nguồn nhân lực của công ty cụ thể như sau:

Lương thưởng cạnh tranh:

Mức lương, thưởng tương đương với doanh nghiệp ở Singapore cùng quy mô. Bên cạnh đó còn có ESOP (Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn) để ghi nhận sự và khuyến khích sự cống hiến, dấn thân, gắn bó bền vững với DNP Corp.

Cơ hội thăng tiến:

Chính sách thăng tiến cởi mở, ưu tiên CBNV nội bộ công ty nếu CBNV có năng lực và đủ trình độ, dựa trên nguyên tắc đánh giá khách quan, bình đẳng để CBNV có điều kiện phát huy tối đa năng lực chuyên môn và khả năng quản lý, lãnh đạo của bản thân tại các vị trí phù hợp.

Văn hóa doanh nghiệp:

Môi trường làm việc hiện đại, thân thiện, khuyến khích sự cởi mở giao lưu, trao đổi giữa các đơn vị, cá nhân, gắn kết, hỗ trợ các thành viên và tạo thành một tập thể đoàn kết, năng động, tôn trọng mỗi cá nhân và hướng đến mục tiêu chung.

Phúc lợi ổn định:

Nhằm mục đích bảo vệ an toàn, sức khỏe của cán bộ nhân viên, không chỉ chăm lo cho người lao động mà còn mở rộng, chia sẻ đến gia đình họ. Công ty tuân thủ các quy định về an toàn lao động, mua bổ sung bảo hiểm thân thể cho cán bộ công nhân viên ngoài các bảo hiểm bắt buộc, có chương trình bảo hiểm sức khỏe cho cán bộ nhân viên theo phân cấp chức vụ, tổ chức định kỳ các hoạt động văn hóa, thể thao, nghỉ mát.., trợ cấp cho CBNV có hoàn cảnh khó khăn…

Chú trọng đào tạo:

Dành ngân sách đáng kể hằng năm cho công tác đào tạo phát triển nhân lực bao gồm cả công tác đào tạo nội bộ cũng như tham gia các khóa an toàn lao động và sức khỏe nhân viên bên ngoài, tạo điều kiện cho nhân viên phát triển năng lực chuyên môn, đồng thời góp phần tăng hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực của công ty.

09.

CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. DNP VỚI MÔI TRƯỜNG 94

2. DNP VỚI CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI 96

1. DNP VỚI MÔI TRƯỜNG

DNP Corp là đơn vị hoạt động trong 2 lĩnh vực chính là sản xuất các sản phẩm nhựa và xử lý, cung cấp nước sạch cho người dân. Với định hướng và chính sách phát triển bền vững, trong quá trình hoạt động của mình DNP Corp luôn chú trọng đến các công tác bảo vệ môi trường, an toàn lao động, đảm bảo chế độ lao động & tiền lương, chính sách bảo vệ người lao động, phúc lợi xã hội; đóng góp tích cực vào việc xây dựng và phát triển cộng đồng. Để đánh dấu các nỗ lực này, sau các quá trình đánh giá chặt chẽ các nội dung về Môi trường, Sức khỏe, An toàn & Xã hội (EHS) từ phía các tổ chức tài chính lớn trên thế giới gồm Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC) và Asian Environmental Partners (AEP), đến nay DNP Corp hiện đang song song hợp tác chặt chẽ với hai tổ chức này trong quá trình hoạt động của mình. Theo đó, ngoài việc tuân thủ theo các quy định về EHS do Việt Nam đưa ra, DNP Corp còn được yêu cầu tuân thủ chặt chẽ các quy định quốc tế theo các Hợp đồng Tài chính đã ký kết với IFC và AEP như: Tiêu chuẩn Thực hiện về Môi trường, Sức Khỏe và An toàn của IFC (IFC Performance Standards); các Hướng dẫn về Môi trường, Sức khỏe & An toàn của Ngân hàng Thế giới (WB EHS Guidelines); Chính sách An toàn của Ngân hàng Phát triển Á Châu (ADB Safeguard Policy Statement).

Để đảm bảo cho việc quản lý hiệu quả và thực hiện tốt các quy định EHS cho toàn hệ thống, hiện DNP Corp đã phối hợp với IFC, AEP xây dựng và ban hành cho toàn bộ các đơn vị trực thuộc tài liệu Hệ thống Quản lý Môi trường & Xã hội (ESMS), Hệ thống Quản lý Vận hành (OMS, cho ngành nước) đáp ứng các quy định của Việt Nam và Quốc tế để làm cơ sở cho quá trình hoạt động của mình; tuyển dụng 01 nhân sự chuyên trách thực hiện các công tác EHS từ năm 2018; bố trí ít nhất 01 cán bộ phụ trách EHS tại mỗi đơn vị thành viên. Do vậy, đến năm 2019, công tác EHS của DNP Corp nói chung và các đơn vị trực thuộc DNP Corp nói riêng đã có những chuyển biến tích cực, ngày càng đáp ứng tốt các quy định của Việt Nam và các tổ chức Quốc tế.

Công tác bảo vệ môi trường

- 100% các đơn vị thành viên đều có các Đánh giá tác động môi trường được cơ quan chức năng địa phương phê duyệt trước khi xây dựng nhà máy hoặc mở rộng, nâng công suất. Các đơn vị đều tuân thủ nghiêm túc công tác giám sát chất lượng môi trường tự nhiên, môi trường lao động với tần suất giám sát 02 – 04 lần/năm và báo cáo cho cơ quan chức năng địa phương;
- 100% các đơn vị thành viên thực hiện tốt công tác thu gom và xử lý chất thải rắn. Bố trí đầy đủ các kho chứa chất thải thông thường, chất thải nguy hại theo đúng quy định. Ký hợp đồng thu gom, xử lý rác với các đơn vị chức năng;
- 100% phế liệu/phế phẩm từ quá trình sản xuất được tái chế, tái sử dụng (ngành nhựa);
- Không thải nước sản xuất ra môi trường (quay vòng 100% nước làm mát (ngành nhựa) và tái xử lý 100% nước thải sản xuất thành nước cấp (ngành nước))
- 100% các đơn vị sản xuất đều đã được trang bị đầy đủ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt đạt tiêu chuẩn QCVN 14:2008 – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt trước khi thải vào hệ thống thoát nước của khu vực hoặc môi trường;
- Tăng cường sử dụng nguồn năng lượng xanh bằng việc sử dụng tối đa nguồn điện từ năng lượng mặt trời tại nhà máy nước Bình Hiệp và định hướng mở rộng ra các đơn vị khác của DNP Corp.
- Do các nỗ lực và chính sách nhất quán về công tác Bảo vệ môi trường trong toàn hệ thống của DNP, đến nay, chưa có đơn vị nào của DNP bị xử phạt vì vi phạm hành chính trong lĩnh vực này cũng như có các phản đối, đơn thư, khiếu nại từ các cộng đồng dân cư địa phương.

Về công tác an toàn lao động:

- Hàng năm tất cả các đơn vị phối hợp với các đơn vị chức năng tiến hành đào tạo và diễn tập về an toàn lao động, PCCC cho CBCNV. Các đơn vị cũng tự đào tạo cho các công nhân mới vào làm;
- Công tác giám sát ATLĐ luôn được các đơn vị quan tâm và thực hiện. Các đơn vị cấp phát đầy đủ trang thiết bị bảo hộ lao động cho người lao động của đơn vị mình;
- Năm 2019, đơn vị DNP Đồng Nai, TPP Tân Phú Hồ Chí Minh, Long An, Bắc Ninh đã tiến hành cải tạo hệ thống, bổ sung các trang thiết bị PCCC theo yêu cầu của cơ quan chức năng, đảo bảo an toàn phòng chống cháy, nổ theo quy định.

2. DNP VỚI CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI

DNP tin tưởng rằng, tất cả các cá thể bao gồm doanh nghiệp đều nằm trong sự vận động phát triển chung của xã hội. Từ niềm tin này, DNP coi đóng góp cho cộng đồng, chung tay thúc đẩy phát triển xã hội văn minh, tiến bộ là trách nhiệm và là giá trị cơ bản của sự tồn tại.
Hàng năm DNP đều dành sự quan tâm và nguồn lực không nhỏ cho các hoạt động thiện nguyện và các dự án phi lợi nhuận nhằm nâng cao chất lượng sống, cải thiện giáo dục và hỗ trợ cộng đồng phát triển bền vững. Tiếp nối các hoạt động vì cộng đồng và xã hội đã thực hiện năm qua, năm 2019 tiếp tục là năm bước ngoặt mang đậm dấu ấn của DNP khi nhiều dự án vì cộng đồng mới dài hơi và đầu tư hơn được triển khai và đi vào hoạt động.

TRIỂN KHAI LẮP ĐẶT TRỤ NƯỚC SẠCH TẠI VÒI Ở CÁC THÀNH PHỐ LỚN TRÊN CẢ NƯỚC

Cuối tháng 1/2019, những trụ nước sạch uống tại vòi đầu tiên đã được Công ty CP Nước sạch số 3 Hà Nội lắp đặt trên địa bàn quận Hoàn Kiếm, thu hút sự quan tâm sâu sắc của dư luận và cải thiện cảnh quan đô thị tại phố cổ, mang đến tiện ích văn minh mới cho người dân trên địa bàn.
Để đảm bảo chất lượng nước đạt tiêu chuẩn của nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai theo quy định của Bộ Y tế phục vụ cho người dân và du khách, DNP đã sử dụng công nghệ lọc hiện đại nhất, có đèn báo và tự ngắt nước khi đến giai đoạn cần thay lõi lọc. Các mẫu thử cũng đồng thời được lấy liên tục để kiểm nghiệm tại các Trung tâm Kiểm soát bệnh tật nhằm bảo đảm tính ổn định của chất lượng nước. Tuy chỉ chiếm diện tích khiêm tốn trên những tuyến phố, nhưng những trụ uống nước sạch tại vòi đã và đang thể hiện rõ sự hữu ích và đáp ứng nhu cầu cần thiết của người dân và du khách.
Hiện dự án lắp đặt trụ nước sạch tại vòi đang được triển khai nhân rộng tại các thành phố lớn khác như: Phan Thiết, Long An, Cần Thơ, HCM… với mục đích tạo ra nét văn minh mới cho người dân đô thị, phục vụ nhu cầu nước sạch cho người dân trên địa bàn và du khách tham quan. Đồng thời quảng bá hình ảnh thương hiệu DNP, nâng cao hình ảnh du lịch Việt Nam trong mắt bạn bè bốn phương.

TRIỂN KHAI DỰ ÁN "PHUC HỒI SINH KẾ, HỖ TRỢ CÁC HỘ DÂN TẠI BẮC GIANG VÀ LONG AN"

Nhằm hỗ trợ người dân bị thu hồi một phần hoặc toàn bộ đất nông nghiệp phục vụ dự án xây dựng Nhà máy nước Bắc Giang và Nhà máy nước Nhị Thành, năm 2019 DNP Water đã thực hiện các hoạt động hỗ trợ phi tài chính và triển khai kế hoạch Phục hồi sinh kế giúp bà con thuộc 2 địa bàn trên nhanh chóng ổn định cuộc sống, phát triển kinh tế. Tổng ngân sách thực hiện dự án lên đến gần 400 triệu đồng.

Để hỗ trợ phục vụ cho sản xuất, DNP đã thực hiện các biện pháp: Cung cấp vốn cho các hoạt động sản xuất nông nghiệp và phi nông nghiệp bằng cách thiết lập Qũy tiết kiệm và Tín dụng cho thôn Càn, Phú Lợi (xã Hương Sơn – Lạng Giang – Bắc Giang) và Ấp 7 (xã Nhị Thành – Thủ Thành – Long An); Phục hồi sản xuất lúa gạo bằng cách cung cấp vật tư nông nghiệp (thóc giống và phân bón) cho các hộ bị ảnh hưởng; Cung cấp vật tư nông nghiệp để xây dựng các mô hình sản xuất thay thế như mô hình nuôi gà đồi và mô hình sản xuất rau an toàn theo định hướng thị trường; Nâng cấp cơ sở hạ tầng để đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, xây cầu nhỏ dẫn ra ruộng tại Ấp 7 xã Nhị Thành.

Đồng thời, DNP còn thực hiện các biện pháp hỗ trợ liên quan đến việc làm như: Phối hợp với Phòng LĐ & TBXH huyện và các cơ quan chức năng khác tổ chức các sự kiện giới thiệu việc làm, tập huấn kỹ năng chuẩn bị hồ sơ xin việc, tìm việc và phỏng vấn,…; Ưu tiên tuyển dụng người dân địa phương vào các vị trí phù hợp với trình độ và năng lực làm việc của họ tại DNP Water….Ngoài ra, để hỗ trợ các hộ dân, DNP còn thực hiện trợ giá nước sạch, áp dụng mức giá ưu đãi cho các hộ dân bị ảnh hưởng trong 5 năm sau khi hoàn tất dự án. Dự kiến, dự án phục hồi sinh kế sẽ hoàn tất vào năm 2021 và phát triển thêm các hạng mục hỗ trợ khác trong quá trình triển khai.

PHÁT TRIỂN VÀ MỞ RỘNG DỰ ÁN "MIỀN CỔ TÍCH" – KÊNH GIẢI TRÍ, GIÁO DỤC LÀNH MẠNH, BỔ ÍCH CHO TRẺ NHỎ

Năm 2019 đánh dấu sức lan tỏa mạnh mẽ của "Miền Cổ Tích" – dự án vì cộng đồng, hướng đến đối tượng trẻ nhỏ của DNP Corp. Đây là dự án được khởi động từ tháng 8/2018, ra đời từ mong muốn dành sự quan tâm đặc biệt cho công tác giáo dục, phát triển tri thức của thế hệ trẻ - lứa "măng non" kiến tạo nên tương lai của đất nước của đội ngũ lãnh đạo DNP Corp.

Sau hơn một năm phát triển, hiện kênh Youtube Miền Cổ Tích đã thu hút gần 100.000 nghìn lượt subcriber, hình thành một cộng đồng fan trung thành, luôn yêu thích và hưởng ứng các sản phẩm được sản xuất bởi Miền Cổ Tích. Thông qua Miền Cổ Tích, DNP kỳ vọng sẽ góp phần định hướng nhận thức cũng như bồi đắp thêm cho tâm hồn trẻ nhỏ những kiến thức, giá trị nhân văn giữa thời buổi mạng xã hội tràn lan các video độc hại, vô bổ, thiếu tính giáo dục như hiện tại. "Cuộc sống luôn có phép nhiệm màu; người hiền lành, tử tế sẽ luôn có một kết thúc có hậu". Đây là thông điệp mà Miền Cổ Tích muốn gửi gắm đến lớp trẻ sau mỗi câu chuyện có nội dung về lòng hiếu thảo, thiện thắng ác, về cách sống nhân hậu hiền lành, không tham lam độc ác…

Trong thời gian tới, DNP sẽ mở rộng đề tài cho Miền Cổ Tích cũng như nghiên cứu sản xuất thêm các câu chuyện liên quan đến lịch sử và đạo đức để kênh thực sự trở thành một địa chỉ giáo dục – giải trí ý nghĩa cho trẻ em Việt Nam.

QŨY THIỆN NGUYỆN "VÌ TA CẦN NHAU" NGÀY CÀNG LỚN MẠNH

Năm 2019 tiếp tục đánh dấu một bước ngoặt trong các hoạt động thiện nguyện của DNP Corp. Sau hơn 1 năm hoạt động, qũy thiện nguyện "Vì ta cần nhau" ngày càng lớn mạnh và có nhiều hoạt động hỗ trợ thiết thực, ý nghĩa hơn, cũng như nhận được sự quan tâm, hưởng ứng của toàn thể các CBCNV trong toàn hệ thống.

Đã thành thông lệ, ngày 15 hàng tháng, mỗi CBCNV có trách nhiệm ủng hộ số tiền tương đương 1 bữa sáng (10.000 – 30.000 đồng hoặc nhiều hơn tùy điều kiện), công ty đóng góp gấp đôi tổng số tiền của CBCNV để xung quỹ. Đồng thời, tổ chức quyên góp quần áo, đồ dùng học tập, sách, truyện, đồ chơi trẻ em, đồ dùng gia dụng để phân loại mở gian hàng thiện nguyện ....Số tiền thu được từ hoạt động gây quỹ này sẽ dùng để hỗ trợ anh/chị/em là cán bộ, nhân viên của DNP có hoàn cảnh khó khăn hoặc tai biến, bệnh tật, thiếu may mắn trong cuộc sống,...

"Vì mỗi cá thể luôn không thể tách rời khỏi cộng đồng nên chúng ta thực sự cần nhau" - Từ tinh thần tương thân tương ái, lá lành đùm lá rách ấy, trong năm qua các hoạt động gây quỹ đã lan tỏa sâu rộng và ảnh hưởng ở khắp các đơn vị thành viên. Tới thời điểm hiện tại, Qũy "Vì ta cần nhau" không chỉ khơi gợi lòng nhân ái, khuyến khích mỗi cán bộ nhân viên biết quan tâm, chia sẻ, hướng tới cộng đồng mà còn tạo nguồn ngân sách ổn định để người DNP thực hiện các hoạt động thiện nguyện dài hơi, có chiều sâu, gia tăng đóng góp cho xã hội.

CÁC HOẠT ĐỘNG VÌ CỘNG ĐỒNG KHÁC

Không chỉ trực tiếp giúp đỡ người trong nội bộ, DNP Corp còn tích cực tổ chức các hoạt động thiện nguyện hướng đến cộng đồng, góp phần đem đến những giá trị tốt đẹp cho xã hội, như trao tặng 190 kệ sách Inochi với tổng giá trị 52 triệu đồng cho chương trình "Chắp cánh ước mơ cho trẻ em nghèo" tại tỉnh Bắc Giang. Tặng 35 tủ sách cùng nhiều hiện vật giá trị lên tới 150 triệu đồng cho học sinh xã Ngọc Lý, Tân Yên, Bắc Giang.

Ngoài đầu tư cho sự phát triển của trí tuệ măng non Việt Nam, DNP Corp còn tích cực đóng góp cho các quỹ thiện nguyện uy tín để trao yêu thương đến những hoàn cảnh khó khăn, thiếu thốn. Trong đó phải kể đến việc hỗ trợ số tiền lên đến 1 tỷ đồng cho Quỹ Vì người nghèo Việt Nam.

Mới đây, để giải cứu hàng chục nghìn diện tích đất sản xuất nông nghiệp chịu ảnh hưởng của hạn mặn, Nhà máy nước Nhị Thành (Công ty CP Đầu tư Hạ tầng nước DNP - Long An) đã phối hợp cùng UBND Tỉnh Long An triển khai công tác bơm nước cứu lúa vụ Đông Xuân 2019 – 2020 cho 2 huyện Thủ Thừa và Tân Trụ. Tính đến hết tháng 3/2020, Nhà máy nước Nhị Thành đã xả được khoảng 800.000 m3 nước thô bơm từ kênh Rạch Chanh, kịp thời cứu nguy cho hàng ngàn hecta lúa đang thời kỳ trổ đòng và vườn cây ăn trái, giúp tránh thiệt hại hàng chục tỉ đồng.

Không chỉ gặp hạn hán nặng nề, năm 2020, các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) còn chịu đợt xâm nhập mặn cao kỷ lục trong 100 năm trở lại đây. Nhằm hỗ trợ bà con các tỉnh Tiền Giang, Bến Tre ứng phó với hạn mặn khắc nghiệt, tháng 3/2020 vừa qua Nhựa Đồng Nai đã phối hợp cùng UBND các địa phương triển khai lắp đặt 3 máy khử mặn RO tại 3 điểm thiếu nước ngọt trầm trọng nhất. Việc lắp đặt 3 máy lọc nước khử mặn công suất lớn, trong đó có 2 máy đặt tại Thị trấn Gò Công và Tân Phú Đông - tỉnh Tiền Giang, 1 máy đặt tại tỉnh Bến Tre, đã nhanh chóng giải quyết tình trạng thiếu nước ngọt sinh hoạt cho hàng trăm nghìn hộ dân tại các địa phương trên.

Xuất phát từ ý thức về trách nhiệm xã hội của công ty, tập thể DNP Corp sẽ nỗ lực duy trì và phát triển các hoạt động xã hội, thiện nguyện trong năm 2020 để tiếp tục tạo ra những đóng góp ý nghĩa, thiết thực cho cộng đồng.

10.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2019

www.dnpcorp.vn | The Annual Report 2019 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần - số 3600662561 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2004, đã đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 15 tháng 05 năm 2019.

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh các sản phẩm ống nhựa, phụ kiện PPR, PVC, HDPE và các sản phẩm bao bì HDPE.

Trụ sở chính: Đường số 9, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ của Công ty là: 1.000.085.350.000 đồng (Một nghìn tỷ không trăm tám mươi lăm triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng).

2. Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Vũ Đình Độ	Chủ tịch HĐQT	
Ông Ngô Đức Vũ	Phó chủ tịch HĐQT	
Ông Nguyễn Văn Hiếu	Thành viên HĐQT	
Bà Phan Thị Thu Thảo	Thành viên HĐQT	
Ông Mai Thế Khôi	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 05 tháng 05 năm 2019
Ông Brandon Marc Courban	Thành viên HĐQT độc lập	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 05 năm 2019
Ông Lê Văn Minh	Thành viên HĐQT độc lập	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 05 năm 2019
Ông Hồ Anh Dũng	Thành viên HĐQT độc lập	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 05 năm 2019

Ban kiểm soát

Bà Trần Minh Trang	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 05 tháng 05 năm 2019
Bà Lương Thị Hương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 05 tháng 05 năm 2019
Bà Bùi Thị Tâm	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 05 tháng 05 năm 2019

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Hiếu	Tổng Giám đốc	
Ông Trần Hữu Chuyền	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Phan Thị Thu Thảo	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Thế Minh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 03 năm 2019

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Hiếu	Tổng Giám đốc

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và tình hình tài chính hợp nhất vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

4. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

5. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất .

6. Phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Hiếu
Tổng Giám đốc
Đồng Nai, ngày 08 tháng 04 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý cổ đông**
Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai, được lập ngày 08 tháng 04 năm 2020, từ trang 04 đến trang 60, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

LÊ VIẾT CƯỜNG
Phó Giám đốc

PHẠM TUẤN VŨ
Kiểm toán viên

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

	TÀI SẢN	Mã số	TM	31/12/2019 (VNĐ)	01/01/2019 (VNĐ)
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.388.905.753.802	2.361.096.687.094
I	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**110**	**5.1**	**234.654.430.136**	**853.483.562.746**
1.	Tiền	111		218.654.430.136	441.762.710.305
2.	Các khoản tương đương tiền	112		16.000.000.000	411.720.852.441
II	**Đầu tư tài chính ngắn hạn**	**120**	**5.2**	**708.368.466.793**	**261.050.497.300**
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	1.000.000.000
2.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		708.368.466.793	260.050.497.300
III	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**130**		**806.471.672.200**	**765.797.953.315**
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	665.016.236.849	525.420.617.122
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	117.979.203.104	234.929.632.426
3.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	3.810.000.000	4.376.000.000
4.	Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	79.919.172.871	44.594.580.306
5.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(60.252.940.624)	(43.522.876.539)
IV	**Hàng tồn kho**	**140**	**5.8**	**525.426.316.943**	**388.537.176.658**
1.	Hàng tồn kho	141		530.340.501.838	398.485.479.232
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.914.184.895)	(9.948.302.574)
V	**Tài sản ngắn hạn khác**	**150**		**113.984.867.730**	**92.227.497.075**
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.13	10.565.074.660	8.336.239.674
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152		101.845.691.272	82.627.453.511
3.	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.16	1.574.101.798	1.263.803.890
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.201.419.629.618	4.309.983.388.206
I	**Các khoản phải thu dài hạn**	**210**		**25.386.548.330**	**22.143.157.216**
1.	Phải thu dài hạn khác	216	5.6	25.386.548.330	22.143.157.216
II	**Tài sản cố định**	**220**		**2.615.856.138.947**	**2.142.511.635.087**
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	2.050.358.976.056	1.828.189.815.064
	- Nguyên giá	222		3.503.445.953.601	2.839.183.623.445
	- Giá trị hao mòn luỹ kế	223		(1.453.086.977.545)	(1.010.993.808.381)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.10	339.160.363.355	274.816.741.472
	- Nguyên giá	225		434.778.843.681	356.562.194.987
	- Giá trị hao mòn luỹ kế	226		(95.618.480.326)	(81.745.453.515)
3.	Tài sản cố định vô hình	227	5.11	226.336.799.536	39.505.078.551
	- Nguyên giá	228		235.217.066.848	46.268.645.668
	- Giá trị hao mòn luỹ kế	229		(8.880.267.312)	(6.763.567.117)
III/	**Bất động sản đầu tư**	**230**		**-**	**-**
	- Nguyên giá	231		**-**	**-**
	- Giá trị hao mòn luỹ kế	232		**-**	**-**
IV	**Tài sản dở dang dài hạn**			**1.450.592.856.781**	**1.020.285.807.115**
1.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.12	1.450.592.856.781	1.020.285.807.115
V	**Đầu tư tài chính dài hạn**	**250**	**5.2**	**725.719.171.548**	**734.968.656.218**
1.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		486.393.261.288	439.159.879.358
2.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		104.765.510.260	144.419.713.260
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		134.560.400.000	151.389.063.600
VI	**Tài sản dài hạn khác**	**260**		**383.864.914.012**	**390.074.132.570**
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	5.13	72.250.839.486	56.475.099.497
2.	Lợi thế thương mại	269	5.14	311.614.074.526	333.599.033.073
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**7.590.325.383.420**	**6.671.080.075.300**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

	NGUỒN VỐN	Mã số	TM	31/12/2019 (VNĐ)	01/01/2019 (VNĐ)
C/	NỢ PHẢI TRẢ	300		5.520.629.157.656	4.923.613.346.079
I/	**Nợ ngắn hạn**	**310**		2.220.331.611.012	1.825.173.805.577
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.15	212.398.026.033	167.341.992.919
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		71.867.772.220	4.632.404.475
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.16	22.308.401.405	7.421.085.084
4.	Phải trả người lao động	314		42.771.072.398	26.903.247.087
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17	68.183.604.235	41.966.405.912
6.	Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18	89.879.161.047	21.689.302.188
7.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.19	1.696.820.091.325	1.549.469.056.383
8.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		8.445.191.990	-
9.	Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		7.658.290.359	5.750.311.529
II/	**Nợ dài hạn**	**330**		**3.300.297.546.644**	**3.098.439.540.502**
1.	Phải trả dài hạn người bán	331	5.15	3.158.637.914	-
2.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		873.587.609	-
3.	Phải trả dài hạn khác	337	5.18	323.580.662.674	565.872.290.521
4.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.19	2.858.339.496.139	2.437.330.949.878
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		114.345.162.308	95.236.300.103
D/	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.069.696.225.764	1.747.466.729.221
I/	**Vốn chủ sở hữu**	**410**	**5.20**	**2.069.696.225.764**	**1.744.586.027.237**
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.000.085.350.000	1.000.085.350.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.000.085.350.000	1.000.085.350.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		68.800.023.336	68.841.394.826
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	414		19.881.878.888	12.757.228.445
4.	Cổ phiếu quỹ	415		(28.342.000)	(342.000)
5.	Quỹ đầu tư phát triển	418		16.947.943.391	7.191.466.010
6.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		54.054.204.545	52.335.206.029
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		32.873.563.923	37.521.104.509
	- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		21.180.640.622	14.814.101.520
7.	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		909.955.167.604	603.375.723.927
II/	**Nguồn kinh phí và quỹ khác**	**430**		**-**	**2.880.701.984**
1.	Nguồn kinh phí	431		-	930.943.542
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	1.949.758.442
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**440**		**7.590.325.383.420**	**6.671.080.075.300**

Nguyễn Văn Hiếu
Tổng Giám đốc

Trần Thái Sơn
Kế toán trưởng

Phạm Thị Thu Hằng
Người lập biểu

Đồng Nai, ngày 08 tháng 04 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

	CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2019 (VNĐ)	Năm 2018 (VNĐ)
1.	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**01**	**6.1**	2,824,703,383,376	2,188,193,632,934
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	25,593,116,058	7,371,561,222
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		2,799,110,267,318	2,180,822,071,712
4.	Giá vốn hàng bán	11	6.3	2,291,168,460,647	1,824,463,623,536
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		507,941,806,671	356,358,448,176
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	168,923,207,788	91,894,304,791
7.	Chi phí tài chính	22	6.5	266,755,219,433	202,358,425,312
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		243,954,441,499	185,332,963,882
8.	Lợi nhuận từ đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	24		9,337,265,591	17,366,699,485
9.	Chi phí bán hàng	25	6.6	162,007,811,615	96,146,414,372
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	215,826,332,744	148,453,141,502
11.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**	**30**		41,612,916,258	18,661,471,266
12.	Thu nhập khác	31	6.8	14,646,883,733	18,867,331,376
13.	Chi phí khác	32	6.9	16,580,767,331	22,348,320,558
14.	**Lợi nhuận khác**	**40**		(1,933,883,598)	(3,480,989,182)
15.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**	**50**		39,679,032,660	15,180,482,084
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	19,936,804,818	8,419,633,031
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.11	(7,355,076,676)	(5,485,430,585)
18.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**	**60**		27,097,304,518	12,246,279,638
19.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		21,123,533,994	15,149,756,799
20.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		5,973,770,524	(2,903,477,161)
21.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.12.1	211	214
22.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.12.2	211	214

Nguyễn Văn Hiếu
Tổng Giám đốc

Trần Thái Sơn
Kế toán trưởng

Phạm Thị Thu Hằng
Người lập biểu

Đồng Nai, ngày 08 tháng 04 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

	CHỈ TIÊU	TM	31/12/2019 (VNĐ)	01/01/2019 (VNĐ)
I	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh**			
1.	Lợi nhuận trước thuế	01	**39,679,032,660**	**15.180.482.084**
2.	Điều chỉnh cho các khoản			
-	Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	**252,940,767,963**	**208.659.206.651**
-	Các khoản dự phòng	03	19,910,877,699	10.728.579.618
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	25,313,471	203.532.103
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(111,762,357,856)	(62.839.684.459)
-	Chi phí lãi vay	06	243,954,441,499	185.332.963.882
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	**444,748,075,436**	**357.265.079.879**
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(110,623,405,482)	(195.754.343.900)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(125,817,353,207)	(60.969.426.845)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11 12	135,588,421,756	25.227.769.774
-	Tăng, giảm chi phí trả trước Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13 14	(7,266,711,371) 1,000,000,000	(5.494.175.539) 63.650.000.000
-	Tiền lãi vay đã trả	15	(185,952,130,066)	(150.306.375.928)
-	Thuế TNDN đã nộp	16	(9,031,832,937)	(12.299.121.331)
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3,256,132,557)	(642.085.501)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**	**139,388,931,572**	**20.677.320.609**
II	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư**			
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(514,317,788,386)	(891.193.276.992)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	82,225,197,922	70.756.282.741
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1,477,315,222,792)	(467.859.989.135)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	999,421,420,273	102.909.336.400
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(167,985,040,955)	(709.040.457.495)
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	192,945,665,000	
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	12,463,629,689	16.360.355.591
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	**(872,562,139,249)**	**(1.878.067.748.890)**

III	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính**			
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	55,240,530,000	689.736.710.350
2.	Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(28,000,000)	
3.	Tiền thu từ đi vay	33	4,192,238,687,800	4.851.090.618.422
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34	(4,003,111,659,510)	(3.026.526.435.838)
5.	Tiền trả nợ thuê tài chính	35	(123,278,417,936)	(99.289.239.304)
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(6,716,029,458)	(11.469.103.639)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**	**114,345,110,896**	**2.403.542.549.991**
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**	**(618,828,096,781)**	**546.152.121.710**
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**853,483,562,746**	**307.873.206.677**
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(1,035,829)	(541.765.641)
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	**234,654,430,136**	**853.483.562.746**

Nguyễn Văn Hiếu	Trần Thái Sơn	Phạm Thị Thu Hằng
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập biểu**

Đồng Nai, ngày 08 tháng 04 năm 2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai (sau đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 3600662561 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2004, đã đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 15 tháng 05 năm 2019.

Trụ sở chính: Đường số 9, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ của Công ty là: 1.000.085.350.000 đồng (Một nghìn tỷ không trăm năm mươi lăm triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng).

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty sản xuất và kinh doanh các sản phẩm ống nhựa, phụ kiện PPR, PVC, HDPE và các sản phẩm bao bì HDPE.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600662561 được sửa đổi lần thứ 20 ngày 15 tháng 05 năm 2019. lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Sản xuất ống nhựa, phụ kiện và các sản phẩm nhựa;
- Sản xuất diêm quẹt;
- Sản xuất sản phẩm may mặc xuất khẩu;
- Sản xuất vật liệu xây dựng công nghệ mới;
- Xây dựng nhà lắp ghép, xây dựng công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình điện; Xây dựng công trình thủy lợi;
- Bán buôn vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất của doanh nghiệp;
- Xây dựng công trình công nghiệp; Xây dựng công trình giao thông; Xây dựng công trình nước, cấp thoát nước; San lấp mặt bằng; Đại lý bưu điện./.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Trong năm 2019, Công ty con của Công ty – Công ty CP Đầu tư ngành nước DNP đã thực hiện mua chi phối Công ty Cổ phần Công trình đô thị Châu Thành là đơn vị cung cấp nước sạch và dịch vụ công ích trên địa bàn huyện Châu Thành tỉnh Long An. Theo đó, toàn bộ tài sản và nguồn vốn của Công ty Cổ phần Công trình đô thị Châu Thành được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 của Công ty CP Nhựa Đồng Nai tại thời điểm 01/01/2019.

Thông qua việc đảm bảo quyền biểu quyết đa số trong Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông trong năm 2019, Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai đã thực hiện hợp nhất bộ tài sản và nguồn vốn của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tây Ninh vào báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 của Công ty CP Nhựa Đồng Nai tại thời điểm 01/01/2019.

Vào ngày 1 tháng 7 năm 2019, Công ty Cổ phần Bình Hiệp, một công ty con của Công ty hoàn tất việc mua 79,92% cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư nước Bình An. Theo đó Công ty thực hiện hợp nhất báo cáo tài chính của Bình An từ ngày 1 tháng 7 năm 2019

Ngoài hoạt động nêu trên, không có hoạt động nào có ảnh hưởng đáng kể đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai

1.6 Cấu trúc Công ty

Các chi nhánh

Tên chi nhánh	*Địa chỉ*	*Hạch toán kế toán*
Chi nhánh Công ty CP Nhựa Đồng Nai tại Hà Nội	Tầng 23 – Tòa nhà Handico – Đường Phạm Hùng – Q. Nam Từ Liêm – Hà Nội	Hạch toán phụ thuộc

Các Công ty con sở hữu trực tiếp

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai Miền Trung	Lô 06 – KCN Điện Nam – Điện Ngọc – Quảng Nam	Sản xuất và kinh doanh ống nước	99,33%	99,33%
Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú	314 Lũy Bán Bích, Q. Tân Phú, Tp. HCM	Sản xuất & kinh doanh nhựa công nghiệp	51,01%	51,01%
Công ty Cổ phần Đầu tư ngành nước DNP	Tầng 4 – Tòa nhà Viettel – Lô 4A Hoàng Văn Thụ – P. Xương Giang – Tp. Bắc Giang.	Đầu tư vào các Công ty nước sạch	89,94%	89,94%

Các Công ty con sở hữu gián tiếp

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng nước DNP – Long An	Ấp 7 - Xã Nhị Thành – Huyện Thủ Thừa – Tỉnh Long An	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	66,1%	60,13%
Công ty Cổ phần Bình Hiệp	A25-26 KDC Kênh Đào, Tp. Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	89,30%	56,85%
Công ty Cổ phần Nhà máy Nước Đồng Tâm	Ấp Tân Thuận, Xã Bình Đức, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tiền Giang	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	52,50%	36,84%
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng nước DNP – Bắc Giang	Tầng 4 – Tòa nhà Viettel – Lô 4A Hoàng Văn Thụ - P. Xương Giang - Tp. Bắc Giang – T.Bắc Giang	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	89,887%	69,94%
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội	Số 80 – Đinh Công Tráng – Hoàn Kiếm – Hà Nội	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	86,36%	60,40%
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Thuận	Số 137 Lê Hồng Phong – Tp. Phan Thiết – Bình Thuận	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	57,26%	40,05%
Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Châu Thành	44/6D, khu phố 3, thị trấn Tầm Vu, huyện Châu Thành, tỉnh Long An	Sản xuất và kinh doanh nước sạch, Dịch vụ công ích	96,00%	67,19%

dnp www.dnpcorp.vn The Annual Report 2019

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tây Ninh	489 đường 30/4, khu phố 1, phường 1, TP Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	59,41%	39,21%
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng nước DNP – Tiền Giang	Số 1 – Đường Ngô Quyền – Tp Mỹ Tho – Tỉnh Tiền Giang	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	99,988%	89,92%
Công ty Cổ phần Đầu tư nước Bình An	M5, Tôn Đức Thắng, Phường Phú Thủy, Tp. Phan Thiết, Bình Thuận	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	88,83%	53,53%
Công ty Cổ phần DNP Dewaco	Số 25, phố Lý Thường Kiệt, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Kinh doanh vật tư ngành nước	50,00%	49,67%

Các Công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty CP Đầu tư xây dựng Cấp thoát nước Sơn Thạnh	58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	45,00%	45,00%
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An	250 Hùng Vương, Phường 04, Thành phố Tân An, Tỉnh Long An	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	37,15%	25,98%
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ	2A, đường Nguyễn Trãi, phường An Hòa, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	22,51%	16,76%
Công ty Cổ phần Cấp nước Cần Thơ 2	366C Cách Mạng Tháng Tám, P. Bùi Hữu Nghĩa, Q. Bình Thủy, Tp. Cần Thơ	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	48,74%	20,44%
Công ty Cổ phần Cấp nước Cà Mau	Số 204 Quang Trung, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	22,48%	15,72%
Công ty TNHH Cấp thoát nước Đại Dương Xanh	Số 137 Lê Hồng Phong, Tp. Phan Thiết, Bình Thuận	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	25%	10,01%
Công ty Cổ phần Nước và môi trường Đồng Hải	Số 137 Lê Hồng Phong, Tp. Phan Thiết, Bình Thuận	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	25%	10,01%
Công ty Cổ phần Cấp nước Quảng Ninh	81 Lý Thường Kiệt, tp Đồng Hới, tỉnh Quảng Ninh	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	25%	17,40%

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Đô thị Ninh Hòa	198 Đường 16/7, Phường Ninh Hiệp, Thị xã Ninh Hoà, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật đồng hồ đo nước	41,50%	29,03%
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào (*)	Đường số 9, bản Thật Xan, huyện Xã Phăn, tỉnh Savannakhet, Lào.	Sản xuất và kinh doanh nhựa các loại	43,42%	22,15%

(*) Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào là Công ty liên kết của Công ty CP Nhựa Tân Phú – Công ty con của Công ty. Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào đã ngừng hoạt động từ 31/12/2016 nhưng chưa thực hiện các thủ tục giải thể, phá sản.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VNĐ) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VNĐ.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư sửa đổi có liên quan.

Công ty thực hiện hợp nhất Báo cáo tài chính căn cứ hướng dẫn tại Thông tư số 202/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cùng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Các công ty con

Các công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

www.dnpcorp.vn
The Annual Report 2019

Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty con, Công ty liên kết được lập đến ngày 31/12/2019.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con sẽ được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Công ty mẹ trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại hoặc bất lợi thế thương mại. Lợi thế thương mại được phân bổ trong 10 năm (120 tháng). Bất lợi thế thương mại được ghi nhận một lần vào kết quả kinh doanh trong kỳ kế toán.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này giữa Công ty mẹ và Công ty con được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán niêm yết sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tài sản và công nợ của các Công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trên bảng cân đối kế toán theo phương pháp giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

www.dnpcorp.vn
The Annual Report 2019

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tháng và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 03 năm.

Chi phí khác

Chi phí khác là các khoản chi phí mua bảo hiểm xe ô tô, bảo hiểm tai nạn cho người lao động. Các khoản chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tương ứng đối với từng khoản chi phí.

4.8 Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

4.9 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

4.10 Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10
Máy móc và thiết bị	05 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05

4.11 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao như sau:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất (50 năm), quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.
- Quyền sử dụng đất giao không thời hạn không thực hiện trích khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

www.dnpcorp.vn
The Annual Report 2019

4.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.13 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:
Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Chi phí phải trả gồm các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.14 Trái phiếu thường

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ chi phí phát hành trái phiếu.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

4.15 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác của chủ sở hữu là các khoản vốn góp của chủ sở hữu tại các công ty bằng từ các nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, thặng dư vốn cổ phần và các nguồn quỹ khác.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

4.16 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và có thông báo chi trả cổ tức.

4.17 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc có thể thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.18 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

www.dnpcorp.vn
The Annual Report 2019

4.19 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, ngoài chi phí không được trừ cộng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

4.20 Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.21 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và bảo đảm tài chính được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

4.22 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Tiền mặt	2.961.789.584	1.790.111.318
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	215.692.000.552	439.984.588.988
Các khoản tương đương tiền	16.000.000.000	411.720.862.441
Cộng	**234.654.430.136**	**853.483.662.746**

www.dnpcorp.vn
The Annual Report 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI
Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

5.2.1 Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2019			01/01/2019		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá hợp lý VND
Công ty CP Xây dựng và Cấp thoát nước số 12	-	-	-	1.000.000.000	-	1.000.000.000
Cộng	-	-	-	1.000.000.000	-	1.000.000.000

5.2.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn	708.268.456.752	756.368.466.793	260.050.437.200	260.555.497.350
Tiền gửi có kỳ hạn	31.124.671.555	31.124.671.556	23.123.372.321	23.123.372.321
Các khoản đầu tư khác (1)	677.243.784.637	677.243.784.637	236.921.124.879	236.921.124.879
Dài hạn	134.560.400.000	134.560.400.000	151.389.063.600	151.389.063.555
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000
Trái phiếu	8.500.000.000	8.500.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
Các khoản đầu tư khác (1)	126.060.400.000	126.060.400.000	140.389.063.600	140.389.063.600
Cộng	842.828.856.752	842.828.866.793	411.439.500.800	411.439.500.900

(1) Các khoản đầu tư theo các hợp đồng với các đối tác tổ chức và cá nhân với mục đích đầu tư cổ phiếu của các công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh nước sạch và đầu tư vào các dự án xây dựng các nhà máy nước.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI
Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.2.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2019			01/01/2019		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá hợp lý VND
Đầu tư vào công ty liên kết	436.151.267.288	-	436.323.261.288	439.753.879.355	-	439.159.873.359
Công ty CP cấp nước Cần Thơ 2	142.216.963.257	-	142.216.933.067	101.860.285.823	-	101.861.286.823
Công ty CP cấp thoát nước Cần Thơ	126.535.043.882	-	126.535.043.882	125.842.452.279	-	126.342.492.279
Công ty CP Cấp thoát nước Long An	77.328.911.614	-	77.328.911.614	73.186.524.648	-	73.186.524.648
Công ty CP Cấp nước Cà Mau	52.165.169.772	-	52.165.169.772	51.843.134.833	-	51.843.134.833
Công ty CP Cấp nước Quảng Bình	47.943.909.468	-	47.943.909.468	-	-	-
Công ty cổ phần đô thị Bình Hòa	30.614.565.066	-	30.614.565.066	-	-	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cấp thoát nước Sơn Thanh	4.275.000.000	-	4.275.000.000	4.275.000.000	-	4.275.000.000
Công ty CP Nước và Môi trường Đồng Hỉ	2.543.070.564	-	2.543.070.564	2.500.000.000	-	2.500.000.000
Công ty Cấp thoát nước Bình Dương Xanh	740.604.555	-	740.604.555	744.432.852	-	744.432.852
Công ty CP cấp thoát nước Tây Ninh	-	-	-	74.888.721.451	-	74.888.721.451
Công ty CP Đầu tư nước Bình An	-	-	-	3.020.336.472	-	3.020.336.472
Đầu tư vào đơn vị khác	104.755.510.255	-	104.755.510.260	144.419.713.260	-	144.419.713.255
Công ty CP Cấp nước Thừa Thiên Huế	100.909.090.000	-	100.909.090.000	107.909.090.000	-	107.909.090.000
Công ty CP VLXD & Khoáng sản Bình Thuận (Dự án IDC Hàng Dương)	2.020.420.260	-	2.020.420.260	2.020.420.260	-	2.020.420.260
Tổng Công ty Đầu tư nước và môi trường - CTCP	1.835.000.000	-	1.835.000.000	5.130.000.000	-	5.130.000.000
Công ty CP Cấp nước Quảng Bình	-	-	-	4.082.520.500	-	4.082.520.500
Công ty CP Cấp nước Khánh Hòa	-	-	-	21.276.752.500	-	21.276.752.500
Khác	-	-	-	4.000.000.000	-	4.000.000.000
Cộng	591.158.771.548	-	591.158.771.548	583.579.592.618	-	583.579.592.618

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI
Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thông tin về các công ty liên kết, liên doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2019			01/01/2019	
	Số lượng CP	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Số lượng CP	Tỷ lệ lợi ích
Đầu tư vào công ty liên kết					
Công ty CP Cấp nước Cần Thơ 2	3.736.000	46,74%	26,35%	4.007.353	26,35%
Công ty CP Cấp thoát nước Cần Thơ	3.310.000	22,34%	16,30%	3.310.000	16,30%
Công ty CP Cấp thoát nước Long An	4.552.000	37,15%	27,30%	4.552.000	27,30%
Công ty CP Cấp nước Cà Mau	3.486.000	22,48%	16,30%	3.486.000	16,30%
Công ty CP Cấp nước Quảng Bình	4.350.000	21,15%	16,15%	570.000	16,15%
Công ty cổ phần đô thị Yên Hòa	138.385	-	-	-	-
Công ty CP Đầu tư Sản xuất và Cấp nước Cần Thơ	402.300	45,00%	45,00%	402.300	45,00%
Công ty CP Nước và Môi trường Đồng Hà	550.000	33,33%	33,33%	550.000	33,33%
Công ty Cấp thoát nước Bến Cát	75.000	33,33%	33,33%	75.000	33,33%
Công ty CP Cấp thoát nước Tây Ninh	-	22,22%	17,02%	-	22,22%
Công ty CP Đầu tư nước Sài Gòn	-	22,22%	17,02%	-	22,22%
Đầu tư vào đơn vị khác					
Công ty CP Cấp nước Thừa Thiên Huế	10.000.000	11,52%	11,52%	10.000.000	11,52%
Tổng Công ty Đầu tư Kinh doanh vốn Nhà nước	500.000	2,50%	2,50%	500.000	2,50%
Công ty CP VLXD & Khoáng sản Bình Thuận (Tiền thân là DC Hàng Vương)	223.045	7,15%	7,15%	223.045	7,15%
Công ty CP Cấp nước Quảng Bình	-	-	-	-	-
Công ty CP Cấp nước Quảng Bình	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI
Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.3 Phải thu khách hàng ngắn hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu khách hàng kinh doanh ống và phụ kiện	393.992.299.101	(52.765.005.272)	303.390.808.888	(37.488.842.818)
Phải thu khách hàng kinh doanh nhựa công nghiệp và gia dụng	150.789.015.474	(2.461.992.989)	121.336.039.863	(2.461.992.989)
Phải thu khách hàng kinh doanh bao bì	26.861.221.027	-	29.840.348.379	
Phải thu khách hàng kinh doanh nước sạch	32.486.157.296	(1.738.991.283)	12.271.752.414	(307.869.052)
Phải thu thương mại	40.773.472.011	-	-	-
Phải thu thanh lý tài sản cố định	-		680.000.000	-
Phải thu khác	20.124.121.938		7.896.107.588	-
Cộng	**665.016.236.848**	**(56.966.789.544)**	**525.420.817.122**	**(40.236.725.459)**

Trong đó, phải thu các bên có liên quan như sau:

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty CP Cấp thoát nước Tây Ninh	-	-	1.203.111.648	-
Công ty CP Cấp nước Cần Thơ 2	-	-	467.022.619	-
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào	2.236.317.729	(2.236.317.729)	2.236.317.729	(2.236.317.729)
Cộng	**2.236.317.729**	**(2.236.317.729)**	**3.907.252.096**	**(2.236.317.729)**

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Trả trước cho người bán phục vụ hoạt động kinh doanh ngành nhựa	28.555.496.176	(888.246.635)	18.500.581.138	(886.246.635)
Trả trước cho người bán - Mua sắm đầu tư TSCĐ ngành nhựa	2.860.361.834	-	10.496.528.914	-
Trả trước cho người bán phục vụ hoạt động kinh doanh ngành nước	1.103.744.384	-	880.957.918	-
Trả trước cho người bán - Mua sắm đầu tư TSCĐ ngành nước (1)	84.449.273.159		199.052.564.455	-
Trả trước thương mại	1.190.328.552		-	-
Các khoản khác	-	-	-	-
Cộng	**117.879.203.104**	**(888.246.635)**	**234.929.632.426**	**(886.246.635)**

(1) Chủ yếu là giá trị tạm ứng cho nhà thầu thi công xây dựng nhà máy nước DNP Bắc Giang – dự án của Công ty CP Đầu tư Hạ tầng nước DNP – Bắc Giang và xây dựng nhà máy nước Nhị Thành – dự án của Công ty CP Đầu tư Hạ tầng nước DNP – Long An.

Trong đó, ứng trước cho các bên có liên quan

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào	858.746.635	(858.746.635)	858.746.635	(858.746.635)
Cộng	**858.746.635**	**(858.746.635)**	**858.746.635**	**(858.746.635)**

5.5 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào	610.000.000	(610.000.000)	610.000.000	(610.000.000)
Các cá nhân,tổ chức khác	3.200.000.000	-	3.766.000.000	
Cộng	**3.810.000.000**	**(610.000.000)**	**4.376.000.000**	**(610.000.000)**

5.6 Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác

5.6.1 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các bên liên quan				
Công ty TNHH XNK Nhựa Việt Lào - Tiền lãi cho vay	152.404.445	(152.404.445)	152.404.445	(152.404.445)
Công ty TNHH XNK Nhựa Việt Lào - Tiền tạm ứng vốn	1.637.500.000	(1.637.500.000)	1.637.500.000	(1.637.500.000)
Phải thu các đối tượng khác				
Tiền tạm ứng cho CBNV	7.962.657.164		26.889.018.855	-
Ký quỹ, ký cược	12.174.287.332	-	12.857.983.303	-
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn, phải thu lãi cho vay	13.252.374.881		1.744.624.714	-
Phải thu bảo hiểm xã hội, thuế TNCN	245.197.258	-	157.137.667	
Phải thu khác	44.484.751.663		2.066.901.362	-
Cộng	**79.919.172.071**	**(1.789.904.445)**	**44.594.580.308**	**(1.789.904.445)**

5.6.2 Phải thu dài hạn khác

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ký quỹ, ký cược	13.948.093.436		10.080.620.951	-
Thuế GTGT của TSCĐ thuê tài chính	10.037.674.094	-	10.717.029.375	-
Phải thu khác	802.780.000	-	445.487.090	
Cộng	**25.386.548.330**	**-**	**22.143.137.216**	**-**

5.7 Nợ phải thu khó đòi

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Công ty Cấp nước Sài gòn - TNHH MTV	3.238.237.572	-	3.238.237.572	-
Công ty CP Xây dựng số 6	21.401.610.384	2.342.100.099	21.401.610.384	2.342.100.099
Các đối tượng khác	71.674.875.283	33.719.682.516	33.688.921.185	12.463.792.503
Cộng	**96.314.723.239**	**36.061.782.615**	**58.328.769.141**	**14.805.892.602**

www.dnpcorp.vn
The Annual Report 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI
Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, TP Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Chi tiết các khoản nợ theo tỷ lệ trích lập dự phòng như sau:

	31/12/2019			01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Nợ khó đòi trích lập 100%	52.664.988.615	-	42.600.240.192	-
Quá hạn trên 70%	837.604.800	251.261.440	1.008.292.842	283.456.188
Quá hạn trên 50%	7.868.635.685	3.934.017.949	-	-
Quá hạn trên 30%	10.089.892.667	7.062.721.067	-	-
Chưa quá hạn	24.782.891.482	24.782.891.482	14.511.833.407	14.041.033.406
Cộng	86.314.723.238	36.031.782.018	58.328.365.141	14.605.892.802

5.8 Hàng tồn kho

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Hàng mua đang đi đường	29.882.234.215	-	24.406.412.960	-
Nguyên liệu, vật liệu	212.437.564.164	(1.867.085.049)	200.572.427.167	(1.877.807.307)
Công cụ, dụng cụ	55.494.088.887	-	22.488.431.461	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	21.427.029.942	-	18.013.510.504	(3.848.749.913)
Thành phẩm	133.934.001.792	(2.725.087.895)	91.850.761.083	(1.865.631.707)
Hàng hóa	72.800.304.416	(321.111.351)	31.274.433.053	(257.713.847)
Hàng gửi đi bán	4.124.130.472	-	1.448.383.112	-
Cộng	530.340.601.888	(4.914.184.895)	398.485.479.232	(8.849.302.574)

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI
Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, TP Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2019	799.693.201.482	652.114.900.911	1.380.595.106.112	6.642.596.802	137.315.168	2.839.183.823.445
Mua trong năm	776.375.581	24.608.793.740	7.301.631.137	1.400.712.152	-	34.087.513.620
Đầu tư XDCB hoàn thành	40.529.000.353	71.797.140.549	74.164.041.036	-	-	186.450.181.938
Tăng do hợp nhất kinh doanh	309.797.335.734	36.605.470.341	284.303.236.945	969.946.451	48.218.500	610.713.741.231
Tăng khác	-	352.959.173	-	-	-	352.959.173
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	38.449.625.191	-	-	-	38.449.625.191
Phân loại lại nhóm TS	85.000.000	(49.570.000)	-	(35.430.000)	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(30.778.062.539)	(729.872.000)	(312.500.000)	-	(31.820.432.539)
Giảm do bán lại thuê TSCĐ	-	(63.602.561.592)	(235.000.000)	-	-	(63.837.561.592)
Giảm khác	(864.217.623)	(4.077.962.530)	(31.793.569)	-	-	(4.973.973.622)
Số dư tại 31/12/2019	1.050.286.930.613	719.160.722.344	1.725.147.435.661	8.045.938.425	185.533.358	3.502.445.953.601
GIÁ TRỊ HAO MÒN						
Số dư tại 01/01/2019	214.260.303.915	375.768.386.138	416.655.664.140	4.257.135.945	51.832.251	1.010.993.308.381
Khấu hao trong năm	51.617.963.931	74.196.149.624	71.883.212.713	314.431.480	12.315.275	198.023.073.023
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	30.322.576.944	-	-	-	30.322.576.944
Phân loại lại nhóm TS	35.000.000	(49.570.000)	-	(35.430.000)	-	-
Tăng do hợp nhất kinh doanh	88.323.239.157	18.156.474.870	125.695.198.225	384.863.780	48.215.300	241.609.991.332
Thanh lý, nhượng bán	-	(13.275.542.345)	(1.483.251.519)	(285.437.500)	-	(15.044.231.364)
Giảm do bán lại thuê TSCĐ	-	(12.259.524.775)	(203.010.417)	-	-	(12.462.535.192)
Giảm khác	(343.037.671)	(533.831.573)	(18.351.966)	-	-	(895.221.210)
Số dư tại 31/12/2019	361.950.375.332	472.235.219.274	613.519.460.896	5.255.563.705	112.358.329	1.453.086.977.546
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư tại 01/01/2019	585.432.491.547	276.346.534.781	963.939.441.972	2.385.863.857	85.482.907	1.828.189.815.064
Số dư tại 31/12/2019	688.336.555.281	246.941.504.670	1.111.627.974.765	2.789.773.720	73.167.029	2.050.358.976.055

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay là 1.223.271.365.252 đồng (Tại ngày 01/01/2019 là 1.134.819.704.158 đồng).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 365.735.887.193 đồng (Tại ngày 01/01/2019 là 218.162.274.071 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI
Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.10 Tình hình tăng giảm tài sản cố định thuê tài chính

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2019	2.401.325.000	344.022.769.948	9.907.251.459	231.148.580	356.562.194.987
Thuê tài chính trong năm	-	55.643.527.960	2.657.332.725	-	58.300.910.685
Tài thuê TSCĐ	-	55.667.551.114	703.902.283	-	57.355.383.197
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	(38.449.525.191)	-	-	(38.449.525.191)
Số dư tại 31/12/2019	2.401.325.000	410.878.232.831	13.268.496.270	231.148.580	434.773.243.681
GIÁ TRỊ HAO MÒN					
Số dư tại 01/01/2019	360.119.700	77.997.374.455	3.405.672.219	57.787.141	81.745.453.515
Khấu hao trong năm	240.102.000	42.261.511.884	1.847.869.775	46.228.712	44.195.712.366
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	(30.322.679.944)	-	-	(30.322.679.944)
Phân loại lại nhóm tài sản	-	(568.343.000)	555.243.225	-	-
Số dư tại 31/12/2019	528.222.300	89.347.863.375	5.848.375.837	104.016.853	95.618.486.336
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư tại 01/01/2019	2.128.906.300	266.024.394.493	6.497.579.240	173.361.439	274.816.741.472
Số dư tại 31/12/2019	1.872.803.700	329.530.368.756	7.422.061.173	127.131.727	339.155.365.356

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI
Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.11 Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Chương trình phần mềm	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2019	45.483.402.666	120.000.000	630.000.000	2.045.243.000	48.278.645.666
Mua trong năm	-	18.000.000	100.000.000	-	118.000.000
Tăng do hợp nhất kinh doanh (*)	187.817.241.369	-	454.951.163	555.228.558	188.827.421.190
Số dư tại 31/12/2019	231.300.644.035	138.000.000	1.184.951.163	2.600.471.558	235.224.066.856
GIÁ TRỊ HAO MÒN					
Số dư tại 01/01/2019	5.380.173.612	9.339.333	373.995.280	383.433.226	6.146.941.451
Khấu hao trong năm	691.125.512	45.906.455	181.751.142	441.338.304	1.360.121.413
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	253.184.512	492.499.970	745.684.482
Số dư tại 31/12/2019	6.071.335.424	55.906.454	827.510.934	1.335.244.500	8.292.997.312
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư tại 01/01/2019	38.103.224.056	110.660.667	243.004.720	1.661.809.774	39.518.699.217
Số dư tại 31/12/2019	225.229.308.611	82.193.546	347.440.229	873.227.158	226.532.169.544

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 25.340.235.794 đồng (Tại ngày 01/01/2019 là 5.482.352.222 đồng)

Giá trị tài sản cố định hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 0 đồng (Tại ngày 01/01/2019 là 273.000.000 đồng)

(*) Quyền sử dụng đất tăng trong năm do hợp nhất kinh doanh là giá trị quyền thuê đất tại Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tây Ninh theo Chứng thư thẩm định giá Số 1507.2019/CT-VFHDA.P của Công ty Cổ phần Thẩm định Giá và Đầu tư Tài chính Hoa Sen cấp ngày 15 tháng 7 năm 2019.

5.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Mua sắm TSCĐ	**33.704.212.898**	**8.137.361.610**
Máy móc, thiết bị	33.704.212.898	8.137.361.610
Xây dựng cơ bản	**1.416.888.643.883**	**1.012.148.445.505**
Các công trình nhà máy nước	1.416.203.574.480	997.808.817.188
Các công trình khác	685.069.385	14.339.628.317
	1.450.592.856.781	**1.020.286.807.116**

Trong đó, chi tiết cho các công trình:

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Xây dựng cơ bản	**1.416.888.643.883**	**1.012.148.445.505**
Dự án nhà máy nước Bắc Giang	800.507.382.895	733.372.213.358
Nhà máy nước Nhị Thành (Long An)	605.636.627.646	224.708.986.714
Công trình Trạm tăng áp Chợ Gạo	693.495.454	23.502.309.390
Công trình mở rộng mạng lưới ở BTW	4.746.947.469	13.854.878.918
Công trình nhà máy nước Tây Ninh	2.467.948.122	
Xây dựng nhà xưởng Bắc Ninh CII 2	-	13.795.181.422
Các công trình khác	2.836.242.598	2.864.877.696

5.13 Chi phí trả trước

5.13.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	3.281.602.496	4.013.550.528
Chi phí sửa chữa tài sản	644.410.462	184.899.588
Các khoản khác	6.638.061.712	4.137.789.560
Cộng	**10.565.074.660**	**8.336.239.674**

5.13.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	19.180.956.039	16.117.882.275
Chi phí sửa chữa tài sản và thay đồng hồ định kỳ	30.528.434.745	8.236.478.071
Các khoản khác	22.561.447.802	32.120.933.151
Cộng	**72.250.839.486**	**56.475.093.497**

5.14 Lợi thế thương mại

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lợi thế thương mại đầu năm	333.599.033.073	332.110.064.007
Lợi thế thương mại tăng trong năm	20.441.293.827	39.808.512.044
Phân bổ lợi thế thương mại	(42.426.252.174)	(38.319.543.868)
Số dư cuối năm	**311.614.074.526**	**333,599,033,073**

Chi tiết số dư cuối năm

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Lợi thế thương mại khi mua Công ty CP Bình Hiệp	146.120.051.193	164.974.251.347
Lợi thế thương mại khi mua Công ty CP Nhà máy nước Đồng Tâm	76.340.417.152	87.650.100.502
Lợi thế thương mại khi mua Công ty CP Sản xuất và kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội	33.837.235.238	37.818.086.442
Lợi thế thương mại khi mua Công ty CP Nhựa Tân Phú	38.991.360.030	43.156.586.702
Lợi thế thương mại khi mua Công ty CTN Bình Thuận	17.715.911.015	-
Lợi thế thương mại mua Công ty CP Đầu tư nước Bình An	608.089.898	-
Cộng	**311.614.074.526**	**333.599.033.073**

5.15 Phải trả người bán ngắn hạn, dài hạn

5.15.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả cho người bán phục vụ hoạt động kinh doanh ngành nhựa	105.015.078.418	105.015.078.418	122.200.578.854	122.200.578.854
Phải trả cho người bán - Mua sắm đầu tư TSCĐ ngành nhựa	2.531.066.289	2.531.066.289	2.518.035.892	2.518.035.892
Phải trả cho người bán phục vụ hoạt động kinh doanh ngành nước	8.717.105.578	8.717.105.578	12.513.420.247	12.513.420.247
Phải trả cho người bán Mua sắm đầu tư TSCĐ ngành nước	50.828.887.711	50.828.887.711	28.117.772.284	28.117.772.284
Phải trả cho người bán thương mại	45.304.178.038	45.304.178.038	1.992.186.092	1.992.186.092
Cộng	**212.398.026.033**	**212.398.026.033**	**167.341.992.919**	**167,341,992,919**

5.15.2 Phải trả người bán dài hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả cho các đối tượng khác	3.158.637.914	3.158.637.914	-	-
Cộng	**3.158.637.914**	**3.158.637.914**	**-**	**-**

www.dnpcorp.vn
The Annual Report 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI
Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.15 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số phải thu tại 01/01/2019	Số phải nộp tại 01/01/2019	Số phát sinh trong năm	Số phải nộp lại	Thay đổi do mua công ty con (Phải nộp (+) Phải thu (-))	Số thực nộp trong năm	Số phải thu tại 31/12/2019	Số phải nộp tại 31/12/2019
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	[illegible]	2.123.473.737	35.331.557.061	[illegible]	[illegible]	31.238.372.760	[illegible]	6.744.755.366
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	5.273.544	58.734.227.065	55.366.373	-	57.988.453.665	-	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	[illegible]	8.337.455	2.333.611.216	22.297.333	-	2.713.235.612	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.044.434.471	570.729.555	15.336.524.616	1.000.333	551.241.333	8.406.745.825	10.333.745.379	1.343.241.706
Thuế thu nhập cá nhân	[illegible]	888.312.333	8.325.244.612	244.882.333	5.871.333	5.886.334.455	1.343.241.706	313.557.278
Thuế tài nguyên	-	152.238.455	3.391.122.503	-	134.786.422	3.527.333.214	313.557.278	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	1.342.537.106	-	-	1.342.537.106	-	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	1.514.390.333	12.301.834.585	-	-	12.252.727.885	1.301.557.866	338.555.012
Các loại thuế khác	36.222.523	-	307.222.450	-	171.334.555	171.334.555	338.555.012	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	2.376.506.134	12.406.377.556	-	11.136.557.251	11.136.557.251	3.376.345.862	-
Cộng	1.265.333.836	7.431.085.184	158.555.493.602	1.574.101.793	833.201.393	141.527.574.173	22.398.481.445	8.739.153.362

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI
Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.17 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Chi phí lãi vay	41.114.587.331	28.074.714.693
Chi phí hoa hồng môi giới	395.308.880	
Cước vận chuyển	3.400.734.114	1.867.310.807
Chi phí khác	23.272.983.910	11.924.372.412
Cộng	**68.183.604.235**	**41.966.405.912**

5.18 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác

5.18.1 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Kinh phí công đoàn	1.053.807.934	1.053.807.934	1.664.847.966	1.664.847.966
Bảo hiểm xã hội	47.558.799	47.558.799	128.238.308	128.238.308
Bảo hiểm y tế	8.435.080	8.435.080	3.962.575	3.962.575
Bảo hiểm thất nghiệp	1.195.106	1.195.106	1.983.787	1.983.787
Cổ tức phải trả	864.869.033	864.869.033	839.987.842	839.987.842
Lãi vay phải trả	52.858.620.789	52.858.620.789	12.454.589.469	12.454.589.469
Phải trả khác	35.053.074.306	35.053.074.306	6.594.692.241	6.594.692.241
Cộng	**89.879.161.047**	**89.879.161.047**	**21.688.302.188**	**21.688.302.188**

(1)* Chủ yếu là các khoản nhận hợp tác đầu tư theo các hợp đồng hợp tác đầu tư có thời hạn dưới 01 năm trong đó các đối tác được nhận lãi theo lãi suất cố định hàng tháng tính trên giá trị hợp tác đầu tư.

5.18.2 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Lãi vay phải trả Ngân hàng Phát triển Việt Nam	203.504.762.019	203.504.762.019	206.151.346.519	206.151.346.519
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Sacom	-	-	70.000.000.000	70.000.000.000
Nhận kí quỹ, kí cược	10.165.394.923	10.165.394.923	12.238.664.923	12.238.664.923
Các khoản phải trả khác (1)	109.910.504.832	109.910.504.832	277.482.289.079	277.482.289.079
Cộng	**323.580.662.674**	**323.580.662.674**	**565.872.290.521**	**565.872.290.521**

(1)* Phần lớn là khoản vốn nhận hợp tác đầu tư theo các hợp đồng hợp tác đầu tư với các cá nhân ngày 20/10/2016. Thời gian hợp tác đầu tư không quá 08 năm kể từ ngày ký hợp đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI
Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Số dư vay ngắn hạn gồm các ngân hàng chủ yếu sau:

a> Vay ngắn hạn:

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	401.612.388.539	265.493.302.117
Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN- CN Hà Thành	145.755.798.409	172.662.837.834
Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN- CN HCM	126.303.293.788	131.074.116.079
Ngân hàng TMCP Việt Á	291.000.000.000	138.774.070.785
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN	177.171.260.880	126.197.941.553
Ngân hàng SINOPAC - CN HCM	58.998.341.734	7.167.616.605
Ngân Hàng TMCP Phát Triển TP.HCM - CN SGD Đồng Nai	16.670.000.000	22.027.887.807
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN TP.HCM	-	34.400.927.811
Ngân hàng BPCEIOM Chi nhánh Tp.HCM	8.581.929.500	32.095.151.665
Ngân hàng Standard Chartered - CN HCM	16.219.270.900	26.724.593.125
Các đối tượng khác	62.491.139.613	151.147.071.050
Cộng	**1.389.403.418.551**	**1.107.873.346.817**

b> Vay dài hạn đến hạn trả

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Ngân hàng Phát Triển Việt Nam	73.814.086.138	85.438.564.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	35.425.640.006	4.528.080.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN- CN HCM	12.071.843.941	12.800.000.000
Ngân hàng SINO PAC TP.HCM	-	6.379.623.210
Các đối tượng khác	10.208.488.892	14.027.084.992
Cộng	**131.470.959.077**	**123.181.152.202**

c> Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Công ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN TPHCM	37.176.850.948	27.713.590.323
Công ty TNHH cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam	13.218.149.552	10.772.861.322
Công ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN TPHCM	11.280.012.000	10.636.932.000
Công ty TNHH MTV CTTC Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	10.250.838.285	10.504.615.200
Công ty TNHH Cho thuê tài chính Chailease	5.323.662.912	9.220.507.128
Cộng	**77.268.213.697**	**68.848.505.973**

d> Trái phiếu ngắn hạn và đến hạn trả

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Công ty CP chứng khoán VN Direct	98.687.500.000	
Ngân hàng TMCP Công thương VN- Chi nhánh Biên Hoà	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- CN Biên Hòa	-	9.071.491.628
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- CN Hà Thành	-	39.805.966.512
Ngân hàng TMCP Việt Á- CN Hà Nội		199.908.493.151
Cộng	**98.687.500.000**	**249.766.951.291**

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI
Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, TP Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Khoản vay ngắn hạn theo các hợp đồng cụ thể sau:

Khoản vay	Thời hạn vay	Lãi suất	Hạn mức vay	Số dư nợ gốc tại 31/12/2019	Mục đích vay	Tài sản bảo đảm
Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam						
Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/12/2019-HĐCVHM/NHCT488-BVT ngày 24/01/2019	Theo từng Giấy nhận nợ trong thời gian 6 tháng	Theo từng thỏa ước nhận nợ, điều chỉnh 1 tháng 1 lần	50.000.000.000 VND	34.775.758.007	Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản
Hợp đồng tín dụng số 1122019-HĐCVHM/NHCT488-BVT ngày 24/01/2019	Theo từng khế ước nhận nợ trong thời gian 6 tháng	Theo từng khế ước nhận nợ	60.000.000.000 VND	57.576.236.237	Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD	Thu tiền bán của Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai với giá trị 65 tỷ đồng quyền đòi nhận chuyển số tiền 25 tỷ đồng, hàng tồn kho luân chuyển 25 tỷ đồng và các tài sản cố định khác
4821/2019/HĐCV-5868/NHCT648-TMNPHL ngày 31/07/2019	36 tháng	Theo từng khế ước nhận nợ	100.000.000.000 VND	90.372.742.113	Bổ sung VLĐ phục vụ SXKD	Nhà xưởng số 3 thuê của Công ty TNHH Long Kỳ tại KCN Long Đức với giá trị 30 tỷ đồng và thuê chế tạo 140 tỷ đồng
Hợp đồng số 896/2019-HĐCV-NHCT122-488 ngày 28/06/2019	Theo từng giấy nhận nợ trong thời gian 12 tháng	Theo từng khế ước nhận nợ	25.000.000.000 VND	19.265.568.836	Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD được sạch	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI
Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, TP Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam						
Hợp đồng cho vay hạn mức số 1963/2019-CTHNHT ngày 30/08/2019	36 tháng	Theo từng khế ước nhận nợ	100.000.000.000 VND	145.756.236.495	Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản
145/2546/DS-CTD ngày 31/10/2019	Từ 31/12/2019 đến 31/12/2023	Theo từng khế ước nhận nợ	13.000.000.000 VND	7.736.574.562	Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD	- Dây chuyền máy móc thiết bị sản xuất ống nhựa HDPE theo Hợp đồng số 64/EVOBE ngày 12/08/2018 - Máy móc thiết bị sản xuất ống nhựa HDPE theo Hợp đồng số 336/HĐ-TBH ngày 18/12/2018 và các phụ lục đính kèm - TK tiền gửi tại Vietinbank CN Biên Hòa trị giá 3.600.000.000 VND
01/2019/HĐCV-CTD ngày 31/10/2019	06 tháng	Theo từng khế ước nhận nợ	150.000.000.000	133.903.253.786	Bổ sung VLĐ phục vụ SXKD	- Nhà xưởng Biên Hòa 1 giai đoạn 2 - Bất động sản của CTCP Nhựa Đồng Nai - Bảo lãnh ngân hàng với giá trị 70 tỷ

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI
Địa chỉ: Đường số 3, KCN Biên Hòa 1, Tp. Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Khoản vay Ngân hàng Bưu điện và Phát triển Việt Nam						
HĐ tín dụng hạn mức số [illegible]/HĐTD ngày [illegible]/2019	Từ ngày ký HĐ đến hết ngày [illegible]/2020	Theo lãng thể xác nhận	[illegible]/HĐ	[illegible]	Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD phát triển LĐ	Khoản tiền gửi [illegible] với giá trị 300.000.000 đồng
[illegible]	Theo từng khế ước nhận nợ	[illegible]	[illegible]	[illegible]	Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD phát triển LĐ	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản
Hợp đồng tín dụng số [illegible]/HĐTD ngày [illegible]	6 tháng	Theo từng khế xác nhận nợ	[illegible]/HĐ	[illegible]	Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD phát triển LĐ	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản
Khoản vay ngân hàng Sinopac – CN Thành phố Hồ Chí Minh						
Hợp đồng tín dụng số [illegible] ngày 14 tháng [illegible] năm 2019	Từ ngày ký HĐ vay đến ngày [illegible]/2019	Theo từng khế xác nhận nợ	[illegible] USD (bằng chữ: [illegible] triệu đô la Mỹ)	[illegible]	Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD theo bản cam kết thành viên mua nguyên vật liệu	Thế chấp
Khoản vay Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Tp. Hồ Chí Minh – CN BCD Đồng Nai						
HĐ tín dụng hạn mức số [illegible]/HĐTD ngày [illegible]	12 tháng	Theo từng khế xác nhận nợ	[illegible]/HĐ	[illegible]	Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD	Điều chỉnh bằng hàng tồn kho để đầu tư [illegible] theo hợp đồng thế chấp số [illegible] Khoản phải thu để đầu tư [illegible] theo hợp đồng mua bán số [illegible]/HĐMB ngày [illegible]

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI
Địa chỉ: Đường số 3, KCN Biên Hòa 1, Tp. Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Khoản vay ngân hàng BPCEIOM						
PGI-[illegible]/2019 ngày 15/12/2019	06 tháng	Chi phí vốn của ngân hàng + 2,35%/năm, trong đó chi phí vốn sẽ được cố định theo từng kỳ sử dụng vốn tương ứng theo điều khoản vay	750.000 USD	6.531.929.590	Bổ sung VLĐ phục vụ SXKD	Hợp đồng tín dụng với giá trị 750.000 USD
Khoản vay Ngân hàng Standard Chartered – Chi nhánh HCM						
Thư xác nhận [illegible] EFL/[illegible]/2019-322 ngày [illegible], Điều khoản số [illegible] ngày [illegible]/2019		Theo từng khế xác nhận nợ	200.000.000 USD	15.219.275.890	Bổ sung vốn lưu động, mua nguyên vật liệu nhập khẩu VLĐ, trả tiền 120 ngày	Cam kết bằng hoàn chỉnh của hàng tồn kho và khoản phải thu gắn với hợp đồng
Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc Tế VIB - Chi nhánh TPHCM						
[illegible]/HĐ ngày [illegible]	03 tháng	Lãi suất thả nổi, cộng biên độ theo quy định của Ngân hàng tại thời điểm giải ngân	50.000.000 USD	47.162.397.348	Bổ sung vốn lưu động, mua LC phục vụ SXKD	Hàng tồn kho luân chuyển có số dư là 31,25 tỷ đồng, khoản phải thu của Công ty với giá trị là 31,25 tỷ đồng để bảo đảm vay vốn của CTCP Nhựa Đồng Nai
Khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Á – CN Hà Nội						
Hợp đồng Mua bán nợ phát sinh số [illegible] Phụ lục số 01 và 02	12 tháng	11,5%	[illegible]	[illegible]	Bổ sung vốn lưu động, mua LC phục vụ SXKD	Cổ phiếu của Công ty cổ phần [illegible] và các bất động sản liên quan
Các khoản vay khác				7.583.187.365		
Cộng				**1.396.448.418.351**		

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI
Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Số dư các khoản vay và nợ dài hạn gồm các ngân hàng chủ yếu sau:

a> Vay dài hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Ngân hàng Phát Triển Việt Nam	403.790.723.374	430.883.781.842
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam CN Hoàn Kiếm	526.462.571.924	468.842.509.715
International Finance Corporation	502.161.900.000	502.161.900.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Quang Trung	374.757.606.506	268.456.411.608
Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN- CN HCM	19.474.900.000	31.498.743.941
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	16.868.474.864	19.858.781.860
Ngân sách tỉnh Bình Thuận	57.579.752.882	82.779.752.882
Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Tiền Giang	20.154.888.538	21.480.038.538
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Biên Hòa	14.258.402.277	21.480.088.480
Vay cá nhân	6.324.000.000	181.675.861.884
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh TP Hà Nội	3.587.235.093	4.168.315.880
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Quảng Nam	808.250.000	3.031.250.000
Các đối tượng khác	38.379.973.153	3.898.000.000
	2.044.394.657.491	**2.088.068.186.838**

b> Nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Công ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam CN TPHCM	58.433.438.013	40.875.870.154
Công ty TNHH cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam	22.740.377.189	13.808.687.400
Công ty TNHH MTV CTTC Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	11.458.815.840	18.708.360.626
Công ty CTTC TNHH MTV NH TMCP Công Thương Việt Nam - CN Tp.HCM	13.904.361.213	21.975.780.000
Công ty TNHH Cho thuê tài chính Chailease	1.672.386.868	6.773.744.860
Cộng	**108.260.379.213**	**102.024.253.038**

c> Trái phiếu dài hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
AP [illegible] HOLDINGS [illegible] LTD. (*)	401.684.469.436	-
Vietnam Debt Fund SPC	150.000.000.000	150.000.000.000
Cty TNHH Bảo hiểm Nhân Thọ Sun Life	100.000.000.000	-
Cty TNHH Bảo hiểm Nhân Thọ AIA	4.000.000.000	
Công ty CP chứng khoán VN Direct	-	96.437.500.000
Cộng	**705.684.469.436**	**246.437.500.000**

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI
Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Chi tiết vay và nợ thuê tài chính theo các hợp đồng chủ yếu như sau:

Hợp đồng vay	Thời hạn vay	Lãi suất	Số dư nợ gốc lại 31/12/2019	Số phải trả trả 31/12/2020	Mục đích vay	Tài sản bảo đảm
Khoản vay International Finance Corporation Hợp đồng số 35345 ngày 28/12/2007	8 năm	6,5%/năm	652.461.300.000	-	Đầu tư vào các dự án ngành nước	Số phần của Công ty tại các dự án và các dự án liên quan
Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam						
2302216-HĐCVDADT/NHCT682-H-LAMI ngày 30 tháng 4 năm 2018	30 tháng	Lãi suất điều chỉnh theo quy định của hợp đồng	30.499.402.227	3.200.000.000	Đầu tư máy móc thiết bị	Bảo đảm bằng tài sản
0162216-HĐCVDADT/NHCT624-DAF LONG AN	144 tháng	Lãi suất điều chỉnh 3 tháng/lần	336.267.303.626	15.000.000.000	Thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án Nhà máy nước Đô Thành	Toàn bộ tài sản của Dự án bao gồm tài sản hình thành trong tương lai
Hợp đồng Cho vay Dự án Đầu tư số 1054/-TD2017-HĐCVDADTPH-DTPD-DNP3-CSGN-3 ngày 28 tháng 7 năm 2017	168 tháng	Lãi suất cho vay 0,3%/năm đến 5,25%/năm.	558.482.571.824	10.000.000.000	Thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ, hợp pháp để thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng khu máy nước sạch DNP - Bắc Giang	-Quyền tài sản đối với vốn góp của Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai tại Công ty; -Toàn bộ tài sản của Dự án gồm tài sản hình thành và tài sản hình thành trong tương lai.
Hợp đồng số 13/2019-HĐCVDADTPH-DTPD-NSD ngày 30/06/2019	84 tháng	Lãi suất cho vay 3,9%/năm	145.573.153	516.000.000	Thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ, hợp pháp để thực hiện Dự án xử lý nước thải khu Đô thị Đại Kim	-Tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 60 Bình Đông Thắng 6, Hoàng Mai, Hà Nội - Các quyền và lợi ích phát sinh liên quan to quyền SD đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất
Các hợp đồng khác		Lãi suất điều chỉnh 3 tháng/lần	7.965.215.890	2.236.000.000		

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI
Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Khoản vay Ngân sách tỉnh Bình Thuận Quyết định số 3657/QĐ-UBND tỉnh Bình Thuận ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016	180 tháng	Không có lãi suất	82.779.752.362	5.200.000.000	Dự án Đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước thành phố Phan Thiết	Thế chấp
Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam						
0.2017TD-VCB-HHSB3 ngày 8 tháng 3 năm 2017	10 năm	Lãi suất thả nổi	3.615.253.215	1.183.313.333	Thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của dự án xây dựng xưởng nhà máy thổi nhựa PET 2B và 2C - Nhà máy	Thế chấp
2302.17TD-VCB-HHSB5 ngày 29 tháng 6 năm 2017	10 năm	Lãi suất thả nổi	10.673.453.745	1.443.000.000		Thế chấp
0125.1.030/T-DAVM ngày 11/05/2018	30 tháng	Lãi suất điều chỉnh theo thỏa thuận	7.853.251.000	1.371.000.000	Thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ để thực hiện BOT nhà máy Bắc Vĩnh Long giai đoạn 2 tại CCN Bình Minh, tỉnh Bắc Vĩnh	Toàn bộ máy móc thiết bị hình thành trong tương lai thuộc Dự án được quy định trong hợp đồng vay
0204.2TDA/VCB ngày 27/02/2015	30 tháng	Lãi suất liên ngân hàng kỳ hạn 12 tháng bằng VNĐ cộng biên độ Được điều chỉnh 3 tháng/lần	2.501.343.341	2.501.343.341	Đầu tư thiết bị máy móc thiết bị và khuôn mẫu sản xuất chai PET 5 lít chai PET 5 lít nắp và que chai 5 lít	Toàn bộ máy móc thiết bị hình thành trong tương lai thuộc Dự án được quy định trong hợp đồng vay
0.17TD-HHSB5-DNTH-ngày 25/7/2017	30 tháng	Lãi suất liên ngân hàng kỳ hạn 12 tháng bằng VNĐ cộng biên độ Được điều chỉnh 3 tháng/lần	2.342.503.000	2.503.000.000	Tài trợ các nhu cầu sử dụng hợp pháp, hợp lệ theo Giấy đề nghị cấp tín dụng TSCĐ theo kế hoạch của Công ty	Toàn bộ máy móc thiết bị hình thành trong tương lai thuộc Dự án được quy định trong hợp đồng vay

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI
Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam 0320/NH-DNSES – VHFT ngày 31 tháng 12 năm 2015	20 năm	Lãi suất vay trong hạn là 3,4% năm. Lãi suất vay quá hạn là 12,6% năm.	426.055.125.151	35.020.000.000	Xây dựng và đầu tư thiết bị dự án nhà máy nước Bồng Tiên	Toàn bộ tài sản hình thành sau đầu tư và giá trị quyền sử dụng đất tại Ấp Tân Thượng, Xã Bình Đức, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tiền Giang
Hợp đồng số 01/2014/HĐ tài chính ngày 25 tháng 11 năm 2014	20 năm	Lãi suất cố định 6% năm	12.236.673.357	2.739.684.000	Xây dựng và đầu tư thiết bị dự án nhà máy nước	Tín chấp
Hợp đồng số 01-2019/TC-HL ngày 12/7/2019	22 năm	Lãi suất cố định 6% năm	564.129.153	1.230.251.362	Xây dựng và đầu tư thiết bị dự án nhà máy nước	Bảo lãnh bằng tài sản
Hợp đồng vay vốn Bộ tài chính ngày 25 tháng 07 năm 2018	22 năm	Lãi suất cố định 6% năm	33.279.838.323	4.754.271.215	Xây dựng và đầu tư thiết bị dự án nhà máy nước	Tín chấp
Các đối tượng khác			41.238.932.002	457.451.003		
Cộng			2.175.956.616.583	131.470.559.097		

Chi tiết các khoản nợ thuê tài chính

Hợp đồng TTC	Lãi suất	Số dư nợ gốc tại 31/12/2019	Số phải trả đến 31/12/2020	Tài sản Thuê TC
Công ty TNHH Cho thuê tài chính Kỹ Thương Việt	Lãi suất cố định theo thỏa ước	21.710.984.225	10.250.598.235	Máy móc thiết bị
Công ty TNHH Cho Thuê Tài Chính ngân Hàng VCB - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	Lãi suất cố định theo thỏa ước	35.610.283.361	32.175.850.543	Máy móc thiết bị
Công ty TNHH cho thuê Tài Chính Quốc Tế C-ALEASE	Lãi suất cố định theo thỏa ước	6.955.948.772	5.323.598.512	Máy móc thiết bị
Công ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam	Lãi suất cố định theo thỏa ước	35.556.023.741	18.215.145.532	Máy móc thiết bị
Công ty CTTC TNHH Việt Nam Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh	Lãi suất cố định theo thỏa ước	25.245.173.213	11.293.313.030	Máy móc thiết bị
Cộng		125.178.882.310	77.258.212.837	

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI
Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Chi tiết các khoản nợ trái phiếu

Trái chủ	Kỳ hạn	Lãi suất	Giá trị phát hành	Số dư tại 31/12/2019	Chi phí trả hàng năm của phát hành	Tài sản đảm bảo
Công ty CP Chứng khoán VP Direct	24 tháng	11%	100.000.000.000	36.687.500.000	1.512.500.000	Đảm bảo bằng cổ phiếu
Stelner Debt Fund SPC	36 tháng	11%	150.000.000.000	150.000.000.000	-	Thư bảo lãnh của Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân Thọ Sun Life	36 tháng	12,5%	40.000.000.000	40.000.000.000	-	
	36 tháng	12,5%	60.000.000.000	60.000.000.000	-	Đảm bảo bằng cổ phiếu
Cty TNHH Bảo hiểm Nhân Thọ AIA	36 tháng	12,5%	40.000.000.000	40.000.000.000	-	
AEP HOLDINGS PTE LTD	30 tháng	6,0%	451.700.000.000	451.634.453.455	5.016.641.365	Cổ phần của một số công ty con và cổ phần của Công ty mẹ

(*) AEP HOLDINGS PTE. Ltd. có quyền chuyển đổi lần lượt tới điểm nào trong thời hạn chuyển đổi để chuyển đổi toàn bộ hay một phần số tiền chuyển đổi được thành cổ phần chuyển đổi. Tỷ lệ chuyển đổi bằng giá trị Trái phiếu có thể chuyển đổi chia cho Giá chuyển đổi được xác định lại thời điểm chuyển đổi. Trái phiếu có thể được thanh toán hoặc chuyển đổi vào Ngày đáo hạn cầu tiền vào các ngày đáo hạn cuối cùng.
Ngày đáo hạn cầu tiền là 28/12/2022, ngày đáo hạn cuối cùng là 28/12/2023, có thể gia hạn 1 năm theo đề nghị của TCPH sở hữu trái phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI
Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.20.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	1.000.085.350.000	500.092.720.000
Vốn góp tăng trong năm	-	499.992.630.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	1.000.085.350.000	1.000.085.350.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	**79.001.750.000**
Trong đó chia bằng cổ phiếu		*84.992.830.000*
Cổ phiếu thường ESOP	-	*7.000.000.000*

5.20.3 Cổ phiếu

	31/12/2019 Cổ phiếu	01/01/2019 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	**100.008.535**	**100.008.535**
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	**100.008.535**	**100.008.535**
Cổ phiếu phổ thông	100.008.535	100.008.535
Số lượng cổ phiếu quỹ	**2.810**	**10**
Cổ phiếu phổ thông	2.810	10
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	**100.005.725**	**100.008.525**
Cổ phiếu phổ thông	100.005.725	100.008.525
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)	*10.000*	*10.000*

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

6.1.1 Tổng doanh thu

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa	2.789.575.102.462	2.169.770.507.103
Doanh thu cung cấp dịch vụ	19.911.127.298	15.587.035.502
Doanh thu khác	15.217.153.616	2.836.090.329
Cộng	**2.824.703.383.376**	**2.188.193.632.934**

Doanh thu với các bên có liên quan được trình bày tại thuyết minh 9.1.2

The Annual Report 2019 | www.dnpcorp.vn

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chiết khấu thương mại	1.017.250.020	832.187.284
Giảm giá hàng bán	118.802.319	29.862.201
Hàng bán bị trả lại	24.457.063.719	6.709.511.757
Cộng	**25.593.116.058**	**7.371.561.222**

6.3 Giá vốn hàng bán

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	2.277.838.157.012	1.812.624.407.887
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	10.838.770.937	5.830.635.063
Dự phòng/Hoàn nhập giảm giá hàng tồn kho	2.883.532.698	5.808.580.576
Cộng	**2.291.168.460.647**	**1.824.463.623.526**

6.4 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia	14.330.513.821	18.730.340.461
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	20.224.838.828	5.878.753.523
Lãi từ hoạt động đầu tư	35.410.300.645	35.918.405.888
Lãi bán các khoản đầu tư và chứng khoán kinh doanh	96.816.289.176	19.095.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.141.265.519	12.411.238.168
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	60.566.973
Cộng	**168.923.207.788**	**91.894.304.791**

6.5 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền vay	243.954.441.488	186.392.903.882
Lỗ chênh lệch tỷ giá	4.152.021.272	4.216.168.376
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	201.304.199
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	28.181.266	264.099.076
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	-
Chi phí tài chính khác	18.618.575.394	12.343.899.780
Cộng	**266.755.219.433**	**202.368.426.312**

6.6 Chi phí bán hàng

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nhân viên	44.873.113.804	29.425.202.828
Chi phí vật liệu, bao bì	934.540.701	-
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.864.317.241	7.946.441.129
Chi phí khấu hao, sửa chữa lớn	32.103.828.303	8.997.350.828
Chi phí bảo hành	502.441.486	135.240.264
Chi phí dịch vụ mua ngoài, bằng tiền khác	63.584.665.257	48.652.179.536
Các khoản chi phí bán hàng khác	14.074.704.323	-
Cộng	**162.007.811.016**	**96.146.414.372**

6.7 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nhân viên quản lý	88.533.341.009	76.558.819.243
Chi phí vật liệu quản lý	710.004.853	274.242.239
Chi phí đồ dùng văn phòng	6.507.408.583	7.329.007.005
Chi phí khấu hao và sửa chữa lớn	7.968.901.110	5.511.642.687
Thuế, phí và lệ phí	4.872.338.272	6.028.019.011
Chi phí dự phòng	15.290.862.654	4.908.396.443
Chi phí dịch vụ mua ngoài, bằng tiền khác	52.409.063.203	10.523.472.016
Lợi thế thương mại phân bổ	42.496.252.174	38.319.543.658
Cộng	**215.828.332.744**	**148.453.141.502**

6.8 Thu nhập khác

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	7.161.472.074	13.958.881.383
Thu nhập khác	7.485.411.659	4.908.649.993
Cộng	**14.646.883.733**	**18.867.331.376**

6.9 Chi phí khác

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	807.121.661	-
Chi phí phạt, truy thu thuế		6.872.071.388
Chi phí khác	15.773.645.670	16.476.249.170
Cộng	**16.580.767.331**	**23.348.320.558**

www.dnpcorp.vn
The Annual Report 2019

6.10 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành Công ty mẹ	3.809.863.120	5.160.397.991
Chi phí thuế thu nhập hiện hành các đơn vị thành viên	16.026.841.698	3.259.235.040
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	**19.836.704.818**	**8.419.633.031**

6.11 Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(7.355.076.676)	(5.485.430.585)
Cộng	**(7.355.076.676)**	**(5.485.430.585)**

6.12 Lãi cơ bản trên cổ phiếu và Lãi suy giảm trên cổ phiếu

6.12.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	27.097.304.518	12.246.279.838
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông công ty mẹ	21.123.533.994	15.149.756.799
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	100.006.648	70.922.136
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**211**	**214**

6.12.2 Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	27.097.304.518	12.246.279.838
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông công ty mẹ	21.123.533.994	15.149.756.799
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	100.006.648	70.922.136
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	**211**	**214**

6.13 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nhân công	334.149.871.155	255.580.318.217
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	1.280.738.683.800	1.285.091.332.623
Chi phí khấu hao tài sản cố định	223.434.114.151	170.220.270.607
Lợi thế thương mại phân bổ	42.428.252.174	38.319.543.050
Thuế, phí, lệ phí	3.582.415.110	7.887.745.786
Chi phí dự phòng	70.003.218.083	4.908.395.443
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	294.656.623.970	209.492.299.133
Cộng	**2.264.051.178.243**	**1.948.287.903.872**

7. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản cho vay, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

I. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá cổ phần.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỉ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỉ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty, chủ yếu bằng VNĐ, và ngoại tệ, bằng Đô la Mỹ (USD).

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Rủi ro này sẽ được Công ty quản trị bằng việc thực hiện mua hàng từ một số lượng lớn các nhà cung cấp khác nhau, cũng như linh hoạt trong việc đàm phán.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của các cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập bảo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tín dụng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ kế toán là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Từ 1 năm trở xuống *VND*	Trên 1 năm *VND*	Cộng *VND*
Nợ phải trả tài chính			
Tại ngày 31/12/2019			
Vay và nợ	1.898.820.091.325	2.856.338.496.139	4.555.158.587.464
Phải trả người bán	212.398.028.033	3.158.537.914	215.556.565.947
Phải trả khác	88.078.161.047	325.580.002.674	413.459.823.721
Cộng	**1.999.097.278.405**	**3.185.078.796.727**	**5.184.176.075.132**
Tại ngày 01/01/2019			
Vay và nợ	1.549.468.056.363	2.437.330.949.898	3.986.800.006.261
Phải trả người bán	167.341.992.919	-	167.341.992.919
Phải trả khác	21.689.302.188	585.872.290.521	607.561.592.709
Cộng	**1.738.500.351.490**	**3.003.203.240.399**	**4.741.703.591.889**

Ban Tổng Giám đốc cam kết Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết để thanh toán các khoản nợ đến hạn trả.

The Annual Report 2019 | www.dnpcorp.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI
Địa chỉ: Đường số 8, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

iv. Giá trị hợp lý

(i) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong bảo cáo tài chính hợp nhất của Công ty

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	31/12/2019		01/01/2019		31/12/2019	01/01/2019
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	VND	VND
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	234.654.430.136	-	853.483.562.746	-	234.654.430.136	853.483.562.746
Phải thu khách hàng	566.016.235.549	(40.236.725.465)	525.420.617.122	(35.020.442.184)	624.779.617.350	490.400.175.958
Phải thu về cho vay	3.810.000.000	(510.000.000)	4.375.000.000	(610.000.000)	3.200.000.000	3.766.000.000
Phải thu khác	105.305.727.221	(1.789.904.445)	76.323.656.358	(1.759.904.445)	103.515.823.756	74.563.752.414
Đầu tư tài chính	947.694.377.053	-	556.859.274.160	-	947.694.377.053	556.859.274.160
	1.863.480.765.239	**(42.536.629.904)**	**2.016.462.110.887**	**(37.420.346.629)**	**1.913.644.136.335**	**1.979.042.766.278**
Nợ phải trả tài chính						
Vay và nợ	4.655.169.587.464	-	3.968.830.025.261	-	4.655.169.587.464	3.956.803.305.251
Phải trả người bán	215.656.865.947	-	167.341.992.919	-	215.656.865.947	167.341.992.919
Phải trả khác	413.459.823.721	-	607.561.592.709	-	413.459.823.721	587.561.592.709
	5.184.176.075.132	**-**	**4.744.733.591.889**	**-**	**5.184.176.075.132**	**4.741.703.591.889**

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI
Địa chỉ: Đường số 8, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

(ii) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phân ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên thiện chí, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Việc ước tính giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty được thực hiện như sau:

Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, vay ngắn hạn và các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn hạn.

Ngoài các khoản mục nêu trên, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày 31/12/2019 do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế và việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn hướng dẫn cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

9. CÁC THÔNG TIN KHÁC

9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

9.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (bao gồm Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm 2019 VNĐ	Năm 2018 VNĐ
Lương, thưởng của Ban điều hành gồm cả các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát kiêm nhiệm	5.282.078.300	6.754.147.467

9.1.2 Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai và các công ty con đã thực hiện giao dịch với các bên liên quan như sau:

Các bên có liên quan	Quan hệ	Giao dịch	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ	Công ty liên kết	Nhận tiền trả lãi HĐQT	107.000.000	108.000.000
		Nhận cổ tức/lợi nhuận được chia	3.615.059.200	3.648.298.400
		Bán thành phẩm, hàng hóa	720.726.000	188.100.000
		Thuê mặt bằng quảng cáo	220.000.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI
Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, TP Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Các bên có liên quan	Quan hệ	Giao dịch	Năm 2018 VNĐ	Năm 2018 VNĐ
Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long Hồ	Công ty liên kết	Nhận tiền thù lao HĐQT	8.000.000	-
		Nhận cổ tức cổ phần được	430.200.000	80.810.000
		Bán thành phẩm, hàng hóa	2.749.794.019	
Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An	Công ty liên kết	Nhận cổ tức của năm trước	3.182.817.940	1.077.012.000
		Mua cổ phần DNP Long An		655.180.550
		Nhận tiền thù lao HĐQT	72.000.000	72.000.000
		Bán thành phẩm, hàng hóa		4.268.058
		Hàng bán trả lại	18.104.400	-
Công ty cổ phần Đông Hải	Công ty liên kết	Mua nước sạch	60.172.723	100.333.160
Công ty cổ phần Cấp thoát nước Gò Dầu	Công ty liên kết	Nhận cổ tức của năm trước	4.303.657.143	4.301.000.000
		Nhận tiền thù lao HĐQT	1.890.000.000	-
			16.000.000	-
Công ty cổ phần Cấp nước Cần Thơ 2	Công ty liên kết	Nhận cổ tức	3.199.004.550	-
		Bán thành phẩm, hàng hóa	-	1.712.001.920
Công ty cổ phần Đô thị Bình Hòa	Công ty liên kết	Kem thành phẩm, hàng hóa	2.023.040.020	

9.2 Thông tin về bộ phận

Tại thời điểm 31/12/2019, Công ty phân loại hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ và các công ty thành viên gồm 2 ngành chính theo lĩnh vực kinh doanh:

- Ngành nhựa: sản xuất kinh doanh ống, bao bì nilong và nhựa công nghiệp.
- Ngành nước: Sản xuất và kinh doanh nước sạch

Hoạt động kinh doanh của Công ty về mặt địa lý gồm:

- Hoạt động kinh doanh trong nước
- Hoạt động kinh doanh xuất khẩu

Công ty lập báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI
Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, TP Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

9.2.1 Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Chỉ tiêu	Năm 2019			Năm 2018		
	Ngành nhựa	Ngành nước	Tổng cộng toàn doanh nghiệp	Ngành nhựa	Ngành nước	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.253.572.754.336	545.537.513.139	2.799.110.267.318	1.865.147.903.128	312.574.165.584	2.182.322.071.712
2. Khấu hao TSCĐ	68.539.442.336	165.631.773.798	234.171.216.134	68.336.273.468	104.372.233.133	172.708.506.601
3. Lãi từ thương mại chiến bỏ	5.136.223.372	36.291.065.902	42.426.292.174	5.136.223.372	12.726.538.172	17.862.761.544
4. Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh	342.579.063.377	167.232.743.334	509.811.806.711	251.825.165.903	84.533.282.372	336.358.448.275

9.2.2 Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Chỉ tiêu	Năm 2019			Năm 2018		
	Trong nước	Xuất khẩu	Tổng cộng toàn doanh nghiệp	Trong nước	Xuất khẩu	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.262.317.749.551	536.792.517.767	2.799.110.267.318	1.737.400.234.967	445.921.836.745	2.183.322.071.712

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI
Số 9 Đường số 3, KCN Biên Hòa 1, Tp. Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

[illegible]

Số liệu so sánh được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được Công ty Cổ phần Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Phía Bắc

[illegible]

Không có bất kỳ sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính [illegible]

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã ảnh hưởng đến số liệu trên báo cáo tài chính [illegible]

Nguyễn Văn Hiếu	Trần Thái Sơn	Phạm Thị Thu Hằng
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập biểu**

Đồng Nai, ngày 08 tháng 04 năm 2019

Văn phòng Hà Nội:
Tầng 23, Tòa nhà Handico, Phạm Hùng,
quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

Văn phòng TPHCM:
Tầng 6, Tòa nhà GIC, 161 Ung Văn Khiêm,
quận Bình Thạnh, TPHCM

Webiste:
www.dnpcorp.vn

Trụ sở chính:
314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TPHCM

Chi nhánh Long An:
Cụm Công nghiệp Nhựa Đức Hòa Hạ (Lô C16), ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

Chi nhánh Bắc Ninh:
Cụm Công nghiệp Xuân Lâm, xã Xuân Lâm, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh

Trụ sở chính:
Đường số 9, Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Nhựa Đồng Nai Miền Trung:
Lô 6, Khu Công nghiệp Điện Nam – Điện Ngọc, tỉnh Quảng Nam

Trụ sở chính:
Thôn Càn, xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang